SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK

TRƯỜNG THPT SỐ 1 LÊ HỒNG PHONG

.....

TÀI LIỆU
ÔN THI TỐT NGHIỆP THPT 2027
BỘ MÔN: NGỮ VĂN



TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ

Ea Phê, tháng 8 năm 2026

CHUYÊN ĐỀ 1

YÊU CẦU CHUNG VÀ ĐỊNH DẠNG CẤU TRÚC ĐỀ THI TỐT NGHIỆP THPT MÔN NGỮ VĂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu năng lực đọc hiểu văn bản

a. Đối với văn bản văn học

– Đọc hiểu nội dung

+ Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

+ Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong văn bản.

+ Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.

– Đọc hiểu hình thức

+ Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển, hiện thực và lãng mạn qua các tác phẩm văn học tiêu biểu đã học.

+Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện truyền kì như đề tài, nhân vật, ngôn ngữ, yếu tố kì ảo, thủ pháp nghệ thuật,...; đánh giá vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, liên hệ với vai trò của yếu tố đó trong truyện cổ dân gian.

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết (hiện đại, hậu hiện đại) như ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật,...

+ Phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ,...

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng,...

+ Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của phóng sự, nhật kí hoặc hồi kí như tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết;...

- **Liên hệ, so sánh, kết nối**

+ Nhận biết và phân tích được quan điểm của người viết về lịch sử, văn hoá thể hiện trong văn bản.

+ Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về văn bản văn học.

+ Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và sự tiến bộ xã hội.

+ Vận dụng được kiến thức về lịch sử văn học và kĩ năng tra cứu để sắp xếp một số tác phẩm, tác giả lớn theo tiến trình lịch sử văn học; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.

b. Đối với văn bản nghị luận

– Đọc hiểu nội dung

+ Nhận biết, phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản; chỉ ra mối liên hệ của chúng; đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề của văn bản.

+ Biết tiếp nhận, đánh giá nội dung với tư duy phê phán; nhận biết được mục đích, tình cảm và quan điểm của người viết.

– Đọc hiểu hình thức

+ Phân tích và đánh giá được cách tác giả sử dụng một số thao tác nghị luận (chẳng hạn như chứng minh, giải thích, bình luận, so sánh, phân tích hoặc bác bỏ) trong văn bản để đạt được mục đích.

+ Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này.

+ Nhận biết và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận.

– Liên hệ, so sánh, kết nối

Biết đánh giá, phê bình văn bản dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.

c. Đối với văn bản thông tin

- **Đọc hiểu nội dung**

+ Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của các yếu tố trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.

+ Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; đánh giá được thái độ và quan điểm của người viết.

- **Đọc hiểu hình thức**

+ Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề văn bản; đề xuất được nhan đề khác cho văn bản.

+ Đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp các thông tin trong văn bản. Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong văn bản.

- Liên hệ, so sánh, kết nối

+ So sánh được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ.

+ Đánh giá, phê bình được văn bản dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.

2 .Yêu cầu năng lực viết

Năng lực viết của HS trong kì thi tốt nghiệp THPT được đánh giá qua yêu cầu viết đoạn văn hoặc bài văn nghị luận xã hội và nghị luận văn học.

+Yêu cầu đối với câu nghị luận xã hội

- Theo 1 trong 2 dạng: Nghị luận về 1 vấn đề có liên quan đến văn bản đọc hiểu hoặc 1 vấn đề độc lập.
- Đề tài/nội dung nghị luận nên là những vấn đề gắn với tuổi trẻ.
- Hình thức: đoạn văn (200 chữ) hoặc bài văn (600 chữ).

+Yêu cầu đối với câu nghị luận văn học

- Theo 1 trong các dạng: nghị luận về một đoạn trích/ tác phẩm (thơ, truyện, kịch, kí); so sánh, đánh giá hai đoạn trích/ tác phẩm (thơ, truyện, kịch, kí).
- Ngữ liệu: ngoài sách giáo khoa (có thể sử dụng ngữ liệu ở phần đọc hiểu hoặc ngữ liệu khác)
- Hình thức: đoạn văn (200 chữ) hoặc bài văn (600 chữ).

2. Hệ thống thể loại và kiểu văn bản

+ Thơ (nói chung)
+ Thơ và thơ có yếu tố tượng trưng
+ Truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm, truyện ngắn hiện đại
+ Thơ trữ tình hiện đại có yếu tố và biểu tượng, tượng trưng, siêu thực
+ Chèo, tuồng
+ Bi kịch
+ Hài kịch
+ Thần thoại, sử thi
+ Truyện truyền kì, tiểu thuyết, truyện hiện đại/hậu hiện đại
+ Tuỳ bút, tản văn, truyện kí
+ Phóng sự, nhật kí, hồi kí

II. ĐỊNH DẠNG VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Theo thông báo của Bộ GDĐT, đề thi tốt nghiệp THPT có định dạng và cấu trúc đề như sau:

– Định dạng đề: Tự luận.

– Thời gian làm bài: 120 phút (không kể thời gian phát đề).

– Cấu trúc đề gồm hai phần:

Phần 1. Đọc hiểu.

+ Văn bản đọc được lựa chọn là một trong ba loại: văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin. Ngữ liệu là văn bản mới, không có trong các sách giáo khoa (SGK), có độ dài vừa phải. Nếu là đoạn trích từ tác phẩm dài, cần có tóm tắt nhằm giúp HS hiểu bối cảnh của đoạn trích.

+ Câu hỏi đọc hiểu bám sát các yêu cầu đọc hiểu văn bản cho mỗi thể loại theo ba mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng; hình thức tự luận gồm năm câu (2 câu hỏi đầu ở mức

độ nhận biết, 2 câu hỏi tiếp theo ở mức độ thông hiểu và 1 câu hỏi ở mức độ vận dụng), trong đó có câu hỏi về tiếng Việt.

+ Năng lực đọc hiểu không chỉ được kiểm tra độc lập như trong cấu trúc trên mà còn được đánh giá qua kĩ năng viết, nhất là viết nghị luận văn học, HS phải đọc hiểu văn bản mới có thể làm tốt được bài văn.

Phần 2. Viết. Gồm:

a) Nghị luận xã hội:

+ Vấn đề nghị luận có thể liên quan hoặc không liên quan với văn bản đọc hiểu.

+ Về hình thức: có thể viết bài văn hoặc đoạn văn nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, viết một bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội, viết văn bản dưới hình thức thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm,...

b) Nghị luận văn học: (*Ngữ liệu không có trong các SGK*)

+ Phân tích, nhận xét, đánh giá một văn bản (tác phẩm hoặc đoạn trích).

+ Liên hệ, so sánh hai văn bản (tác phẩm hoặc đoạn trích).

+ Phân tích, làm rõ một đặc điểm thể loại từ một văn bản văn học.

***Tỉ lệ điểm**: Đọc hiểu (4,0 điểm), Viết (6,0 điểm). Trong phần viết thì viết đoạn văn sẽ chiếm 2,0 điểm và viết bài văn chiếm 4,0 điểm.

*** Yêu cầu viết đoạn văn hoặc bài văn, tuỳ vào ngữ liệu của phần Đọc hiểu:**

+ Nếu ngữ liệu phần Đọc hiểu là văn bản thông tin hoặc văn bản nghị luận xã hội thì sẽ có yêu cầu viết đoạn văn nghị luận xã hội và bài văn nghị luận văn học.

+ Nếu ngữ liệu phần Đọc hiểu là văn bản văn học hoặc văn bản nghị luận văn học thì sẽ có yêu cầu viết bài văn nghị luận xã hội và viết đoạn văn nghị luận văn học. Tổng độ dài của văn bản ngữ liệu (cả văn bản phần đọc hiểu và văn bản phần viết) không vượt quá 1300 chữ để có thể trình bày đề thi trong hai trang giấy A4.

III. ĐỀ THI TN THPT CỦA BỘ GD VÀ ĐT:

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 02 trang)

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2026 – LẦN 2
Môn thi: NGỮ VĂN
Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: .....
Số báo danh: .....

ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)
Đọc văn bản:

(1) Văn hóa từ lâu đã được xác định là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, nguồn lực nội sinh và động lực của phát triển. Chính vì giữ vai trò nền tảng, văn hóa cũng trở thành một lĩnh vực đặc biệt nhạy cảm trước những biến động của đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, công nghệ và môi trường.

(2) An ninh văn hóa không chỉ là việc ngăn chặn những sản phẩm độc hại, phản cảm hay những hành vi xâm phạm di sản. Hiểu một cách đầy đủ hơn, đó là trạng thái trong đó bản sắc, hệ giá trị, ký ức lịch sử, quyền văn hóa, đời sống tinh thần và năng lực sáng tạo của cộng đồng được bảo vệ; đồng

thời, xã hội có đủ khả năng nhận diện, hấp thụ có chọn lọc và chuyển hóa những ảnh hưởng từ bên ngoài thành nguồn lực cho phát triển.

(3) Như vậy, bảo đảm an ninh văn hóa không đồng nghĩa với khép kín văn hóa, càng không phải dựng lên những hàng rào ngăn cản giao lưu và sáng tạo. Một nền văn hóa càng có bản lĩnh càng không sợ đối thoại. Một xã hội càng tự tin về bản sắc càng có khả năng tiếp nhận tinh hoa nhân loại mà không đánh mất chính mình.

(4) Tại cuộc gặp mặt các già làng, trưởng bản, nghệ nhân và người có uy tín tiêu biểu ngày 18/4/2026, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh: "Văn hóa không chỉ là bản sắc riêng của từng dân tộc, mà còn là sợi dây kết nối". Phát biểu này gợi mở một cách hiểu rất quan trọng: bảo vệ văn hóa không chỉ là bảo vệ những biểu tượng hay thực hành riêng lẻ, mà còn là bảo vệ sự gắn kết xã hội, khối đại đoàn kết toàn dân tộc và nền tảng tinh thần tạo nên sự ổn định từ cơ sở.

(5) Trong bối cảnh hiện nay, các nguy cơ đối với an ninh văn hóa ngày càng mang đầy đủ những đặc trưng của an ninh phi truyền thống: không giới hạn trong biên giới quốc gia; có khả năng lan truyền rất nhanh; liên quan đến nhiều chủ thể; khó xác định chính xác nguồn phát; đan xen giữa yếu tố bên trong và bên ngoài; giữa mục đích kinh tế, công nghệ với những tác động xã hội, chính trị và văn hóa.

(6) Một video giả mạo có thể được tạo ra ở bất cứ đâu, phát tán qua nền tảng xuyên biên giới và tiếp cận hàng triệu người chỉ trong vài giờ. Một thuật toán đề xuất nội dung tưởng như thuần túy kỹ thuật có thể từng bước làm thay đổi thị hiếu, ngôn ngữ, hành vi và cách đánh giá đúng - sai của một bộ phận công chúng. Một di sản có thể còn nguyên vẹn kiến trúc nhưng dần mất đi cộng đồng thực hành, ký ức và không gian văn hóa vốn tạo nên linh hồn của di sản ấy.

(7) Đó là lý do không thể chỉ nhìn an ninh văn hóa qua những vụ việc riêng lẻ. Vấn đề cốt lõi nằm ở khả năng của quốc gia trong việc dự báo, phòng ngừa và quản trị những tác động tích lũy lâu dài đối với con người, cộng đồng và nền văn hóa.

(*Những "mặt trận vô hình" của an ninh văn hóa*, Bùi Hoài Sơn, báo Công an nhân dân số 7678, thứ Tư ngày 5/8/2026, tr.5)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định luận đề của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra những đặc trưng của an ninh phi truyền thống được đề cập trong đoạn (5).

Câu 3. Anh/Chị hiểu như thế nào về nghĩa của các từ *hấp thụ* và *chuyển hóa* được tác giả sử dụng khi nói về văn hóa trong đoạn (2)?

Câu 4. Nêu quan điểm của tác giả được thể hiện trong văn bản.

Câu 5. Từ nhận định *Một xã hội càng tự tin về bản sắc càng có khả năng tiếp nhận tinh hoa nhân loại mà không đánh mất chính mình*, anh/chị hãy nêu những việc cần làm để giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa.

II.VIẾT (6,0 điểm)

1.Câu 1 ***(2,0 điểm)***

Việc đưa tin xấu độc, tin chưa kiểm chứng và phát tán các video giả mạo đã ảnh hưởng tiêu cực đến niềm tin xã hội.

Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về sự cần thiết phải trung thực khi tạo lập và chia sẻ thông tin.

2.Câu 2 ***(4,0 điểm)***

Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích bài thơ sau:

CÁNH ĐỒNG TUỔI THƠ

Trịnh Thanh Sơn[1]

Ấy là khi mẹ gọi chú bé dậy vào lúc mờ sương
Hôm nay cắt cỏ đồng xa
Chú bé vừa dụi mắt, vừa nhai vội vàng mấy củ khoai luộc, nghẹn nuốt, nghẹn nuốt...
Đầu đòn càn toòng teng mo cơm, chai nước giếng thơi mẹ chuẩn bị cho từ đêm trước
Chú bé đi giữa cánh đồng nhằm hướng hừng đông.
Bốn bề bát ngát cói, bát ngát cói.

Chú bé lọt thỏm giữa cánh đồng như cây nấm di động.

Cái bóng ngắn ngủi cặm cụi, cặm cụi trong ánh mai hồng lựng

Hoa cỏ nâu ngai ngái thơm mùi bùn đất phù sa, ngai ngái thơm mùi thịt da dậy thì. Hoa cói nâu toòng teng mo cơm, chai nước.

Chú bé nặng nhọc bước, chân lút trong bùn, miệng lầm bẩm giữa cánh đồng:

Hôm nay sẽ được hai công[2]

Ai biết một lá chiếu đệt bằng bao nhiêu sợi cỏ, ai biết chú bé mười lăm kia đã cắt bao đóm cói và làm nên bao nhiêu lá chiếu, ai biết bao giọt mồ hôi chưa kịp mặn của chú bé mười lăm đã nhỏ xuống cánh đồng?

Ôi! Cánh đồng tuổi thơ

Hoa cói nâu ngai ngái ngày xưa

Thắm vào thịt da, thắm vào chân tóc,

Chiếc đòn càn, mo cơm khoai, chai nước giếng thơi,

Mùi bùn đất ngày xưa làm sao quên được!

Nếu đường quê thăm thẳm xa trong tâm thức xót xa đưa chú bé vào đời

Chú bé mang cả cánh đồng sau lưng đi vào thành phố!

(*Nửa thế kỷ thơ,* Tạp chí Văn nghệ Quân đội, NXB Quân đội nhân dân, 2006, tr.611-612)

---HẾT---

-Thí sinh không được sử dụng tài liệu.

-Giám thị không giải thích gì thêm.

(1) Trịnh Thanh Sơn: nhà thơ, nhà báo, nguyên biên tập viên của báo *Văn Nghệ Trẻ*

(2) Công điểm hợp tác xã

CHUYÊN ĐỀ 2

RÈN KĨ NĂNG LÀM PHẦN ĐỌC HIỂU

I. YÊU CẦU ĐỌC HIỂU, NGỮ LIỆU VÀ CÁC DẠNG CÂU HỎI

1. Yêu cầu đọc hiểu

– Đọc hiểu nội dung văn bản thể hiện qua các yêu cầu HS sau khi đọc phải hiểu được chi tiết, đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp,... có trong văn bản, bao gồm cả nội dung bề nổi (hiển ngôn, tường minh, nghĩa đen, cái biểu đạt,...) và nội dung bề sâu (hàm ngôn, hàm ẩn, nghĩa bóng, cái được biểu đạt,...).

- Đọc hiểu hình thức thể hiện khi đọc phải hiểu (nhận biết, phân tích, nhận xét, đánh giá) được đặc điểm các kiểu văn bản và thể loại, các thành tố của mỗi kiểu văn bản và thể loại (câu chuyện, cốt truyện, truyện kể, nhân vật, không gian, thời gian, người kể chuyện, điểm nhìn, vần thơ, nhịp thơ, lí lẽ, bằng chứng,...), ngôn ngữ biểu đạt,....

– Liên hệ, so sánh, kết nối là các yêu cầu cần đạt hướng tới kĩ năng biết liên hệ, so sánh giữa các văn bản, kết nối văn bản với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội; kết nối văn bản với trải nghiệm cá nhân người đọc;... để hiểu thêm văn bản. Ngoài ra, còn có yêu cầu cần đạt về đọc hiểu văn bản đa phương thức.

2.**Ngữ liệu của đề đọc hiểu**

Ngữ liệu trong đề kiểm tra năng lực đọc hiểu là một đoạn trích mà HS chưa được học, không có trong SGK Ngữ văn. Ngữ liệu đọc có thể thuộc một trong ba loại văn bản: văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin. Mỗi loại văn bản lại có nhiều thể loại và tiểu loại. Do thời gian làm bài không nhiều nên văn bản ngữ liệu (đoạn trích) cho phần Đọc hiểu thường có độ dài vừa phải, nhất là kiểu đề yêu cầu cả hai phần (đọc hiểu và viết nghị luận văn học) đều là văn bản ngữ liệu mới. Nếu là ngữ liệu trích từ một văn bản dài (nhất là truyện và kí) thì đề thi sẽ có phần tóm tắt bối cảnh nhằm giúp HS hiểu được xuất xứ của văn bản trích. Về nội dung (độ khó), văn bản trích trong phần Đọc hiểu tương đương với các văn bản mà HS đã được học, nhất là trong CT lớp 12 (bao gồm cả về nội dung, kiểu, loại văn bản và mức độ phức tạp của câu hỏi).

3.Các dạng câu hỏi đọc hiểu văn bản

Câu hỏi đọc hiểu các loại văn bản được xác định theo ba mức độ nhận thức: nhận biết, thông hiểu và vận dụng.

+ Mức độ nhận biết: Đọc thuộc lòng (bài thơ, đoạn văn,...); kể lại (câu chuyện đã đọc, sự việc đã chứng kiến,...); nhận biết (đặc điểm kiểu văn bản, thể loại; tính toàn vẹn, chỉnh thể của văn bản; lí lẽ, bằng chứng, thông tin; biện pháp tu từ;...)

+ Mức độ thông hiểu: Nhận biết, phân tích (chủ đề, thông điệp; tình cảm, cảm xúc của người viết; cách triển khai ý tưởng;...); hiểu, xác định (đề tài, thông tin, cảm hứng chủ đạo,...); phân tích (đặc điểm kiểu văn bản, thể loại;...); hiểu (chủ đề, thông tin cơ bản,...); giải thích (tác dụng của biện pháp tu từ,...); tóm tắt (các ý chính của một đoạn, nội dung của văn bản,...); nhận xét, đánh giá (nội dung, hình thức, các biện pháp nghệ thuật, cách

lập luận, đề tài, cách chọn lọc và sắp xếp thông tin, thái độ và quan điểm người viết;...)

+ Mức độ vận dụng: Vận dụng (kiến thức tiếng Việt, văn học, kinh nghiệm,...); so sánh (nhân vật, văn bản,...); liên hệ (văn bản với bản thân, văn bản với bối cảnh,...); viết (đoạn văn, bài văn,...); thuyết trình, trình bày (vấn đề, ý kiến, bài giới thiệu, báo cáo nghiên cứu,...)

a. Câu hỏi đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản văn học

+Các dạng câu hỏi kiểm tra mức độ nhận biết

- Nhận biết thể loại của văn bản.
- Nêu phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.
- Chỉ ra sự kết hợp của các phương thức biểu đạt.
- Nhận biết các đơn vị ngôn ngữ như ngữ âm, từ loại, biện pháp tu từ, các kiểu câu,... trong văn bản.
- Nhận biết đề tài và nhân vật chính trong một văn bản văn học.
- Nhận biết một số đặc điểm của thể loại truyện truyền kì trong văn bản.
- Nhận biết đặc điểm nổi bật của thơ trữ tình hiện đại được thể hiện trong văn bản.
- Chỉ ra một yếu tố biểu tượng, tượng trưng, siêu thực trong một văn bản thơ.
- Nhận biết nhân vật trữ tình, cái tôi trữ tình, chủ thể trữ tình trong văn bản thơ
- Chỉ ra nhân vật thể hiện rõ nhất đặc điểm của nhân vật hài kịch trong văn bản.
- Nhận biết và chỉ ra tình huống hài kịch trong văn bản.
- Chỉ ra một số biểu hiện về tính hư cấu và phi hư cấu trong văn bản truyện kí.
- Nêu ra một số đặc điểm của thể phóng sự trong văn bản.
- Nhận biết một số biểu hiện của tính trữ tình trong văn bản tuỳ bút.
- Nhận biết ngôi kể, người kể chuyện, điểm nhìn trong văn bản.
- Dẫn ra ví dụ về lời người kể chuyện, lời nhân vật, lời độc thoại, lời đối thoại,... trong văn bản.
- Chỉ ra một số biểu hiện của phong cách cổ điển, hiện thực hoặc lãng mạn của văn bản.
- Nhận biết được quan điểm của người viết về lịch sử, văn hoá,... được thể hiện trong văn bản.

+Các dạng câu hỏi kiểm tra mức độ thông hiểu

- Đánh giá vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì. Biết liên hệ vai trò của yếu tố này trong truyện cổ dân gian.
- Giải thích đặc điểm của tiểu thuyết hiện đại qua một số yếu tố tiêu biểu.
- Nêu tác dụng của một số yếu tố trong thơ trữ tình hiện đại như ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực,...
- Nhận xét vai trò của một số yếu tố trong hài kịch như ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng,...
- Giải thích được một số đặc điểm của phóng sự, nhật kí hoặc hồi kí qua một số yếu tố như tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật như miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết,...
- Chỉ ra tác dụng của các biện pháp tu từ có trong văn bản.

– Nêu tác dụng của các từ ngữ, câu văn, hình ảnh độc đáo trong văn bản.
– Giải thích ý nghĩa nhan đề văn bản.
– Nêu vai trò của các chi tiết, sự kiện, nhân vật tiêu biểu trong văn bản.
– Nhận xét sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.
– Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.
– Nêu giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ có trong văn bản.
– Phát hiện các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.
– Nhận xét sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo trong văn bản.

+Các dạng câu hỏi kiểm tra mức độ vận dụng

– Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử để hiểu nội dung thông điệp của văn bản.
– Vận dụng những kiến thức về tác giả, tác phẩm để hiểu văn bản.
– Phân tích và đánh giá khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội.
– Vận dụng những hiểu biết về tiếng Việt để hiểu văn bản.
– Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản văn học, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về văn bản văn học.
– Nêu bài học hoặc ảnh hưởng của văn bản đối với cá nhân người đọc.
– Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5-10 dòng) ghi lại cảm xúc hoặc sự yêu thích của cá nhân về một chi tiết, câu chữ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật,... của văn bản.
– Liên hệ, so sánh với một văn bản khác đã học hoặc đã đọc.
- Trình bày tóm tắt nội dung văn bản bằng một sơ đồ.
– Nêu ấn tượng của cá nhân về một ảnh minh hoạ trong văn bản, đề xuất nội dung minh hoạ khác,...

b. Câu hỏi đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản nghị luận

+ Các dạng câu hỏi kiểm tra mức độ nhận biết

– Nêu bố cục và tóm tắt nội dung chính trong mỗi phần của văn bản.
– Nhận biết mục đích của văn bản.
– Nhận biết đề tài của văn bản.
– Phân biệt nghị luận văn học và nghị luận xã hội; nghị luận trung đại và nghị luận hiện đại.
– Nhận biết phương thức chính và phương thức biểu đạt kết hợp trong văn bản. – Nhận biết đặc điểm của các thao tác chính và các thao tác kết hợp được sử dụng trong văn bản.
– Chỉ ra luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản. – Nhận biết tình cảm, thái độ của người viết qua văn bản.
– Nhận biết các biện pháp tu từ, các loại câu khẳng định, phủ định,... trong văn bản.
– Nhận biết các bằng chứng khách quan và bằng chứng chủ quan trong văn bản.

+ Các dạng câu hỏi kiểm tra mức độ thông hiểu

- Nêu ý nghĩa của nhan đề văn bản nghị luận, đặt nhan đề cho văn bản.

- Nhận xét, đánh giá sự phù hợp của nội dung nghị luận với nhan đề văn bản.
- Phân tích tác dụng của một số thao tác nghị luận như chứng minh, giải thích, bình luận, so sánh, phân tích hoặc bác bỏ,...

– Phân biệt luận đề và luận điểm; lí lẽ và bằng chứng trong văn bản.
– Nêu tác dụng của sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản.
– Phân tích sự phù hợp của các lí lẽ và bằng chứng; giữa lí lẽ và luận điểm, giữa các luận điểm và luận đề trong văn bản.
– Chỉ ra quan điểm của người viết thể hiện qua văn bản.
– Phân tích và nhận xét đặc điểm ngôn ngữ trong văn bản.
– Phân tích tác dụng của từ ngữ và các biện pháp tu từ trong văn bản.
– Chỉ ra tác dụng của các loại câu khẳng định, phủ định,... trong văn bản.
– Phân tích vai trò của các yếu tố ngôn ngữ biểu cảm và giọng điệu của người viết trong văn bản.
– Hiểu tác dụng của các bằng chứng khách quan và bằng chứng chủ quan trọng văn bản.
– Phân tích vai trò của cách lập luận trong văn bản.
– Chỉ ra tính thuyết phục của văn bản.
– Dẫn ra các câu văn trong văn bản thể hiện ý kiến nhận xét mang tính chủ quan của người viết.

+ Các dạng câu hỏi kiểm tra mức độ vận dụng

– Nhận xét ý nghĩa của vấn đề nghị luận đặt ra trong văn bản.
– Nêu tác động của nội dung văn bản đối với cá nhân người đọc.
– Liên hệ với bối cảnh đời sống xã hội hiện nay để nêu ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản nghị luận.
– Chỉ ra mối quan hệ giữa nội dung văn bản với bối cảnh xã hội khi tác phẩm nghị luận ra đời.
– Bài học từ văn bản nghị luận đã đọc (nội dung tư tưởng hoặc cách viết văn nghị luận).
– Liên hệ nội dung văn bản nghị luận với trải nghiệm và quan điểm của bản thân.
– Tóm tắt hệ thống luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận bằng một sơ đồ.
– Bài học từ văn bản nghị luận đã đọc (nội dung tư tưởng hoặc cách viết văn nghị luận).
– Liên hệ nội dung văn bản nghị luận với trải nghiệm và quan điểm của bản thân. 'ận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị
– Viết đoạn văn ngắn nêu mục đích hoặc nội dung chính của văn bản nghị luận.
– Nêu thái độ của người đọc với vấn đề đặt ra trong văn bản nghị luận (tán thành hoặc phản đối, và lí giải).
– Phát biểu ý kiến cá nhân về yếu tố thích nhất trong văn bản nghị luận và lí giải.

c. Câu hỏi đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản thông tin

+ Các dạng câu hỏi kiểm tra mức độ nhận biết

– Nêu được bố cục và tóm tắt nội dung chính của mỗi phần của văn bản.
- Nhận biết mục đích của văn bản.

– Nhận biết đề tài của văn bản.
– Nhận biết đặc điểm của văn bản thông tin tổng hợp.
- Chỉ ra phương thức biểu đạt chính và phương thức biểu đạt kết hợp trong văn bản thông tin tổng hợp.
– Nhận biết cách thức triển khai trong văn bản.
– Chỉ ra các chi tiết, dữ liệu tiêu biểu, độc đáo trong văn bản.
– Nhận biết nội dung của phần Sa pô.
– Nhận biết dữ liệu sơ cấp và thứ cấp trong văn bản.
– Nhận biết thái độ của người viết trong văn bản.

+ Các dạng câu hỏi kiểm tra mức độ thông hiểu

- Nêu ý nghĩa của nhan đề văn bản thông tin, đề xuất được nhan đề khác cho văn bản.
- Nhận xét và đánh giá được sự phù hợp của nội dung với nhan đề văn bản.
- Phân tích vai trò của các số liệu trong văn bản.
- Phân biệt các yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong một văn bản.
– Nêu tác dụng của sự kết hợp các phương thức biểu đạt trong văn bản.
– Phân tích sự phù hợp của cách triển khai thông tin với mục đích của văn bản.
– Nêu tác dụng của một số yếu tố ngôn ngữ nổi bật trong văn bản (từ ngữ, các
– Chỉ ra thái độ và quan điểm của người viết thể hiện qua văn bản.
– Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản.
– Phân tích và nhận xét cách chọn lọc và sắp xếp thông tin trong văn bản.
– Phân tích và nhận xét được tính mới mẻ, cập nhật và độ tin cậy của dữ liệu, thông tin trong văn bản.
– So sánh hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ với văn bản thông tin có kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ.
– Phân tích vai trò của các yếu tố hình ảnh, bảng biểu, đồ thị,... trong văn bản.

+ Các dạng câu hỏi kiểm tra mức độ vận dụng

– Nhận xét ý nghĩa của nội dung thông tin chính đặt ra trong văn bản.
– Nêu tác động của nội dung văn bản với cá nhân người đọc.
– Liên hệ với bối cảnh đời sống xã hội hiện nay để nêu ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản.
– Chỉ ra mối quan hệ giữa nội dung với bối cảnh xã hội khi văn bản ra đời.
– Bài học từ văn bản thông tin (nội dung hoặc cách viết).
– Liên hệ nội dung văn bản thông tin với trải nghiệm và quan điểm của bản thân.
– Trình bày thông tin trong văn bản bằng một sơ đồ.
– Viết đoạn văn ngắn nêu mục đích hoặc nội dung chính của văn bản.
– Nêu thái độ của người đọc với vấn đề đặt ra trong văn bản (tán thành hoặc phản đối và lí giải).
– Phát biểu ý kiến cá nhân về yếu tố thích nhất trong văn bản thông tin và lí giải.
– Đề xuất minh hoạ cho văn bản.

4. Hướng dẫn làm các câu hỏi đọc hiểu

Các dạng yêu cầu đọc hiểu như trên đã nêu rất đa dạng nhưng đều có chung một mục đích là HS cần nhận biết và lí giải được nội dung, thông tin có trong văn bản. Mỗi yêu cầu là một câu hỏi, bài tập trong phần Đọc hiểu. Vì thế, HS cần chú ý:

Bước 1. Đọc kĩ, xác định đúng kiểu/loại văn bản

Đề thi chỉ nêu văn bản, không nói đó là loại văn bản nào nên HS cần xác định được loại văn bản (văn học, nghị luận hay thuyết minh?). Để xác định đúng loại văn bản, các em cần dựa vào mục đích và đặc điểm của mỗi loại.

a. Văn bản văn học

- Mục đích của văn bản văn học là bộc lộ, thổ lộ, giãi bày cảm xúc, tình cảm, tư tưởng của người viết (nhà văn, nhà thơ) trước một đối tượng nào đó trong cuộc sống.
- Theo nghĩa rộng, văn bản văn học gồm tất cả các văn bản sử dụng ngôn từ một cách có nghệ thuật (thơ, truyện, kịch, hịch, cáo, chiếu, biểu,...). Theo nghĩa hẹp, văn bản văn học chỉ bao gồm các sáng tác có hình tượng nghệ thuật được xây dựng bằng văn bản hư cấu (như thần thoại, sử thi, truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch, thơ,...) hoặc văn bản phi hư cấu (như các thể loại của kí).
- Trong văn bản văn học có nhiều thể loại lớn và tiểu loại. Thể loại lớn của văn bản văn học gồm: truyện, thơ, kí, kịch; trong mỗi thể loại lớn có các tiểu loại.

– Truyện có các tiểu loại như: truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện dân gian (thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, ngụ ngôn, sử thi, truyện thơ,...), truyện truyền kì, truyện thơ Nôm, truyện trinh thám, truyện khoa học viễn tưởng,...

– Thơ gồm có thơ lục bát; thơ bốn, năm, sáu, bảy, tám chữ; thơ Đường luật (tứ tuyệt, thất ngôn bát cú); thơ tự do; thơ văn xuôi;... Ngoài ra, người ta còn phân loại thơ theo tính chất như thơ có yếu tố tự sự, miêu tả; thơ có yếu tố tượng trưng, siêu thực;... thơ ca dân gian; thơ trung đại; thơ hiện đại;...

– Kí có các tiểu loại như tuỳ bút, phóng sự, tản văn, hồi kí, nhật kí, bút kí,...

– Kịch có bi kịch, hài kịch, kịch dân gian (tuồng, chèo,...).

Mỗi thể loại đều có đặc điểm riêng, có những thể loại HS dễ nhận ra như các thể thơ, văn bản kịch,... nhưng có thể loại khó nhận biết hơn như truyện và kí vì đều là văn xuôi. Trong trường hợp đó, các em cần căn cứ vào đặc điểm riêng của mỗi loại. Chẳng hạn:

– Đặc điểm của truyện là tính hư cấu, tưởng tượng; thường có cốt truyện (mở đầu, phát triển và kết thúc), có nhân vật và sự việc, có bối cảnh (không gian, thời gian),...

– Đặc điểm của kí là tính phi hư cấu (sự việc, nhân vật có thật); tính trữ tình khá đậm nét thể hiện ở cái tôi người viết và ngôn ngữ giàu chất thơ; vấn đề trong kí giàu ý nghĩa thời sự;...

+ Khi đọc văn bản cần chú ý đặc điểm riêng thuộc các thể loại khác nhau:

– ***Đọc truyện cần chú ý các đặc trưng tự sự:*** cốt truyện, tình huống, nhân vật, chi tiết, điểm nhìn, lời văn trần thuật và các bút pháp nghệ thuật gắn với từng tiểu loại của văn bản như truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện thần thoại, truyện truyền kì, truyện thơ Nôm,... Thông qua các yếu tố hình thức trên để hiểu thông điệp, nội dung, tư tưởng của truyện.

– ***Đọc thơ cần chú ý các nét đặc trưng trữ tình*** như mạch cảm xúc, cảm hứng trữ tình; cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình, khổ thơ, vần, nhịp, cấu tứ, hình ảnh, các biện pháp tu từ, ngôn ngữ,... gắn với mỗi tiểu loại (thơ Đường luật, thơ tự do, thơ lục bát,...). Từ các yếu tố hình thức này để hiểu tình cảm, cảm xúc chủ đạo và thông điệp tư tưởng của tác giả qua văn bản thơ.

– ***Đọc văn bản kí*** cần chú ý tính xác thực và cái "tôi" của tác giả; màu sắc trữ tình, ngôn ngữ giàu chất thơ, ngôi kể, điểm nhìn, các thủ pháp nghệ thuật gắn với mỗi tiểu loại của kí (tuỳ bút, tản văn, phóng sự, hồi kí, bút kí, truyện kí,...) và dấu ấn cá nhân của người viết,... Thông qua hình thức văn bản mà hiểu được thái độ, tình cảm, tư tưởng của tác giả và ý nghĩa xã hội của các vấn đề văn bản kí nêu lên,...

- *Đọc văn bản kịch* cần chú ý cách trình bày (hồi, mục, cảnh, hệ thống nhân vật, lời thoại và các chỉ dẫn nghệ thuật,...), nội dung, tư tưởng; cách tổ chức mẫu thuẫn, xung đột và giải quyết vấn đề; các biện pháp nghệ thuật gắn với đặc điểm của mỗi tiểu loại (hài kịch, bi kịch);... Từ đó để hiểu được nội dung, tư tưởng, thái độ của tác giả, cũng như ý nghĩa xã hội và tác động của các vấn đề mà văn bản kịch nêu lên.

b. Văn bản nghị luận

- Mục đích của văn bản nghị luận là nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề (ý kiến, quan điểm, hiện tượng,...). Để thuyết phục người nghe/người đọc, người viết cần nêu lên ý kiến, quan điểm của mình, sau đó thuyết phục người nghe/người đọc bằng cách lập luận, nêu các lí lẽ và bằng chứng cụ thể. Lập luận, lí lẽ giúp người ta hiểu ra vấn đề, còn bằng chứng để người ta tin. Khi đã hiểu và tin thì sẽ bị thuyết phục.

- Văn nghị luận chủ yếu thuyết phục người nghe/người đọc bằng lí lẽ, dẫn chứng (tác động vào lí trí, trí óc), ngoài ra, nhiều khi còn thuyết phục bằng cảm xúc, tình cảm của người viết.

- Căn cứ vào đối tượng nghị luận, người ta chia ra nghị luận xã hội và nghị luận văn học. Đối tượng bàn luận của nghị luận xã hội là các vấn đề xã hội, về một tư tưởng, đạo lí hoặc một hiện tượng có thật trong cuộc sống. Còn đối tượng của nghị luận văn học là một vấn đề văn học (phân tích, đánh giá tác phẩm văn học; làm sáng tỏ một đặc điểm nội dung hay nghệ thuật của một thể loại; hoặc so sánh, đánh giá hai tác phẩm, hai hiện tượng văn học;...).

- Dù là loại nào thì khi đọc văn bản nghị luận, HS cũng cần nhận ra được các yếu tố quan trọng như:

***Luận đề:** vấn đề lớn, trọng tâm và bao trùm lên toàn bộ văn bản; thường mỗi bài chỉ có một luận đề và được nêu ngay ở nhan đề bài nghị luận.

***Luận điểm:** các ý kiến nhằm làm sáng tỏ cho luận đề, một bài nghị luận có thể có nhiều luận điểm. Luận điểm thường mở đầu cho các phần trong thân bài của văn nghị luận.

***Lí lẽ:** sự lập luận, nêu lên căn cứ và cơ sở nhằm làm sáng tỏ cho luận điểm. – Bằng chứng là các ví dụ cụ thể dẫn ra để làm rõ cho lí lẽ và luận điểm.

- Trong văn nghị luận, người ta còn chia ra nghị luận trung đại và nghị luận hiện đại. Nghị luận trung đại chỉ các loại văn hành chính – chức năng, được sử dụng trong thời phong kiến trước đây như hịch, chiếu, cáo, biểu, thư, lời tựa, lời bạt,... Văn nghị luận trung đại thường viết theo lối văn biền ngẫu, đề tài là những vấn đề hệ trọng của đất nước; do

tính chất "văn – sử – triết bất phân" nên nhiều tác phẩm nghị luận trung đại có tính hình tượng, giàu cảm xúc trữ tình như *Chiếu dời đô* (Lý Công Uẩn), *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Đại cáo bình Ngô* (Nguyễn Trãi),...

Nghị luận hiện đại ra đời sau nên chủ yếu sử dụng lí lẽ, lập luận lô gích, bằng chứng xác thực để thuyết phục người đọc, người nghe. Nhiều bài nghị luận hiện đại giàu cảm xúc, nhiệt huyết,... như *Tuyên ngôn Độc lập* hoặc *Lòng yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chi Minh), *Nguyễn Trãi – người anh hùng dân tộc* hoặc *Nguyễn Đình Chiểu – ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc* (Phạm Văn Đồng), *Một thời đại trong thi ca* (Hoài Thanh), *Lại đọc "Chữ người tử tù"* (Nguyễn Đăng Mạnh),...

– Khi đọc văn bản nghị luận, cần chú ý nhận biết và đánh giá được sự đúng đắn mới mẻ, độc đáo của luận đề, luận điểm mà văn bản nêu lên; thấy được các lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu, đa dạng. Lí lẽ và bằng chứng tập trung làm rõ cho luận điểm; các luận điểm làm rõ cho luận đề. Đọc hiểu văn nghị luận cần nhận biết được cảm xúc, thái độ, nhiệt huyết của người viết thể hiện trong văn bản; phân tích được đặc điểm ngôn ngữ văn nghị luận: vừa lô gích, chặt chẽ vừa giàu màu sắc biểu cảm.

c.Văn bản thông tin

– Mục đích của văn bản thông tin là chuyển tải thông tin một cách khách quan, hiệu quả bằng các dữ liệu, con số, hình ảnh, sự kiện,... với hình thức trình bày và cách nêu thông tin đa dạng, hấp dẫn.

– Văn bản thông tin tổng hợp thường sử dụng phương thức chính là thuyết minh và kết hợp với các phương thức khác như biểu cảm, tự sự, miêu tả,... Hình thức của một văn bản thông tin thường có các mục: nhan đề, ngày tháng công bố, sa pô, các tiểu mục, hệ thống kí hiệu, hình ảnh,...

– Khi đọc hiểu văn bản thông tin, các em cần chú ý xác định được nội dung các thông tin cơ bản, đánh giá được tầm quan trọng và ý nghĩa của các thông tin trong văn bản; nhận biết được cách triển khai thông tin của bài viết (nguyên nhân – kết quả, triển khai theo thời gian, không gian hay theo mức độ quan trọng của thông tin,...); hiểu được tác dụng của hình thức trình bày thông tin (nhan đề, sa pô, các đề mục nhỏ, bố cục, hình ảnh,...); nhận biết được tác dụng của các yếu tố tạo nên văn bản thông tin tổng hợp.

Bước 2. Xác định tính chất của loại câu hỏi: nhận biết, thông hiểu hay vận dụng

Đề thi sẽ đánh giá được HS ở cả ba mức độ: nhận biết, thông hiểu và vận dụng. Theo định dạng và cấu trúc đề thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT đã công bố, từ năm 2025 trở đi, số lượng câu hỏi đọc hiểu sẽ là 5 câu hỏi tự luận, mức độ được yêu cầu theo tỉ lệ 2/2/1 (nhận biết 2 câu, thông hiểu 2 câu và vận dụng 1 câu).

Trong ba loại mức độ ấy, câu hỏi thông hiểu và vận dụng khó hơn nên thường được nhiều điểm hơn câu hỏi nhận biết. Ví dụ, nếu đề yêu cầu theo cấu trúc 2/2/1 thì tỉ lệ điểm của 5 câu sẽ là: nhận biết (0,5 điểm), thông hiểu (1,0 điểm) và vận dụng (1,0 điểm).

– **Nhận biết** nghĩa là nhận ra được sự vật, hiện tượng, trả lời được câu hỏi: Nó là gì?. Mức nhận biết thường xoay quanh các yêu cầu nhận diện các yếu tố hình thức bề nổi của văn bản. Mức độ nhận biết các loại, kiểu văn bản được thông qua nhiều dạng câu hỏi khác nhau. Câu trả lời cũng không cần nêu chính xác định nghĩa, khái niệm mà chỉ cần miêu tả, giới thiệu

đúng đặc điểm của sự vật, hiện tượng, và quan trọng hơn là nhận ra được sự vật, hiện tượng ấy trong thực tế. Ví dụ: đề yêu cầu xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích thì HS không phải nêu định nghĩa về biện pháp tu từ mà chỉ cần xác định đó là biện pháp nào.

– **Thông hiểu** nghĩa là nắm được bản chất của sự vật, hiện tượng (thường phải suy luận, không tìm thấy trực tiếp câu trả lời trong văn bản). Một số yêu cầu thường gặp về thông hiểu như khái quát chủ đề, nội dung chính, vấn đề chính mà văn bản đề cập; nêu cách hiểu về một hoặc một số câu văn trong văn bản, hiểu được quan điểm, tư tưởng của tác giả, hiểu được ý nghĩa, tác dụng, hiệu quả của việc sử dụng thể loại, phương thức biểu đạt, từ ngữ, chi tiết, hình ảnh, biện pháp tu từ,... trong văn bản, hiểu được một số nét đặc sắc về nghệ thuật theo đặc trưng thể loại (thơ, truyện, kịch, kí,...) hoặc một số nét đặc sắc về nội dung của văn bản.

Để đánh giá mức độ thông hiểu, người ta thường yêu cầu trả lời câu hỏi: *Thế nào?, Là gì? hoặc Tại sao?, Vì sao?*,... Để trả lời các câu hỏi này, HS phải lí giải và lập luận để chứng minh rằng cách hiểu của mình là có cơ sở chứ không phải chỉ là đoán mò, nhớ máy móc, hình thức. Tuy nhiên, hình thức đánh giá mức độ thông hiểu của HS rất đa dạng, không phải chỉ hỏi khái quát như trên mà có thể kiểm tra bằng nhiều cách khác nhau.

– **Vận dụng**: Cụ thể, để đánh giá khả năng vận dụng của HS, có thể yêu cầu như: nhận xét, đánh giá về tư tưởng, quan điểm, tình cảm, thái độ của tác giả thể hiện trong văn bản; nhận xét về một giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản; rút ra bài học về tư tưởng, nhận thức, thông điệp cho bản thân,...

Bước 3. Trả lời một cách ngắn gọn, đúng trọng tâm.

Câu hỏi đọc hiểu thường yêu cầu HS trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đúng trọng tâm, không diễn đạt dài dòng.

II. MỘT SỐ KIẾN THỨC – KĨ NĂNG CƠ BẢN

1. Nhận diện các phong cách ngôn ngữ

- Đặc điểm nhận diện của các loại phong cách để phân biệt khi xác định phong cách đó trong một văn bản.

	Phong cách ngôn ngữ	Đặc điểm nhận diện
1	Phong cách ngôn Khoa học	Dùng trong những văn bản thuộc lĩnh vực nghiên cứu, học tập và phổ biến khoa học, đặc trưng cho các mục đích diễn đạt chuyên môn sâu
2	Phong cách ngôn Báo chí	Kiểu diễn đạt dùng trong các loại văn bản thuộc lĩnh vực truyền thông của xã hội về tất cả các vấn đề thời sự.
3	Phong cách ngôn Chính luận	Dùng trong lĩnh vực chính trị - xã hội, người giao tiếp thường bày tỏ chính kiến, bộc lộ công khai quan điểm tư tưởng, tình cảm của mình với những vấn đề thời sự nóng hổi của xã hội

4	Phong cách ngôn Nghệ thuật	Dùng chủ yếu trong tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người; từ ngữ trau chuốt, tinh luyện…
5	Phong cách ngôn Hành chính	Dùng trong các văn bản thuộc lĩnh vực giao tiếp điều hành và quản lí xã hội.
6	Phong cách ngôn Sinh hoạt	Sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày, mang tính tự nhiên, thoải mái và sinh động, ít trau chuốt… trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm trong giao tiếp với tư cách cá nhân

2. Nhận diện các phương thức biểu đạt

- Lưu ý: trong một văn bản thường xuất hiện nhiều phương thức như tự sự và miêu tả, thuyết minh và biểu cảm… song sẽ có một phương thức nổi bật.

Phương thức	Khái niệm	Dấu hiệu nhận biết	Thể loại
Tự sự	- Dùng ngôn ngữ để kể lại một hoặc một chuỗi các sự kiện, có mở đầu -> kết thúc - Ngoài ra còn dùng để khắc họa nhân vật (tính cách, tâm lí...) hoặc quá trình nhận thức của con người	- Có sự kiện, cốt truyện - Có diễn biến câu chuyện - Có nhân vật - Có các câu trần thuật/đối thoại	- Tác phẩm văn học nghệ thuật (truyện, tiểu thuyết)
Miêu tả	Dùng ngôn ngữ để tái hiện lại những đặc điểm, tính chất, nội tâm của người, sự vật, hiện tượng	- Các câu văn miêu tả - Từ ngữ sử dụng chủ yếu là tính từ	- Văn tả cảnh, tả người, vật... - Đoạn văn miêu tả trong tác phẩm tự sự.
Thuyết minh	Trình bày, giới thiệu các thông tin, hiểu biết, đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng	- Các câu văn miêu tả đặc điểm, tính chất của đối tượng - Có thể là những số liệu chứng minh	- Thuyết minh sản phẩm - Giới thiệu di tích, thắng cảnh, nhân vật - Trình bày tri thức và phương pháp trong khoa học.

Biểu cảm	Dùng ngôn ngữ bộc lộ cảm xúc, thái độ về thế giới xung quanh	- Câu thơ, văn bộc lộ cảm xúc của người viết - Có các từ ngữ thể hiện cảm xúc: ơi, ôi....	- Điện mừng, thăm hỏi, chia buồn - Tác phẩm văn học: thơ trữ tình, tùy bút.
Nghị luận	Dùng để bàn bạc phải trái, đúng sai nhằm bộc lộ rõ chủ kiến, thái độ của người nói, người viết rồi dẫn dắt, thuyết phục người khác đồng tình với ý kiến của mình.	- Có vấn đề nghị luận và quan điểm của người viết - Từ ngữ thường mang tính khái quát cao (nêu chân lí, quy luật) - Sử dụng các thao tác: lập luận, giải thích, chứng minh	- Cáo, hịch, chiếu, biểu. - Xã luận, bình luận, lời kêu gọi. - Sách lí luận. - Tranh luận về một vấn đề
			chính trị, xã hội, văn hóa.
Hành chính công vụ	- Là phương thức giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác trên cơ sở pháp lí.	- Hợp đồng, hóa đơn... - Đơn từ, chứng chỉ... (Phương thức và phong cách hành chính công vụ thường không xuất hiện trong bài đọc hiểu)	- Đơn từ - Báo cáo - Đề nghị

3. Nhận diện các thao tác lập luận

Trong một văn bản, người ta thường dùng nhiều thao tác lập luận khác nhau nhưng sẽ có một thao tác lập luận chính nổi bật. Bảng dưới đây giúp thí sinh nhận biết rõ ràng cụ thể hơn.

STT	Thao tác lập luận	Khái niệm
1	**Giải thích**	Dùng lí lẽ để cắt nghĩa, giảng giải sự vật, hiện tượng, khái niệm giúp người đọc, người nghe hiểu đúng ý của mình.
2	**Phân tích**	Chia nhỏ đối tượng thành nhiều yếu tố bộ phận để đi sâu xem xét một cách toàn diện về nội dung, hình thức của đối tượng.

3	**Chứng minh**	Đưa ra những cứ liệu – dẫn chứng xác đáng để làm sáng tỏ một lí lẽ một ý kiến để thuyết phục người đọc người nghe tin tưởng vào vấn đề đó. (Đưa lí lẽ trước - Chọn dẫn chứng và đưa dẫn chứng. Cần thiết phải phân tích dẫn chứng để lập luận chứng minh thuyết phục hơn. Đôi khi thuyết minh trước rồi trích dẫn chứng sau.)
4	**So sánh**	Đặt đối tượng trong mối tương quan, cái nhìn đôi sánh để thấy đặc điểm, tính chất của nó
5	**Bình luận**	Đánh giá hiện tượng, vấn đề tốt/xấu, đúng/sai...
6	**Bác bỏ**	Trao đổi, tranh luận để bác bỏ những ý kiến sai lệch

4. Nhận diện và nêu tác dụng các biện pháp tu từ

Trong đề thi, câu hỏi thường có dạng, tìm ra biện pháp tu từ và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ ấy. Chính vì thế các em phải nhớ được hiệu quả nghệ thuật mang tính đặc trưng của từng biện pháp.

Biện pháp tu từ	Khái niệm	Tác dụng	Ví dụ
So sánh	Đối chiếu 2 hay nhiều sự vật, sự việc mà giữa chúng có những nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho lời văn.	- Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể, nổi bật điểm giống nhau	*VD: **Mặt trời xuống biển** như **hòn lửa.***
		- Giúp cho câu văn/câu thơ giàu sức gợi hình, gợi cảm.	
Nhân hóa	Sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động, tính cách, suy nghĩ, tên gọi ... vốn chỉ dành cho con người để miêu tả đồ vật, sự vật, con vật, cây cối khiến cho chúng trở nên sinh động, gần gũi, có hồn hơn	- Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, hấp dẫn, thu hút, gần gũi, có tâm trạng và có hồn gần với con người. - Giúp cho câu văn/câu thơ giàu sức gợi hình, gợi cảm.	*VD: Sông được lúc **dềnh dàng** Chim bắt đầu **vội vã***

Ẩn dụ	Gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.	- Giúp cho cách diễn đạt mang tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc. - Làm cho câu văn/câu thơ giàu sức gợi hình, gợi cảm.	*Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi* ***Mặt trời của mẹ**, em nằm trên lưng.*
Hoán dụ	Gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên của một sự vật, hiện tượng khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.	- Diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu sắc. - Làm cho câu văn/câu thơ giàu sức gợi hình, gợi cảm.	***Giếng** nước gốc **đa** nhớ người ra lính*
Nói quá	Phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.	Khiến các sự việc, hiện tượng hiện lên một cách ấn tượng với người đọc, người nghe.	***Lỗ mũi mười tám gánh lông** Chồng yêu chồng bảo râu rồng trời cho.*
Nói giảm nói tránh	Dùng cách diễn đạt tế nhị uyển chuyển để tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề, tránh thô tục, thiếu lịch sự	Làm giảm nhẹ đi ý muốn nói (đau thương, mất mát) nhằm thể hiện sự trân trọng	*Áo bào thay chiếu **anh** **về đất.***
Liệt kê	Sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả đầy đủ, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay tư tưởng, tình cảm.	- Diễn tả đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh. Biểu hiện khác nhau của sự vật, sự việc hay tư tưởng, tình cảm được nói đến.	*Hồi nhỏ sống với đồng* *Với **sông** rồi với **bể.***

		- Giúp sự diễn đạt cụ thể, thuyết phục.	

Điệp ngữ	Lặp lại từ ngữ, cụm từ (hoặc cấu trúc câu) để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh	- Nhấn mạnh nội dung diễn đạt, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cảm vấn đề được lặp. - Tạo âm hưởng nhịp điệu cho câu văn, câu thơ.	***Không** có kính **không** phải vì xe **không** có kính.*
Tương phản	Sử dụng từ ngữ đối lập, trái ngược nhau để tăng hiệu quả diễn đạt.	- Tăng hiệu quả diễn đạt, nhấn mạnh đối tượng, thể hiện tư tưởng của người nói. - Tạo sự cân đối, đăng đối hài hòa.	***Ta dại,** ta tìm **nơi vắng vẻ** **Người khôn**, người đến **chốn lao xao.***
Chơi chữ	Lợi dụng những đặc sắc về âm, về nghĩa của từ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước…l	- Giúp câu văn hài hước, dễ nhớ hơn - Khéo léo thể hiện nội dung người nói muốn gửi gắm.	***Rắn hổ mang bò** lên núi*
Câu hỏi tu từ	Đưa ra câu hỏi nhưng không tìm kiếm đáp án mà nhằm nhấn mạnh, bộc lộ tư tưởng, tình cảm, cảm xúc, thái độ hoặc hùng biện.	- Tạo ấn tượng, gây sự chú ý. - Bộc lộ tình cảm, tư tưởng - Đặt vấn đề, gợi mở vấn đề khi hùng biện, diễn thuyết.	*Ơi con chim chiền chiện **Hót chi mà vang trời?***
Đảo ngữ	Đổi vị trí thông thường của thành phần câu, nhằm tạo điểm nhấn.	- Tạo ấn tượng, tăng sức biểu cảm. - Nhấn mạnh cho thành phần được đảo ngược vị trí.	***Mọc giữa dòng sông xanh.*** ***VN*** *Một bông hoa tím biếc.* *CN*
Chêm xen	Thêm vào trong câu những lời bổ sung, giải thích.	- Tạo ấn tượng về sự đầy đủ, cần chú ý hơn về đối tượng. - Nhấn mạnh, nêu cảm xúc hoặc làm cụ thể cho sự diễn đạt.	*Cô bé nhà bên **(có ai ngờ)** Cũng vào du kích* *Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích.* *Mắt đen tròn*

			(thương thương quá đi thôi).

5. Nhận diện các thể thơ:

STT	Thể thơ	Đặc điểm nhận biết
1	**Thơ tự do**	- Đếm số chữ trong 1 dòng thơ, dòng nhiều dòng ít không gò bó, không theo quy luật
2	**5 chữ (ngũ ngôn)**	- Mỗi câu thường có 5 chữ - Thường được chia thành nhiều khổ nhỏ, mỗi khổ gồm 4 dòng thơ.
3	**Song thất lục bát**	- Mỗi đoạn có 4 câu - 2 câu đầu mỗi câu 7 chữ; câu thứ ba 6 chữ, câu thứ 4 tám chữ.
4	**Lục bát**	- Một câu sáu chữ rồi đến một câu tám chữ cứ thế nối liền nhau - Thường bắt đầu bằng câu 6 chữ và kết thúc bằng câu 8 chữ
5	**Thất ngôn bát cú Đường luật**	- Câu 1 và 2 là phá đề và thừa đề. - Câu 3 và 4 là Thực hay Trạng, dùng để giải thích hoặc đưa thêm chi tiết bổ nghĩa đề bài cho rõ ràng - Câu 5 và 6 là Luận, dùng để bàn luận cho rộng nghĩa hay cũng có thể dùng như câu 3 và 4 - Câu 7 và 8 là Kết, kết luận ý của bài thơ
6	**Thơ 4 chữ, thơ 6 chữ, thơ 7 chữ, thơ 8 chữ**	- Dựa vào số chữ trong 1 dòng thơ

6. Nhận diện ngôi kể và điểm nhìn trần thuật trong văn bản tự sự

- Điểm nhìn ngôi thứ nhất: người kể chuyện tham gia vào câu chuyện và xưng "tôi" (hoặc các từ chỉ ngôi thứ nhất tương đương với "tôi).
- Điểm nhìn ngôi thứ ba: người kể chuyện không tham gia vào câu chuyện và không xưng "tôi" khi kể.

7. Nhận diện nhân vật trữ tình trong văn bản trữ tình (thơ...)

Nhân vật trữ tình là người trực tiếp thổ lộ những suy nghĩ và cảm xúc trong bài thơ. Nhân vật trưc tình không có diện mạo, tiểu sử, hành động, lời nói, quan hệ cụ thể như nhân vật trong VBTS mà được thể hiện qua giọng điệu, cảm xúc, cách cảm, cách nghĩ.

VD:

- NVTT trong "Tự tình", "Mời trầu" chính là tác giả Hồ Xuân Hương.

- NVTT trong bài ca dao "Nhớ ai ra ngẩn... nhớ ai" có thể là chàng trai hoặc cô gái đang yêu.

- NVTT trong "Tiếng hát con tàu" (CLV) vừa là tác giả vừa là thế hệ trẻ VN thời kì sau kháng chiến chống Pháp thắng lợi.

- NVTT trong "Việt Bắc là người đi, kẻ ở...

8. Xác định nội dung chính của văn bản

- Muốn xác định được nội dung của văn bản, học sinh căn cứ vào tiêu đề của văn bản. Căn cứ vào những hình ảnh đặc sắc, câu văn, câu thơ được nhắc đến nhiều lần. Đây có thể là những từ khóa chứa đựng nội dung chính của văn bản.
- Đối với văn bản là một đoạn, hoặc một vài đoạn, việc cần làm là học sinh phải xác định được đoạn văn trình bày theo cách nào: diễn dịch, quy nạp, móc xích hay song hành... Xác định được kiểu trình bày đoạn văn học sinh sẽ xác định được câu chủ đề nằm ở vị trí nào. Thường câu chủ đề sẽ là câu nắm giữ nội dung chính của cả đoạn. Xác định bố cục của đoạn cũng là căn cứ để chúng ta tìm ra các nội dung chính của đoạn văn bản đó.

9. **Yêu cầu xác định từ ngữ, hình ảnh biểu đạt trong văn bản**

Phần này trong đề thi thường hỏi anh/chị hãy chỉ ra một từ ngữ, một hình ảnh, một câu nào đó có sẵn trong văn bản. Sau khi chỉ ra được có thể lý giải phân tích vì sao lại như vậy.

III. CÁCH TRẢ LỜI MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI ĐỌC HIỂU

STT	Các dạng câu hỏi	Cách trả lời
1	Xác định thể thơ	+ Đếm số chữ/tiếng trong từng dòng thơ. + Nhớ tên gọi và đặc điểm của các thể thơ để nhận biết thể thơ trong đề bài.
2	Xác định phương thức biểu đạt	+ Xác định nội dung chính của văn bản. + Dựa vào cách thức tác giả thể hiện nội dung để nhận diện đúng các phương thức biểu đạt. + Với câu hỏi xác định phương thức biểu đạt **chính**, cần chỉ ra **một phương thức duy nhất**.
3	Xác định các thao tác lập luận	+ Xác định nội dung chính của văn bản + Vận dụng kiến thức về các thao tác lập luận trong văn nghị luận để trả lời câu hỏi.
4	Xác định phong cách ngôn ngữ	+ Chú ý tới nhan đề và nguồn trích dẫn của văn bản.

		+ Vận dụng kiến thức cơ bản về phong cách ngôn ngữ để trả lời câu hỏi. (Lưu ý: Có những văn bản có sự giao thoa giữa hai phong cách ngôn ngữ, nên trả lời cả hai phong cách).
5	Chỉ ra các biện pháp tu từ/ các từ ngữ .. - Hiệu quả/ tác dụng của biện pháp tu từ …	+ Vận dụng những kiến thức cơ bản về các phép tu từ trong tiếng Việt để gọi đúng tên của biện pháp tu từ. + Chỉ ra biểu hiện của biện pháp tu từ được sử dụng (những từ ngữ, hình ảnh thể hiện phép tu từ) + Nắm chắc kiến thức về các biện pháp tu từ và tác dụng của từng biện pháp. + Nếu câu hỏi về hiệu quả biểu đạt của phép tu từ đi liền với câu hỏi nhận biết (nhận diện, gọi tên phép tu từ) thì học sinh có thể trả lời luôn về hiệu quả của biện pháp đó. + Nếu đề bài chỉ có 1 câu hỏi về tác dụng của biện pháp tu từ nào đó (đề đã gọi tên biện pháp), học sinh cần chỉ rõ những biểu hiện của biện pháp, sau đó mới phân tích hiệu quả, tác dụng của biện pháp đó.
6	Chỉ ra các từ ngữ, hình ảnh, chi tiết ... thể hiện một nội dung trong văn bản	+ Đọc kĩ yêu cầu của câu hỏi + Tìm các từ ngữ, hình ảnh, chi tiết thể hiện nội dung văn bản
7	Lí giải một câu văn/một hình ảnh/một nội dung... theo quan niệm của tác giả hoặc của bản thân	+ Tìm từ khóa trong câu hỏi + Đọc đoạn văn có chứa câu hỏi + Tìm thông tin giúp giải đáp câu hỏi (có thể ở những câu đi trước hoặc đi sau) + Vận dụng kiến thức tích lũy được từ đời sống và văn học để lí giải

8	- Anh/Chị có đồng tình với quan điểm... của tác giả hay không? Vì sao? - Qua văn bản, anh/chị rút ra cho mình thông điệp/bài học gì trong cuộc sống? Hãy trình bày bằng một đoạn văn 5-7 câu. - Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (5-7 câu) bày tỏ suy nghĩ của mình về ý kiến/câu nói... trong văn bản...	+ Nắm chắc quan điểm của tác giả trong văn bản + Suy nghĩ, cân nhắc xem quan điểm của tác giả đúng hay không đúng, hoặc vừa đúng vừa không, đúng ở điểm nào, không đúng ở điểm nào + Khẳng định quan điểm của mình: đồng tình hay không, hoặc vừa đồng tình vừa không + Đưa ra lí lẽ phù hợp, lô-gic để lí giải cho quan điểm của mình.
9.	Câu hỏi về thông điệp/bài học trong cuộc sống rút ra từ văn bản	+ Nắm chắc nội dung của văn bản. + Trên cơ sở nội dung của văn bản, rút ra thông điệp/bài học phù hợp. + Lí giải về thông điệp/bài học một cách hợp lí, lô-gic. + Viết câu trả lời thành đoạn văn ngắn theo yêu cầu của đề bài.

IV. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU:

1. Đề 1

Đọc văn bản sau đây và thực hiện các yêu cầu nêu bên dưới:

NHÀ TOÁN HỌC HOÀNG SÍNH

Thứ Tư, ngày 16-08-2006

Gần một nghìn năm khoa cử Nho giáo ở nước ta, đã có 2 874 người đỗ tiến sĩ. Song tất cả đều là... nam giới! Nguyễn Thị Duệ là người phụ nữ duy nhất phải cải nam trang để đi thi và đỗ tiến sĩ, nhưng sau khi bị phát hiện là nữ, bà liền bị xoa sạch mọi danh vọng!

Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời chế độ cộng hoà đã thay đổi "phận đàn bà" ở nước ta. Nữ Giáo sư, Tiến sĩ toán học Hoàng Xuân Sinh là một trường hợp tiêu biểu. Và, trong "nghiệp toán vừa khó, vừa khổ, lại vừa khô", tiếp bước chị, đã có vài nữ tiến sĩ khoa học như Lê Hồng Vân, Nguyễn Thị Thiều Hoa,...

Thế là chị Sinh trở lại Paris. Chị đã sống qua thời sinh viên tại Pháp, thi lấy bằng cử nhân khoa học và bằng thạc sĩ toán học tại đây. Cũng chính tại đây, chị bí mật tham gia phong trào Việt kiều yêu nước với sự dìu dắt của những nhà trí thức tiên phong như Nguyễn Khắc Viện, Phạm Huy Thông, v.v. Theo gương họ, chị rời bỏ cuộc sống thanh bình, đầy đủ tiện nghi ở phương Tây để trở về nước ngay trong những năm tháng cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ đang diễn ra ác liệt, cho dù người bạn trai của chị dứt khoát từ chối, không chịu trở về nước và do đó, hai người đành lịch sự chia tay.

Tấm gương cao cả của Chủ tịch Hồ Chí Minh xả thân cứu nước đã tác động sâu sắc đến tâm hồn chị ngay từ khi chị còn là một cô nữ sinh trung học tại Hà Nội trong những năm thành phố này tạm thời bị quân đội viễn chinh Pháp chiếm đóng (1947 – 1954). Chính trong những năm buồn đau đen tối ấy, chị can đảm bí mật tham gia phong trào học sinh yêu nước chống chính quyền thực dân.

Về nước, được phân công dạy toán tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, chị cũng như bao nhà toán học Việt Nam khác phải sơ tán khỏi thành phố, đến làm việc ở chốn làng quê, sống biệt lập với thế giới khoa học bên ngoài. Lúc bấy giờ làm gì đã có máy tính cá nhân, Internet. Số tạp chí toán học nước ngoài đếm được Việt Nam rất ít, và thường là quá muộn. Chị rất chịu khó tìm đọc các công trình toán học mới của đồng nghiệp quốc tế, nắm bắt được những ý trong này để rồi từ đó phát hiện hướng mới nào có triển vọng mà lại phù hợp với sở trường nghiên cứu của mình. [...]

Tờ tạp chí hằng tháng "Phụ nữ Liên Xô" xuất bản tại Moscow, số tháng 8-1975, trong chuyên đề về phụ nữ Việt Nam, đã dành nửa trang để giới thiệu về nhà nữ toán học Việt Nam – Hoàng Xuân Sinh. Trả lời phỏng vấn của một nhà báo Liên Xô, chị nói lên niềm mơ ước của mình: "Tôi muốn góp phần đào tạo một lớp các nhà toán học trẻ ở đất nước tôi. Hiện nay, nhiều nghiên cứu sinh Việt Nam cần phải ra nước ngoài hoàn thành và bảo vệ luận án tiến sĩ. Chúng tôi đang muốn xây dựng nhiều chuyên ngành toán học ở trình độ cao, ngay trên đất nước mình.". [...]

Giáo sư Hoàng Xuân Sính là thành viên Hội đồng xét tặng Giải thưởng Kovalevskaya ở Việt Nam. Nhiều lần chị được cử làm Trưởng đoàn học sinh Việt Nam đi dự Olympic Toán Quốc tế. Chị cũng dành thời gian tham gia nhiều hoạt động xã hội đa dạng. Ai đã từng có dịp tiếp xúc với chị đều cảm thấy đó là một người phụ nữ sắc sảo và ý nhị.

(1) Nhan đề do người biên soạn sách đặt.

(Theo Hàm Châu. dẫn theo nhandan.vn)

Câu 1. Văn bản trên ai viết, đăng ở đâu và đăng khi nào?

Câu 2. Câu nào trong văn bản nêu nhận xét khái quát về con người Giáo sư Hoàng Xuân Sính?

Câu 3. Vì sao ba chữ phận đàn bà trong câu sau được đặt trong dấu ngoặc kép? *Cách mạng tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của chế độ cộng hoà đã thay đổi "phận đàn bà" ở nước ta.*

Câu 4. Nhận xét về thái độ và tình cảm của người viết đối với người được viết trong văn bản.

Câu 5. Nội dung văn bản liên quan đến vấn đề bình đẳng giới như thế nào?

*** Hướng dẫn cách trả lời:**

Câu 1. Văn bản trên là của tác giả Hàm Châu. Bài viết được dẫn theo báo nhandan.vn vào thứ Tư, ngày 16-08-2006.

Câu 2. Nhận xét khái quát về con người Giáo sư Hoàng Xuân Sính được thể hiện qua câu văn: "Ai đã từng có dịp tiếp xúc với chị đều cảm thấy đó là một người phụ nữ sắc sảo và ý nhị.".

Câu 3. Ba chữ *phận đàn bà* là cụm từ trích từ câu thơ nổi tiếng của Nguyễn Du: *"Đau đớn thay phận đàn bà"*, vì thế tác giả để trong dấu ngoặc kép để báo cho người đọc biết đó là

chữ mượn của người khác. Một biểu hiện của sự tôn trọng và bảo về quyền sở hữu trí tuệ khi viết.

Câu 4. Để trả lời câu hỏi này, đòi hỏi HS tìm hiểu từ câu chữ của văn bản để nhận xét được thái độ và tinh cảm của người viết (Hàm Châu) đối với người được viết (Hoàng Xuân Sính). HS chỉ cần nêu câu trả lời như sau: *Qua văn bản, ta thấy rất rõ thái độ trân trọng và tình cảm quý mến của tác giả Hàm Châu đối với Giáo sư Hoàng Xuân Sính.*

(Chú ý: Câu hỏi không yêu cầu lí giải vì sao, dựa vào câu chữ nào trong văn bản mà chỉ yêu cầu nêu khái quát về thái độ và tình cảm của người viết đối với Giáo sư Hoàng Xuân Sính, nên không cần phân tích hay dẫn ra bằng chứng.)

Câu 5. Đây là câu hỏi về mức độ vận dụng, từ nội dung văn bản chỉ ra sự liên quan đến vấn đề bình đẳng giới. Yêu cầu này khó hơn các yêu cầu trên, đòi hỏi HS phải suy luận. Có thể trả lời như sau:

Nội dung văn bản liên quan đến giáo dục bình đẳng giới ở chỗ: Thứ nhất, tác giả thể hiện rất rõ thái độ trân trọng và tình cảm quý mến, sự ngợi ca, khâm phục đối với một nữ giáo sư, tiến sĩ toán học; thứ hai, đặt trong bối cảnh xã hội "trọng nam khinh nữ" ngày trước sẽ thấy việc đề cao, ngợi ca người phụ nữ có ý nghĩa rất lớn; thứ ba, bản thân con người và sự nghiệp của Hoàng Xuân Sính cũng là minh chứng cho sự bình đẳng giới: tài năng và nhân cách cao đẹp của phụ nữ không hề kém so với nam giới,...

2.Đề 2:

Đọc văn bản sau:

HƠI ẤM Ổ RƠM

Nguyễn Duy

Tôi gõ cửa ngôi nhà tranh nhỏ bé ven đồng chiêm
Bà mẹ đón tôi trong gió đêm
"Nhà mẹ hẹp, nhưng còn mê(1) chỗ ngủ"
Mẹ chỉ phàn nàn chiếu chăn chả đủ
Rồi mẹ ôm rơm lót ổ tôi nằm.

Rơm vàng bọc tôi như kén bọc tằm,
Tôi thao thức trong hương mật ong của ruộng,
Trong hơi ấm hơn ngàn chăn đệm
Của những cọng rơm xơ xác, gầy gò.

Hạt gạo nuôi tất thảy chúng ta no,
Riêng cái ấm nồng nàn như lửa
Cái dịu ngọt lên hương của lúa
Đâu dễ chia cho tất cả mọi người.

(In trong tập *Cát trắng,* NXB Quân đội nhân dân, 1973)

Ghi chú:

(1) mê: nhiều

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Xác định thể thơ của bài thơ trên.

Câu 2. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

Câu 3. Phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong thơ sau: *Rơm vàng bọc tôi như kén bọc tằm*?

Câu 4. Nhận xét tình cảm của nhân trữ tình trong bài thơ.

Câu 5. Bài học sâu sắc nhất anh/chị nhận được qua bài thơ trên là gì?

***Hướng dẫn cách trả lời**

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ tự do.

Câu 2. Nhân vật trữ tình trong bài thơ trên: Nhân vật "tôi" (nhà thơ).

Câu 3.

- Biện pháp tu từ so sánh: *rơm vàng bọc tôi* được so sánh với *kén bọc tằm* qua từ *như*.
- Hiệu quả:

+ Giúp câu thơ giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn, tăng sức gợi hình, gợi cảm.

+ Nhấn mạnh những cảm nhận của nhân vật tôi về người mẹ: ấm áp, an toàn, được chở che, bao bọc. Qua đó thể hiện lòng biết ơn, trân trọng của nhân vật tôi trước tấm lòng yêu thương người mẹ.

Câu 4.

- Tình cảm của nhân vật nhân vật trữ tình trong bài thơ là tình cảm biết ơn, trân trọng với người mẹ nhân dân đã cưu mang, chở che, bao bọc cho những người lính, dù đó không phải là con đẻ của mình.
- Đó là những tình cảm giản dị, mộc mạc, có ý nghĩa hình thành nhân cách và giáo dục lối sống đẹp cho thế hệ trẻ.

Câu 5.

- Bài học sâu sắc nhất em nhận được qua bài thơ trên là phải ghi nhớ công lao của những người đã giúp đỡ mình trong cuộc sống.
- Sở dĩ em nhận ra bài học trên vì:

+ Những người giúp đỡ mình trong lúc khó khăn là những người thực sự tử tế, nhân hậu, quan tâm đến mình.

+ Khi ghi nhớ công ơn đó, bản thân mình sẽ sống tốt hơn, có động lực để vươn lên.

+ Nếu không biết ghi nhớ công ơn của những người đã giúp đỡ mình, ta sẽ trở thành kẻ vô ơn, sống ích kỉ, cuộc sống trở nên vô nghĩa.

3.ĐỀ 3:

Đọc văn bản sau:

Con bé Em cười tủm tỉm khi nghĩ tới cái áo đầm màu hồng mà má nó mới mua cho:

- Tết này, mình mà mặc cái áo đó đi chơi, đẹp như tiên cho mà coi.

Nó nghĩ và nó muốn chia sẻ với con Bích, bạn nó.

Con Bích ở trong hẻm, nhà nó nghèo, má nó đi bán bắp nướng ngoài đầu hẻm, con bé Em thích con Bích vì nó hiền, với lại ngồi kế nhau từ lớp một tới lớp năm, làm sao mà không thân cho được. Hôm hai mươi sáu, học buổi cuối năm, hai đứa nôn(1) Tết quá trời nên tính trước, nếu mùng một con bé Em đi về ngoại thì mùng hai hai đứa đi tới nhà cô giáo. Bây giờ con bé Em tính trong đầu, tới bữa đó chắc nhiều bạn nữa, cho nên nó sẽ mặc cái áo đầm mới thắt nơ, bâu viền kim tuyến cho tụi bạn lé con mắt luôn.

Con Bích đang ngồi nướng bắp thế(2) cho má nó đi xách cặn(3) cho heo. Bé Em muốn khoe liền nhưng bày đặt nói gièm(4):

- Còn mấy ngày nữa Tết rồi hen, mầy có đồ mới chưa?

- Có, má tao đưa vải cho cô Ba thợ cắt rồi, má tao nói gần Tết đồ nhiều, dồn đống, chắc tới hai mươi tám mới lấy được.

- Vậy mầy được mấy bộ?

- Có một bộ hà.

Con bé Em trợn mắt:

- Ít quá vậy?

- Con Út Mót với Con Út Hết được hai bộ. Tao lớn rồi, nhường cho tụi nó.

- Vậy à?

Bé Em mất hứng hẳn, nó lựng khựng(5), nửa muốn khoe, nửa muốn không. Nhưng rõ ràng là con Bích không quên nó:

- Còn mầy?

- Bốn bộ. Má tao mua cho đủ mặc từ mùng một tới mùng bốn, bữa nào cũng mặc đồ mới hết trơn. Trong đó có bộ đầm hồng nổi lắm, hết sẩy luôn.

- Mầy sướng rồi.

Con Bích nói xong vẫn cười nhưng mắt nó xịu xuống, buồn hẳn. Nhà nó nghèo, sao bì được với nhà con bé Em. Hồi nhỏ nó chuyên mặc áo con trai của anh hai nó để lại. Áo nó thì chuyền cho mấy đứa em, tới con Út Hết là đồ đã cũ mèm, mỏng tang, kéo nhẹ cũng rách. Được cái mấy chị em nó biết thân, lo học chớ không so đo chuyện cũ mới. Má nó nói hoài: "Nhà mình nghèo quá hà, ráng vài năm nữa, khá giả rồi má sắm cho". Con bé Em nhìn con Bích lom lom rồi cúi xuống, trở trở trái bắp nướng:

- Bộ đồ mầy may chắc đẹp lắm, bữa mùng hai mầy mặc bộ đó đi nhà cô hen?

Rồi tới mùng một, mùng hai, bé Em lại rủ con Bích đi chơi. Hai đứa mặc đồ hơi giống nhau, chỉ khác là con Bích mặc áo trắng bâu sen, con bé Em thì mặc áo thun có in hình mèo bự. Cô giáo tụi nó khen:

- Coi hai đứa lớn hết trơn rồi, cao nhòng.

Hai đứa cười. Lúc đó con bé Em nghĩ thầm, mình mà mặc bộ đầm hồng, thế nào cũng mất vui. Bạn bè phải vậy chớ. Đứa mặc áo đẹp, đứa mặc áo xấu coi gì được, vậy sao coi là bạn thân. Nhưng Bích lại nghĩ khác, bé Em thương bạn như vậy, tốt như vậy, có mặc áo gì Bích vẫn quý bé Em. Thiệt đó.

(*Áo Tết*, Nguyễn Ngọc Tư, in trong *Bánh trái mùa xưa,* Nxb Văn học)

Ghi chú:

(1) nôn: mong chờ

(2) thế: thay thế.

(3) cặn: cơm thừa, canh cặn mà người mẹ đi xin của hàng quán mang về chăn nuôi.

(4) *gièm:* nói rào trước, nói để dò ý tứ.

(5) lựng khựng: chững lại, chần chừ.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định ngôi kể của người kể chuyện.

Câu 2. Chỉ ra câu văn thể hiện tình cảm của bé Bích với bé Em trong đoạn văn sau: "*Hai đứa cười. Lúc đó con bé Em nghĩ thầm, mình mà mặc bộ đầm hồng, thế nào cũng mất vui. Bạn bè phải vậy chớ. Đứa mặc áo đẹp, đứa mặc áo xấu coi gì được, vậy sao coi là bạn thân. Nhưng Bích lại nghĩ khác, bé Em thương bạn như vậy, tốt như vậy, có mặc áo gì Bích vẫn quý bé Em. Thiệt đó*".

Câu 3. Nêu chủ đề của văn bản.

Câu 4. Nêu tác dụng của ngôn ngữ đối thoại trong đoạn trích sau:

"*Con bé Em trợn mắt:*

- Ít quá vậy?

- Con Út Mót với Con Út Hết được hai bộ. Tao lớn rồi, nhường cho tụi nó.

- Vậy à?"

Câu 5. Thông điệp sâu sắc nhất anh/chị nhận được từ văn bản trên là gì? Vì sao?

***Hướng dẫn cách trả lời:**

Câu 1. Người kể chuyện ở ngôi kể thứ ba.

Câu 2. Câu văn thể hiện tình cảm của bé Bích với bé Em trong đoạn văn là "*bé Em thương bạn như vậy, tốt như vậy, có mặc áo gì Bích vẫn quý bé Em".*

Câu 3. Chủ đề của văn bản là từ câu chuyện về áo tết và cách ứng xử của nhân vật bé Em, truyện ca ngợi tình bạn chân thành giữa bé Em và Bích, ca ngợi tấm lòng nhạy cảm, tinh tế của bé Em đối với người bạn của mình.

Câu 4.

- Ngôn ngữ đối thoại: lời thoại giữa bé Bích và bé Em.
- Tác dụng:

+ Giúp cho việc xây dựng nhân vật chân thực, sinh động, gần gũi với đời thường.

+ Khắc họa được tính cách và phẩm chất nhân vật: sự hồn nhiên của bé Em, sự nhường nhịn của bé Bích.

+ Thể hiện tài năng của tác giả trong nghệ thuật xây dựng nhân vật.

Câu 5.

- Thông điệp sâu sắc nhất em nhận được từ văn bản trên là phải thấu hiểu, sẻ chia với khó khăn của người khác.
- Thông điệp trên có ý nghĩa với em vì:

+ Trong cuộc sống dù muốn hay không chúng ta luôn gặp phải những khó khăn, thử thách, thậm chí là mất mát, đau buồn. Vì vậy, chúng ta cần thấu hiểu và chia sẻ.

+ Khi biết thấu hiểu và chia sẻ, cuộc sống của chúng ta sẽ tốt đẹp hơn.

+ Nếu không biết thấu hiểu và chia sẻ, con người sẽ trở nên ích kỉ, vô cảm, mối quan hệ giữa con người với con người trở nên xa cách, khó tìm được tiếng nói chung.

4. Đề 4:

Đọc văn bản:

(1) *Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm, Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu*

đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng sông Đà là đen như thực dân Pháp đã đè ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.

(2) *Con Sông Đà gợi cảm. Đối với mỗi người, sông Đà lại gợi một cách. Đã có lần tôi nhìn Sông Đà như một cố nhân. Chuyến ấy ở rừng đi núi cũng đã hơi lâu, đã thấy thèm chỗ thoáng. Mải bám gót anh liên lạc, quên đi mất là mình sắp đổ ra Sông Đà. Xuống một cái dốc núi, trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy. Tôi nhìn cái miếng sáng lóe lên một màu nắng tháng ba Đường thi "Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu". Bờ Sông Đà, bãi Sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên Sông Đà. Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nối lại chiêm bao đứt quãng. Đi rừng dài ngày rồi lại bắt ra Sông Đà, đúng thế, nó đằm đằm ấm ấm như gặp lại cố nhân, mặc dầu người cố nhân ấy mình biết là lắm bệnh lắm chứng, chốc dịu dàng đấy, rồi chốc lại bẳn tính và gắt gỏng thác lũ ngay đấy"...*

(Trích *Người lái đò Sông Đà*, Nguyễn Tuân, *Ngữ văn 12*, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr.190-191)

Thực hiện hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Trong đoạn trích, tác giả đã miêu tả sự thay đổi sắc nước sông Đà qua những mùa nào?

Câu 2. Xác định yếu tố hư cấu trong đoạn (1).

Câu 3. Nêu chủ đề của đoạn trích.

Câu 4. Anh/Chị rút ra được thông điệp gì cho bản thân sau khi đọc đoạn trích trên?

Câu 5. Từ nội dung văn bản, anh/chị có suy nghĩ gì về vai trò của quê hương đối với con người?

***Hướng dẫn cách trả lời:**

Câu 1. Theo tác giả, sông Đà thay đổi sắc nước qua những mùa: xuân, thu.

Câu 2. Yếu tố hư cấu trong đoạn (1) là:

+ Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân.

+ Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về.

Câu 3. Chủ đề của đoạn trích là:

- Qua việc miêu tả con sông Đà từ trên cao nhìn xuống và từ trong rừng đi ra, tác giả ca ngợi vẻ đẹp của Đà giang, của quê hương đất nước.

Câu 4.

- Thông điệp có ý nghĩa nhất với em là mỗi chúng ta phải biết trân trọng vẻ đẹp của quê hương, đất nước.
- Thông điệp trên có ý nghĩa đối với em vì:

+ Quê hương đất nước là nơi gắn bó máu thịt với mỗi con người. Vì vậy, chúng ta phải biết trân trọng.

+ Khi trân trọng vẻ đẹp quê hương, đất nước, chúng ta mới có ý thức giữ gìn, xây dựng và bảo vệ cho quê hương, đất nước giàu đẹp.

+ Nếu không biết trân trọng vẻ đẹp của quê hương, đất nước, cuộc sống của chúng ta sẽ trở nên vô nghĩa.

Câu 5.

- Nêu nội dung của văn bản: Đoạn trích miêu tả vẻ đẹp thơ mộng trữ tình, gợi cảm, tươi mới, độc đáo của dòng sông Đà. Qua đó ta thấy được tình yêu quê hương đất nước của nhà văn.

- Vai trò của quê hương: Quê hương không chỉ nuôi lớn chúng ta về mặt thể chất mà nuôi dưỡng những tình cảm đẹp đẽ cho tâm hồn mỗi người. Quê hương dạy chúng ta biết yêu thương, gắn bó với những người thân yêu...

(GVdạy sưu tầm thêm một số đề theo cấu trúc trên)

CHUYÊN ĐỀ 3

RÈN KĨ NĂNG LÀM PHẦN VIẾT – NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

1. Hướng dẫn viết nghị luận xã hội

* Theo định dạng và cấu trúc đề thi mà Bộ GDĐT đã công bố, câu nghị luận xã hội có hai loại:

– *Viết nghị luận xã hội có liên quan đến văn bản đọc hiểu (phần I).*

– *Viết nghị luận xã hội độc lập (không liên quan đến văn bản đọc hiểu).*

Ở dạng đề thi thứ hai này có thể nêu bằng các cách sau:

+ Bàn về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ.

+ Viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.

+ Viết văn bản dưới hình thức thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm.

* Tùy vào ngữ liệu đọc hiểu và ma trận đề, câu NLXH có thể yêu cầu viết đoạn văn 200 chữ hoặc bài văn 600 chữ.

a) Dạng đề yêu cầu viết nghị luận xã hội có liên quan đến văn bản đọc hiểu

-Theo hướng này, câu nghị luận xã hội trong đề thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025 có thể ra nhiều dạng cụ thể khác nhau, buộc HS phải thể hiện suy nghĩ và quan của chính mình, không thể học tủ, không có văn mẫu để chép lại,...

- Tuy nhiên, để gắn với định hướng giáo dục, nhìn chung, các câu hỏi viết nghị luận xã hội độc lập thường yêu cầu HS phát biểu suy nghĩ về một số vấn đề gắn với tuổi trẻ như bàn về lí tưởng, cách sống, ước mơ, khát vọng cống hiến, ý chí và nghị lực,... trong bối cảnh cuộc sống hiện đại, yêu cầu hội nhập quốc tế và giữ gìn bản sắc dân tộc,... Theo định hướng này, có thể tham khảo bảng nêu đề tài bàn luận về câu hỏi viết nghị luận xã hội đ sau đây:

***Một số đề tài nghị luận xã hội.**

1. Tuổi trẻ ngày nay và những biểu hiện của lòng yêu nước, tự hào dân tộc
2. Tuổi trẻ và những khó khăn, thách thức
3. Ý chí và sự sáng tạo của tuổi trẻ
4. Bối cảnh hội nhập quốc tế: cơ hội và thách thức
5. Tuổi trẻ và lòng nhân ái, đức hi sinh
6. Tuổi trẻ với đức tính kiên trì, chăm chỉ
7. Tuổi trẻ và lòng trung thực, ý thức trách nhiệm
8. Tuổi trẻ và cuộc cách mạng 4.0
9. Vai trò của phụ nữ và bình đẳng giới
10. Tuổi trẻ và năng lực tự chủ, tự học
11. Tuổi trẻ và năng lực giao tiếp, hợp tác
12. Tuổi trẻ và năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo
13. Giữ gìn bản sắc dân tộc và hội nhập quốc tế
14. Tuổi trẻ với việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt
15. Tuổi trẻ với việc gìn giữ môi trường
16. Tuổi trẻ và vấn đề khởi nghiệp

…

Trên đây chỉ là các đề tài mang tính thời sự, những vấn đề mà tuổi trẻ cần phải suy nghĩ sau khi rời ghế nhà trường phổ thông.

b. Dạng đề yêu cầu viết nghị luận xã hội độc lập (không liên quan đến văn bản đọc hiểu)

Với các câu hỏi viết nghị luận xã hội độc lập, CT Ngữ văn 2018 còn nêu lên các yêu cầu viết văn bản với các dạng thức khác như:

– *Viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.*

– *Viết văn bản dưới hình thức thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm.*

(Ví dụ: Em hãy đóng vai hiệu trưởng nhà trường để viết thư trao đổi với phụ huynh về việc lựa chọn nghề nghiệp của HS sau khi tốt nghiệp THPT).

Ngoài ra, với dạng đề này, có thể nêu dưới dạng đề mở nhằm khuyến khích các câu trả lời sáng tạo, những cách nghĩ khác nhau từ một vấn đề. HS cần làm quen và biết cách viết kiểu đề mở, trả lời câu hỏi mở. Ví dụ:

– *Viết bài văn với chủ đề: Tuổi trẻ và vấn đề khởi nghiệp.*

– *Tuổi trẻ cần trải qua những khó khăn, thách thức. Anh/Chị suy nghĩ như thế nào?*

c.Hướng dẫn cách làm câu nghị luận xã hội

– Trước một đề văn, người viết bài phải hiểu vấn đề cần làm rõ là gì (nhận thức đề) và những ý cơ bản cần phải đạt được trong bài viết, tức là phải hình thành được hệ thống ý đáp ứng được yêu cầu của đề.

– Để tìm ý, một trong những cách khá hiệu quả là người viết đặt ra các câu hỏi và tìm cách trả lời. Việc đặt ra các câu hỏi thực chất là soi sáng đối tượng dưới nhiều góc độ, lật đi lật lại vấn đề để tìm hiểu, xem xét cho kĩ càng và thấu đáo hơn.

– Nội dung trả lời cần nêu lên các suy nghĩ, những ý kiến riêng, sự sáng tạo của người viết. Tuy nhiên, mỗi vấn đề đều có lô gích triển khai của nó.Sau đây là dàn ý tham khảo:

*** Yêu cầu viết đoạn văn 200 chữ:**

+ Yêu cầu chung:

- Dung lượng: khoảng 200 chữ.
- Đầy đủ ba phần: Mở đoạn – Thân đoạn – Kết đoạn (không xuống dòng)
- Triển khai đủ: Luận điểm – lí lẽ - dẫn chứng – nâng cao – đánh giá.
- Tùy vào dạng câu hỏi, câu lệnh để xác định đúng trọng tâm đoạn văn, tránh lan man, dài dòng, vượt quá dung lượng mà vẫn không đủ ý.
- Viết sai chính tả, ngữ pháp, thừa dung lượng, gạch xóa đều có thể bị trừ điểm.

+ Dàn ý khái quát:

- Mở đoạn: Giới thiệu về vấn đề nghị luận.
- Thân đoạn: + Giải thích các khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận
  + Phân tích các phương diện: Nguyên nhân, biểu hiện, ý nghĩa/hậu quả…
  + Mở rộng, phản biện.
- Kết đoạn: + Khẳng định vấn đề
  +Trải nghiệm bản thân: Nhận thức, kế hoạch hành động.

*** Yêu cầu viết bài văn 600 chữ:**

+ Yêu cầu chung:

- Dung lượng: khoảng 600 chữ.
- Đầy đủ ba phần: Mở bài – Thân bài – Kết bài.
- Triển khai đủ: Luận điểm – lí lẽ - dẫn chứng – nâng cao – đánh giá.
- Tùy vào dạng câu hỏi, câu lệnh để xác định đúng trọng tâm bài văn, tránh lan man, dài dòng, vượt quá dung lượng mà vẫn không đủ ý.
- Viết sai chính tả, ngữ pháp, thừa dung lượng, gạch xóa đều có thể bị trừ điểm.

+ Dàn ý khái quát:

+ *Mở bài:* Giới thiệu về vấn đề nghị luận.

+ *Thân bài:*

- Luận điểm 1: Giải thích, nêu hiện tượng, bày tỏ quan điểm

+ Giải thích các khái niệm liên quan đến vấn đề nghị luận.

+ Nêu hiện tượng: Hiện tượng đang diễn ra như thế nào ?

+ Bày tỏ quan điểm: Hiện tượng tiêu cực hay tích cực ? Đồng tình hay phản đối ?

- Luận điểm 2: Phân tích và chứng minh

- Luận điểm 3: Bàn luận, mở rộng.

+ *Kết bài:* Khẳng định lại hiện tượng: tích cực – cần phát huy; tiêu cực – loại bỏ

Trải nghiệm bản thân: Nhận thức, kế hoạch hành động.

2.Luyện đề nghị luận xã hội:

a. Đề 1: *Internet đem lại nhiều lợi ích cho đời sống con người, nhưng chúng ta cũng không thể phủ nhận những tác hại của nó nếu không biết sử dụng đúng cách.*

Từ góc nhìn của người trẻ, hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày quan điểm của anh/chị về nhận định trên.

***Hướng dẫn giải đề:**

1. Mở bài

- Internet là một phần không thể thiếu trong cuộc sống hiện đại.
- Internet mang lại nhiều lợi ích nhưng cũng gây ra không ít tác hại nếu con người, đặc biệt là người trẻ, sử dụng thiếu kiểm soát.

2. Thân bài

a. Giải thích

Internet: mạng lưới kết nối con người, cung cấp thông tin, tri thức và nhiều dịch vụ.

Nhận định khẳng định tính hai mặt của Internet: có ích khi sử dụng đúng cách, có hại khi lạm dụng hoặc sử dụng sai mục đích.

b. Lợi ích của Internet

- Cung cấp nguồn tri thức phong phú, hỗ trợ học tập và nghiên cứu.
- Kết nối con người, thuận lợi cho giao tiếp, làm việc.
- Giải trí, mua sắm, cập nhật thông tin nhanh chóng.
- Tạo nhiều cơ hội học tập, nghề nghiệp và phát triển bản thân.

c. Tác hại khi sử dụng Internet không đúng cách

- Nghiện mạng xã hội, game → lãng phí thời gian, ảnh hưởng học tập và sức khỏe.
- Tiếp xúc với thông tin giả, nội dung độc hại, lệch chuẩn.
- Dễ bị lừa đảo, đánh cắp thông tin cá nhân, bạo lực mạng.
- Sống phụ thuộc vào thế giới ảo, giảm giao tiếp thực tế.

d. Góc nhìn và trách nhiệm của người trẻ

- Cần sử dụng Internet thông minh, có chọn lọc và có trách nhiệm.
- Xác minh thông tin trước khi tin hoặc chia sẻ.

- Quản lí thời gian sử dụng mạng, ưu tiên học tập và đời sống thực tế.
- Bảo vệ thông tin cá nhân, ứng xử văn minh trên không gian mạng.
- Biết tận dụng Internet để học hỏi, sáng tạo, phát triển năng lực.

e. Mở rộng

- Không nên phủ nhận hay xa lánh Internet vì những mặt tiêu cực.
- Quan trọng nhất là cách con người làm chủ công nghệ, không để công nghệ làm chủ mình.

3. Kết bài

- Khẳng định Internet là công cụ hữu ích nếu được sử dụng đúng cách.
- Người trẻ cần trở thành người dùng Internet có bản lĩnh, tỉnh táo và trách nhiệm, biến Internet thành phương tiện để hoàn thiện bản thân và đóng góp cho xã hội.

(GV sưu tầm thêm một số đề theo cấu trúc trên)

CHUYÊN ĐỀ 4

RÈN KĨ NĂNG LÀM PHẦN VIẾT – NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

1. Năng lực viết

- Năng lực viết của HS trong kì thi tốt nghiệp THPT được đánh giá qua yêu cầu viết đoạn văn hoặc bài văn nghị luận xã hội và nghị luận văn học. Đoạn văn hoàn chỉnh cũng cần đầy đủ ba phần: mở đầu đoạn, phát triển đoạn (thân đoạn) và kết đoạn.

- Mở đầu đoạn thường là câu chủ đề, nếu ý chính của đoạn văn ấy. Phần thân đoạn là các câu phát triển cụ thể ý chính đã nêu ở mở đầu; phần kết đoạn tóm lại ý của cả đoạn.

- Câu mở đầu nêu ý chính (câu chủ đề) thường được nêu như một nhận xét, ý kiến về vấn đề, chẳng hạn: tác phẩm mở đầu bằng một tình huống độc đáo. Sau đó, các câu phát triển đoạn phải tập trung làm rõ cho câu chủ đề bằng các ý: ***Tình huống ấy là thế nào*** (giới thiệu, mô tả tình huống truyện)? ***Tại sao tình huống ấy lại độc đáo*** (lí giải sự độc đáo của tình huống)?... Và cuối cùng cần kết lại đoạn văn bằng một câu khái quát: ***Tình huống ấy có giá trị hoặc tác dụng gì*** (đánh giá tình huống)? Để luyện tập viết đoạn văn, các em cần làm nhiều dạng bài tập; chẳng hạn đây là một số dạng:

+ Từ câu chủ đề (ý chính đã cho) viết các câu phát triển và câu kết thúc;

+ Đã có các câu phát triển, HS viết câu mở đầu và câu kết thúc. Hoặc đã có câu kết thúc và câu mở đầu, yêu cầu HS viết các câu phát triển,...

Theo định dạng và cấu trúc đề thi môn Ngữ văn của bộ GD & trong Kì thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025, câu nghị luận văn học sẽ gồm các dạng chính sau:

– Phân tích và đánh giá tác phẩm văn học với ngữ liệu mới.

– So sánh hai tác phẩm văn học (ngữ liệu mới).

– Phân tích làm rõ một đặc điểm thể loại văn học nêu trong yêu cầu cần đạt qua một văn bản.

2. Dạng đề phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học.

a) Yêu cầu

Yêu cầu chung của việc phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học là phải nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm; cũng có thể đi sâu tìm hiểu từng vấn đề, khía cạnh của tác phẩm, nêu những phát hiện riêng của bản thân. Từ đó, nhận xét (đánh giá) làm rõ những vấn đề nổi bật (thành tựu và có thể có cả hạn chế) trong nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

Có ba yêu cầu chính, đó là:

– Phân tích và đánh giá một tác phẩm trọn vẹn (cả nội dung và nghệ thuật), **ví dụ:** *Hãy phân tích và đánh giá bài thơ..., hoặc: Hãy phân tích và đánh giá đoạn trích truyện ngắn...*

– Phân tích và đánh giá một khía cạnh (nội dung hoặc nghệ thuật) của văn bản, tác phẩm văn học, **ví dụ:** *Phân tích và đánh giá cảm hứng lãng mạn, bút pháp tượng trưng trong bài thơ..., hoặc: Phân tích và đánh giá tình huống truyện, nhân vật trong tác phẩm...*

– Tuỳ vào phần ngữ liệu đọc hiểu, câu nghị luận văn học có thể yêu cầu viết đoạn (2,0 điểm) hoặc bài văn (4,0 điểm).

b) Phạm vi

Tập trung chủ yếu thể loại chính, gồm:

– Truyện: truyện truyền kì, tiểu thuyết và truyện ngắn hiện đại.

– Thơ: thơ trữ tình hiện đại (có yếu tố biểu tượng, tượng trưng, siêu thực).

– Kí, tùy bút.

– Kịch (hài kịch, bi kịch).

Như vậy, đề thi có thể lấy toàn bộ tác phẩm hoặc đoạn trích của một tác phẩm thuộc một trong các thể loại nêu trên để yêu cầu HS phân tích, đánh giá. Do tính chất và điều kiện độ dài của đề thi, việc trích dẫn văn bản trong một tác phẩm văn học sẽ:

– Chỉ yêu cầu các văn bản ngắn; theo quy định trong định dạng và cấu trúc đề thi của Bộ GDĐT từ năm 2025, tổng độ dài của các văn bản ngữ liệu không quá 1500 chữ (bao gồm cả văn bản đọc hiểu và văn bản trong câu viết nghị luận văn học).

– Với các tác phẩm văn xuôi (truyện, kí, kịch), nếu không có văn bản ngắn (theo quy định) cần trích đoạn từ tác phẩm dài. Với văn bản trích, đề thi phải nêu tóm tắt nội dung trước đoạn trích để HS hiểu được bối cảnh, bảo đảm việc hiểu văn bản trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

(Ví dụ, giả sử truyện Đời thừa của Nam Cao chưa có trong SGK Ngữ văn của cả ba bộ sách, thì đề thi có thể lựa chọn tác phẩm ấy. Nhưng toàn bộ văn bản rất dài nên cần có đoạn tóm tắt bối cảnh trước khi đoạn trích văn bản).

c) Một số chú ý khi làm bài phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học

– **Xác định thể loại của văn bản** nêu trong đề thuộc thể loại, tiểu loại nào trong các thể loại lớn (truyện, thơ, kí, kịch)?

– **Nhận biết được đó là văn bản trích hay toàn bộ tác phẩm.** Nếu là đoạn trích từ một tác phẩm dài thì cần đọc kĩ phần tóm tắt trước đoạn trích để hiểu bối cảnh và phân tích, đánh giá đoạn trích trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

– **Phân tích và đánh giá văn bản theo yêu cầu cụ thể của đề văn.** Đây là hoạt động chính của viết bài văn. HS cần biết vận dụng những hiểu biết về cách phân tích một tác phẩm văn học theo thể loại: thơ, truyện, kí, kịch cũng như các tiểu loại cụ thể của văn bản nêu trong đề. Sau đây là mấy lưu ý chung:

+ *Phân tích và đánh giá truyện cần chú ý các đặc trưng tự sự:* cốt truyện, tình huống, nhân vật, chi tiết, điểm nhìn, lời văn trần thuật và các bút pháp nghệ thuật gắn với từng tiểu loại của văn bản như truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện thần thoại, truyện truyền kì, truyện thơ Nôm,... Thông qua các yếu tố hình thức trên để hiểu thông điệp, nội dung, tư tưởng của truyện.

+ *Phân tích và đánh giá thơ cần chú ý các nét đặc trưng trữ tình* như mạch cảm xúc, cảm hứng trữ tình; cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình; khổ thơ, vần, nhịp, cấu tử, hình ảnh, các biện pháp tu từ, ngôn ngữ,... gắn với mỗi tiểu loại (thơ Đường luật, thơ tự do, thơ lục bát,...). Từ các yếu tố hình thức này mà hiểu và chỉ ra tình cảm, cảm xúc chủ đạo và thông điệp tư tưởng từ văn bản thơ.

+ *Phân tích và đánh giá kí* cần chú ý tính xác thực và cái "tôi" của tác giả; màu sắc trữ tình, ngôn ngữ giàu chất thơ, ngôi kể, điểm nhìn, các thủ pháp nghệ thuật gắn với mỗi tiểu loại của kí (tuỳ bút, tản văn, phóng sự, hồi kí, bút kí, truyện kí,...) và dấu ấn cá nhân của người viết,... Thông qua hình thức văn bản mà hiểu và phân tích được thái độ, tình cảm, tư tưởng của tác giả và ý nghĩa xã hội của các vấn đề văn bản kí nêu lên,...

+ *Phân tích và đánh giá kịch bản văn học* cần chú ý cách trình bày (hồi, mục, cảnh, hệ thống nhân vật, lời thoại và các chỉ dẫn nghệ thuật,...), nội dung, tư tưởng; cách tổ chức mâu thuẫn, xung đột và giải quyết vấn đề; các biện pháp nghệ thuật gắn với đặc điểm của mỗi tiểu loại (hài kịch, bi kịch);... Từ đó, hiểu và phân tích được nội dung, tư tưởng, thái độ của tác giả cũng như ý nghĩa xã hội và tác động của các vấn đề mà văn bản kịch nêu lên.

Có thể thấy các dạng yêu cầu cụ thể viết nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học là rất phong phú. HS cần tuỳ vào từng dạng yêu cầu mà xác định cách làm phù hợp. Sau đây là lưu ý về cách làm bài với hai loại yêu cầu chính về phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học:

– Đối với yêu cầu phân tích, đánh giá một tác phẩm trọn vẹn:

+ Đọc kĩ văn bản, chú ý xác định các yếu tố hình thức của thể loại văn bản; từ đó, phân tích để chỉ ra giá trị của chúng trong việc thể hiện nội dung, chủ đề của tác phẩm.

+ Xác định các luận điểm trong bài viết, lựa chọn các bằng chứng từ tác phẩm cho mỗi luận điểm.

+ Liên hệ, so sánh với các tác giả, tác phẩm có cùng đề tài, chủ đề để nhận xét điểm gặp gỡ và sáng tạo riêng của tác giả, tác phẩm được nêu trong đề văn.

ngữ để

+ Biết cách sử dụng các từ ngữ để diễn tả chính xác, truyền cảm những cảm nhận và rung động của em với các chi tiết, hình ảnh,... đặc sắc trong tác phẩm.

+ Suy nghĩ về giá trị, sự tác động của văn bản, tác phẩm đối với người đọc và với chính bản thân.

– Với yêu cầu phân tích, đánh giá một khía cạnh của tác phẩm:

+ Tập trung vào vấn đề cụ thể mà câu hỏi nêu lên, không bàn chung về cả tác phẩm. Ví dụ, đề yêu cầu phân tích tình huống trong một văn bản truyện nào đó thì chỉ tập trung vào tình huống truyện, không viết lan man sang các nội dung khác.

+ Trong khi phân tích, cần dẫn ra được các chi tiết cụ thể gắn với các nhân vật, sự việc, tình huống,... xảy ra trong tác phẩm để chứng tỏ người viết có đọc và nắm được nội dung cụ thể của tác phẩm; tránh nói chung chung, phân tích suông, không có dẫn chứng.

+ Trước khi đi sâu vào vấn đề trọng tâm, HS cũng cần giới thiệu một số thông tin mang tính khái quát về tác giả, tác phẩm... tuỳ theo yêu cầu cụ thể của đề bài.

3. Dạng đề so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học.

a) Yêu cầu của kiểu bài so sánh:

- Viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm là nêu lên một cách thuyết phục những điểm tương đồng và khác biệt của hai tác phẩm. Cũng có thể đề chỉ yêu cầu nêu điểm tương đồng hoặc điểm khác biệt về nội dung, hình thức nghệ thuật của hai văn bản, từ đó bình luận, nhận xét giá trị độc đáo của mỗi văn bản, nhận ra đặc điểm thể loại, vai trò của cá tính sáng tạo, chỉ ra những điểm chung trong quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương,...
- Thao tác so sánh phải lô gích, mạch lạc, đích đáng, từ đó giúp người viết đưa ra những đánh giá thuyết phục và có ý nghĩa.
- Bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thường được thực hiện giữa các tác phẩm cùng thể loại. Cũng có thể yêu cầu so sánh, đánh giá giữa hai thể loại khác nhau

nhưng thường để khẳng định điểm giống nhau về đề tài, chủ đề và tư tưởng.

- Sự khác biệt giữa hai tác phẩm thường biểu hiện rõ ở cách thức, nghệ thuật, hình thức thể hiện từ phương thức biểu đạt đến các hình thức, thủ pháp nghệ thuật.

– Với các văn bản thơ, cần chú ý đến nghệ thuật sử dụng, sáng tạo từ ngữ; các hình ảnh và biểu tượng; cách cấu tứ, các dạng thức của cái "tôi" trữ tình;...

– Với các văn bản truyện và tiểu thuyết, cần chú ý đến mô típ, cốt truyện, kiểu loại nhân vật, điểm nhìn trần thuật, kết cấu, cách kết thúc truyện, kĩ thuật miêu tả ngoại hình, chân dung và phân tích tâm lí nhân vật,....

Với các văn bản kịch, cần chú ý đến mô típ, cốt truyện, hệ thống nhân vật, xung đột kịch, các dạng thức của lời đối thoại, độc thoại,...

– Với các văn bản kí, cần chú ý đến đề tài, cách tiếp cận vấn đề, cách khai thác số liệu, tài liệu,...

Có nhiều cấp độ và yêu cầu so sánh, cụ thể: so sánh hai tác phẩm, hai đoạn trích; so sánh hai yếu tố (chi tiết, nhân vật, cốt truyện, tình huống truyện, bối cảnh, ngôi kể, điểm nhìn, biện pháp nghệ thuật, đề tài, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng,...).

b) Để viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học, cần lưu ý:

– Xác định mục đích so sánh, đánh giá: Việc so sánh không phải để hướng tới mục đích xem tác phẩm nào có giá trị hơn tác phẩm nào mà để nhận ra những khác biệt, sự đa dạng trong cách nhìn và cảm thụ về đời sống; so sánh để làm rõ vấn đề văn học có trong tác phẩm.

– Xác định nội dung, tiêu chí so sánh: đề tài, chủ đề, thể loại, các biện pháp nghệ thuật, ngôn ngữ,...

– Đảm bảo cấu trúc chung của một bài nghị luận văn học, tính chính xác của các dẫn chứng, tính chặt chẽ của các lập luận lô gích và tính hình tượng, biểu cảm của ngôn ngữ,...

– Các bước để viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học như sau:

+ Tìm kiếm đối tượng so sánh (với trường hợp người viết phải tự xác định) theo các định hướng: thể loại, phong cách tác giả, khuynh hướng sáng tác, thời điểm sáng tác. Xác định phạm vi so sánh (giữa hai tác phẩm, hai đoạn trích, hai mô típ,...).

+ Phân tích điểm giống nhau, điểm khác nhau hoặc cả giống nhau và khác nhau giữa hai tác phẩm được so sánh. Chỉ ra ý nghĩa của sự giống nhau và khác nhau, từ đó giúp người đọc nhận thấy tính độc đáo, đặc sắc riêng của từng tác phẩm.

+ Bình luận, lí giải về nguyên nhân dẫn đến sự giống và khác nhau giữa hai tác phẩm.

+ Rút ra những nhận thức về đặc điểm thể loại, vai trò của cá tính sáng tạo, quy luật sáng tạo và tiếp nhận văn chương,...

– Để tìm ý và lập dàn ý cho bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học, HS cần đặt ra và trả lời các câu hỏi như:

+ Mục đích so sánh, đánh giá để thuyết phục hoặc làm rõ vấn đề gì?

+ Đối tượng và phạm vi so sánh là hai văn bản, hai tác phẩm nào?

+ Tiêu chí và phương diện cụ thể cần so sánh là gì (nội dung, nghệ thuật)?

+ Hai tác phẩm được so sánh giống hay khác nhau (hoặc cả hai) như thế nào?

+ Có thể rút ra những nhận xét và đánh giá gì về cái hay, cái đẹp, tính độc đáo, nét đặc sắc

riêng của mỗi tác phẩm,...?

Ví dụ:Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai bài thơ sau:

Anh xa em *Trăng cũng lẻ* *Mặt trời cũng lẻ* *Biển vẫn cậy mình dài rộng thế* *Vắng cánh buồm một chút đã cô đơn* *Gió không phải là roi mà vách núi phải mòn* *Em không phải là chiều mà nhuộm anh đến tím* *Sóng chẳng đi đến đâu nếu không đưa em đến* *Dù sóng đã làm anh Nghiêng ngả* *Vì em* (Hữu Thỉnh, *Thơ viết ở biển*, In trong tập *100 bài thơ tình chọn lọc*, NXB Giáo dục, 1997, tr. 152-153)	*Anh cách em như đất liền xa cách bể* *Nửa đêm sâu nằm lắng sóng phương em* *Em thân thuộc sao thành xa lạ thế* *Sắp gặp em rồi sóng lại đẩy xa thêm* *Anh không ngủ. Phải vì em đang nhớ* *Một trời sao rực cháy giữa đôi ta* *Em nhắm mắt cho lòng anh lặng gió* *Cho trời sao yên rụng một đêm hoa* (Chế Lan Viên, *Chùm nhỏ thơ yêu,* In trong tập *Hoa ngày thường - Chim báo bão,* NXB Văn học, 1967)

Chú thích: *Nhà thơ Hữu Thỉnh sinh ngày 15 tháng 2 năm 1942. Ông là là tác giả của những tập thơ, trường ca tiêu biểu như Sang thu, Thư mùa đông, Trường ca biển, Thương lượng với thời gian…Thơ ông mang tính trữ tình sâu lắng, gần gũi với thiên nhiên và cuộc sống; ngôn từ giản dị, trong sáng.*

Nhà thơ Chế Lan Viên (1920-1989). Con đường thơ của ông trải qua nhiều biến động, nhiều bước ngoặt với những trăn trở, tìm tòi sáng tạo không ngừng. Thơ Chế Lan Viên giàu tính suy tưởng- triết lí với hệ thống hình ảnh phong phú, độc đáo, giàu ý nghĩa biểu tượng.

***Hướng dẫn làm bài:**

+ MB: - Giới thiệu hai nhà thơ .

- Giới thiệu hai đoạn thơ.

=>*Nêu vấn đề nghị luận:* Hai đoạn thơ cùng viết về nỗi nhớ trong tình yêu nhưng có những điểm tương đồng và khác biệt thú vị trong cảm xúc, hình ảnh và nghệ thuật biểu đạt.

+ TB:

- Khái quát điểm gặp gỡ của hai đoạn thơ.
- Phân tích đặc điểm riêng của từng đoạn thơ.
- Lí giải nguyên nhân sự khác biệt của hai đoạn thơ.

+ KB:

- Khẳng định giá trị nội dung và nghệ thuật của hai đoạn thơ.
- Khẳng định điểm gặp gỡ trong cảm xúc nhưng sự khác biệt trong cách thể hiện đã tạo nên dấu ấn riêng của Hữu Thỉnh và Chế Lan Viên.
- Nêu cảm nhận: tình yêu chân thành luôn có sức mạnh vượt qua khoảng cách, đồng thời khiến con người trở nên nhạy cảm, sâu sắc hơn trước thiên nhiên và cuộc đời.

4. Dạng đề phân tích chủ đề trong một tác phẩm văn học

+ Muốn viết được dạng bài này, hs phải hiểu:

- Đề tài là gì? Chủ đề là gì? Thông điệp là gì?
- Đề tài là khái niệm dùng để chỉ loại các hiện tượng đời sống được miêu tả, còn chủ đề là những vấn đề cơ bản, vấn đề trung tâm được đặt ra trong tác phẩm văn học. Thông điệp là ý tưởng chính mà thông qua tác phẩm, tác giả muốn gửi đến người đọc (có thể là một bài

học nào đó trong cuộc sống)

- Mỗi một tác phẩm có thể chứa đựng nhiều chủ đề. Mỗi khía cạnh của chủ đề lại gợi ra một ý nghĩa, thông điệp khác nhau.

+ Để bắt đầu cho việc chuẩn bị viết học sinh cần:

Đặt câu hỏi: Chủ đề chính của tác phẩm là gì? Chủ đề ấy được thể hiện như thế nào trong tác phẩm (qua nhân vật, hình ảnh, sự việc, cốt truyện…) và gợi ra những suy nghĩ gì, tình cảm gì ở người đọc?.

+ Tiến trình các bước thực hiện đoạn viết:

Bước 1: HS nhận biết được chủ đề và gọi tên chủ đề.

Bước 2: Chỉ ra một vài căn cứ để xác định chủ đề.

Bước 3: Phân tích làm rõ chủ đề.

Bước 4: Khái quát được giá trị, ý nghĩa của chủ đề.

VD: Em hãy viết đoạn văn phân tích chủ đề của truyện *Bồng chanh đỏ* của tác giả Đỗ Chu.

(GV cung cấp văn bản và HS cần đọc kĩ văn bản để xác định đúng chủ đề của truyện Bồng chanh đỏ.)

Ở Bình Định, bồng chanh có nghĩa là hay xía vô chuyện người khác, xía cách hiền lành, vô tư. "Làng tôi" trong bài ký sau đây là một làng ngoài Bắc. Cái con chim bồng chanh "mình đỏ như lửa lúc nào cũng lim dim đôi mắt đậu trên một cọng sen khô" trong đầm sen cạnh làng, con chim ấy qua lời Đỗ Chu chẳng hề bồng chanh Bình Định một chút nào. Tên nó thế, không biết có phải vì quanh nơi nó đậu từ bồng chanh mang một nghĩa khác? Dù sao, đó là một con chim thật ngộ. Ước gì có dịp ghé "làng tôi" thăm nó.

(Thu Tứ)

Đỗ Chu, "Bồng chanh đỏ"

"... Vợ chồng đôi bồng chanh đỏ năm nay đã về làm tổ ở chỗ gốc vối chưa, anh tin là thể nào nó cũng quay lại đầm nước làng mình. Nó bỏ làm sao được cái đầm sen đẹp như vậy, phải không em (...) Trong cánh rừng bọn anh đóng quân có rất nhiều giống chim lạ, nhưng bồng chanh đỏ thì anh chưa hề gặp (...)".

(...) Tôi có cảm tưởng chỉ ở đầm nước làng tôi mới có bồng chanh đỏ (...)

Con chim ấy thường đậu trên một cọng sen khô ven đầm. Trông nó thật rực rỡ. Cái mỏ nhọn hoắt và oai vệ, dài như một cái quản bút. Lông ức hung hung vàng, còn thì toàn thân đỏ hồng như một đốm lửa. Chao ôi, đã bao nhiêu lần anh em tôi đứng trên bờ đầm ngắm nhìn không mỏi mắt bộ cánh rất đẹp của nó. Đừng bao giờ bạn tưởng nó đang ngủ gật nhé, cứ lim dim mắt và đậu lì một chỗ như thế đấy, nhưng chỉ cần một hòn sỏi nhỏ rơi xuống nước là lập tức cái đầu tinh khôn của nó nghểnh cao lên ngay. Lúc đó, bạn sẽ thấy nó láu lỉnh một cách lạ lùng. Chính tôi đã phải thất vọng vì không sao lại gần nó được (...) Hãy thử bước thêm lên một bước. Một bước nữa. Thế là rõ rồi, nó vờ ngủ đấy thôi. Nó chẳng bỏ qua một hành động nhỏ nào của ta hết. Cái đầu ranh mãnh của nó lại đang nghiêng nghiêng ngó ngó kia rồi. Chỉ cần ta tiến lên một bước nữa hoặc vung tay một cái là nó sẽ bay vụt đi ngay.

Tôi không còn nhớ chính xác vào khoảng thời gian nào mình đã gặp bồng chanh lần đầu

tiên trong đời (...) Dạo ấy tôi còn là một thằng bé con, thường theo anh ra ngoài đầm nước sau làng để anh dạy bơi (...) chính anh đã chỉ cho tôi nhìn thấy nó.

- Một con chim màu đỏ, mày không nhìn thấy sao. Hãy nhìn thật kỹ, nó rất dễ lẫn với hoa sen.

Rồi biết tôi có nhìn lâu hơn nữa cũng khó mà thấy được, anh Hiền nhặt một hòn đất ném mạnh. Giữa bãi sen xanh rì, một con chim nhỏ, không, một bông hoa đỏ rực, một đốm lửa, bỗng bay bổng lên cao. Nó không bay xa, chỉ một thoáng đã quay lại, đậu xuống chỗ cũ. Từ phút đó tôi biết là mình sẽ không bao giờ quên được con chim kỳ lạ này.

(...) bồng chanh chỉ là một con chim nhỏ bé, rất dễ lẫn với những bông hoa. Nhưng bọn trẻ chúng tôi chẳng đứa nào quên được sự có mặt của nó ở đây và dù nó luôn luôn khiêm tốn, ngủ gà ngủ vịt trong một góc đầm, chúng tôi vẫn nhìn thấy như thường.

Có một lần, dăm đứa vốn hay đi lang thang nhất làng đã ngồi trên bờ đầm tranh cãi với nhau mãi về nó.

- Tao cam đoan đây là một chú chả.

- Bồng chanh bồng quít gì cho nhiêu khê, cứ gọi nó là bói cá, mắt tao đã nhìn thấy nó lao xuống chộp mồi như một chú bói cá. Nó cứ đứng im như treo trên không trung rất lâu rồi vút một cái, cắm thẳng xuống nước.

- Bói cá hay chả thì lông phải xanh chứ sao lại đỏ?

Chẳng hiểu chúng nó còn phải gân cổ lên với nhau như vậy đến bao giờ nếu lúc đó anh tôi không kịp thời xuất hiện để đứng ra phân giải:

- Bồng chanh, bói cá đều thuộc họ chả. Nó làm tổ trong lòng đất. Chỗ gốc vối đằng kia nhất định phải có tổ của nó. Hai vợ chồng bồng chanh thay nhau một con đi kiếm ăn, một con ở nhà. Chúng đẻ trứng vào mùa xuân, sang mùa hạ thì chim non đã lớn và bắt đầu đi kiếm ăn một mình. Chúng sống thành từng đôi một, rất đầm ấm và chuyên cần. Các cậu nhìn, kia là con vợ đang chờ chồng mang mồi về mớm cho con.

Thật là tài tình, vừa hay khi chúng tôi quay ra nhìn theo tay anh Hiền chỉ thì một chú bồng chanh thứ hai, cũng đỏ rực như một ngọn lửa, từ đâu đã bay về. Nó đậu trên cành vối, cái mỏ ngậm mồi quay ngang quay ngửa như đang tỏ ra e ngại trước sự có mặt của chúng tôi. Không một tiếng kêu, bồng chanh vợ vội bay từ dưới đầm lên đậu bên cạnh chồng. Chúng rù rì trao đổi với nhau vài lời gì đó, chắc là con vợ bảo:

- *Nhà nó chớ có ngại, bọn kia từ làng ra tắm và tán gẫu đấy thôi.Nghe lời vợ, anh chàng liền cất cánh bay bổng lên, làm một động tác giả để đánh lừa chúng tôi, xong sà sát mặt nước rồi mất hút sau đám lá sen. Chúng tôi đều biết thừa là nó đã chui tọt vào tổ rồi.*

(...)

Bạn nhớ nhé, làng tôi nằm bên một đầm sen rộng, mùa hạ hoa nở bát ngát, làng có cổng làng, còn trong đầm thì có một con bồng chanh mình đỏ như lửa lúc nào cũng lim dim đôi mắt đậu trên một cọng sen khô (...)

Tháng 5 năm 1972

(Trích từ bài Bồng Chanh Đỏ trong tập truyện ngắn Chuyện Mùa Hạ của Đỗ Chu, nxb. Văn Học, 2010)

HS xác định đúng chủ đề của truyện Bồng chanh đỏ.

- Chủ đề của truyện Bồng chanh đỏ là: cách ứng xử của con người với thiên nhiên; tình yêu thương và sự tôn trọng quyền sống tự do đối với loài vật….

**** HS chỉ ra được các căn cứ để xác định chủ đề của truyện Bồng chanh đỏ.***

+ Sự kiện: phát hiện chim bồng chanh, đi bắt giống chim quý, trả chim về tổ cũ, lén đi bắt chim một mình, mong ước cuộc sống yên ổn cho gia đình chim bằng chanh đỏ.

+ Nhân vật và mối quan hệ giữa nhân vật với hoàn cảnh và các nhân vật khác: chủ bé Hoài trong mối quan hệ với không gian làng quê, với đầm sen thơ mộng, nơi sinh sống của giống chim quý, mối quan hệ giữa Hoài với anh trai (người truyền cho cậu bé tình yêu, niềm say mê các giống chim quý hiếm), với những người xung quanh (lũ bạn cũng say mê chim bồng chanh).

+ Chi tiết và mối quan hệ giữa các chi tiết: nhan đề Bồng chanh đỏ và mối quan hệ giữa nhan đề này với một loạt các chi tiết như phát hiện ra chim bồng chanh, đi tìm bắt chim, háo hức vì bắt được chim quý, thả chim về tổ cũ, lén bắt lại chim và thái độ, cách ứng xử của các nhân vật sau khi nhận thức được vấn đề (yêu thương, tôn trọng, bảo vệ, mong muốn điều tốt đẹp cho chim bồng chanh).

+ Điểm nhìn, ngôi kể, cách kể chuyện: nhân vật Hoài – một nhân vật trong truyện – kể lại câu chuyện của anh em minh. Ngôi kể thứ nhất này tạo nên cách nhìn chủ quan, nhiều cảm xúc, suy nghĩ và điểm nhìn trong sáng, chân thực của một chủ bé nông thôn tinh nghịch nhưng nhân hậu, biết nhận lỗi và sửa sai.

*** HS xác định đúng thông điệp của truyện Bồng chanh đỏ.**

- HS đặt câu hỏi: Tác giả muốn nhắn gửi tới người đọc bức thông điệp gì về cách ứng xử của con người với loài vật?

- Tác giả cũng muốn gửi gắm tới độc giả thông điệp: Hãy biết yêu thương, trân trọng và đừng làm tổn hại tới động vật, bởi chúng cũng giống con người, cũng biết đau, biết buồn, biết cả tổn thương.

* Bài tập luyện viết kiểu bài: Phân tích chủ đề trong một tác phẩm văn học:

Bài tập số 1

Viết đoạn văn phân tích chủ đề của bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* vủa tác giả Huy Cận.

Mặt trời xuống biển như hòn lửa,
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.
Đoàn thuyền đánh cá lại ra
khơi, Câu hát căng buồm cùng
gió khơi.

Hát rằng: cá bạc biển Đông
lặng, Cá thu biển Đông như
đoàn thoi
Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng.
Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!

Thuyền ta lái gió với buồm trăng

Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

Cá nhụ cá chim cùng cá đé,
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,
Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé.
Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.

Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.
Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.

Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng Ta
kéo xoăn tay chùm cá nặng. Vảy
bạc đuôi vàng loé rạng đông,
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.

Câu hát căng buồm với gió khơi,
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt
trời. Mặt trời đội biển nhô màu
mới,
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.

Hồng Gai, 4-10-1958

Bài thơ này được viết năm 1958 nhân chuyến đi thực tế của tác giả ở Hồng Gai, in trong tập Trời mỗi ngày lại sáng (1958) và đăng trên Tạp chí Văn nghệ số 18 (tháng 11-1958).

***Tiến trình các bước thực hiện đoạn viết:**

Bước 1: HS nhận biết được chủ đề và gọi tên chủ đề.

Bước 2: Chỉ ra một vài căn cứ để xác định chủ đề.

Bước 3: Phân tích làm rõ chủ đề.

Bước 4: Khái quát được giá trị, ý nghĩa của chủ đề.

****HS xác định đúng chủ đề của bài thơ Đoàn thuyền đánh cá.***

- ***Chủ đề của bài thơ là:*** *Vẻ đẹp của người lao động trong thời kì đổi mới.*

Bài thơ là khúc tráng ca ca ngợi những người ngư dân cần cù, chăm chỉ, ngày đêm đánh bắt cá,làm giàu cho đất nước, ca ngợi cuộc sống lao động tập thể của người dân chài trong công cuộc xây dựng và tái thiết đất nước, đồng thời bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước khung cảnh thiên nhiên.

****HS chỉ ra được các căn cứ để xác định chủ đề của bài thơ Đoàn thuyền đánh cá.***

- Nhan đề 'Đoàn thuyền đánh cá' thể hiện vẻ đẹp của biển cả và nghề đánh cá, cũng như lòng hăng say lao động của người dân.

- Hình ảnh 'đoàn thuyền' thể hiện sự đoàn kết và khí thế lao động hăng say của nhân dân, tạo nên một bài ca lao động hùng vĩ. Tác giả chọn hình ảnh 'đoàn thuyền' thay vì 'con thuyền', đồng nghĩa với việc không chỉ có một mà nhiều chiếc thuyền ra khơi đánh bắt. Điều này thể hiện tinh thần đoàn kết và sức mạnh cộng đồng trong lao động của người Việt. Họ cùng nhau lao động để xây dựng cuộc sống mới. Với tiêu đề này, Huy Cận đã mở ra hình ảnh xuyên suốt tác phẩm và mạch cảm xúc của bài thơ. Bài thơ thể hiện niềm tự hào của nhà thơ về đất nước và cuộc sống qua hình ảnh đoàn thuyền đánh cá.
- Mạch cảm xúc của bài thơ được triển khai liên quan đến quá trình lao động trên biển của đoàn thuyền, từ khi ra khơi cho đến khi trở về.
- Trong bài Đoàn thuyền đánh cá có sử dụng nhiều từ "hát" cả bài thơ giống như một khúc tráng ca. Những câu thơ có từ "hát" trong bài:

- Câu hát căng buồm cùng gió khơi, đây là tiếng hát ra trận đầy niềm vui, sự phấn chấn và tin tưởng vào chuyến ra khơi đầy thắng lợi.

- Ta hát bài ca gọi cá vào → gợi sự thân thiết, niềm vui, phấn chấn yêu lao động, thể hiện niềm vui khí thế hăng say của người lao động

- Câu hát căng buồm với gió khơi, tiếng hát cuối cùng vang lên " câu hát căng buồm với gió khơi" tiếng hát là một khúc ca khải hoàn của những con người chiến thắng trở về với những khoang thuyền đầy cá.

=>*Nhận xét:*

+ Những câu hát đã theo suốt hành trình của người dân chài, câu hát mở đầu lúc ra khơi và khi trở về đoàn thuyền vẫn với khí thế vui tươi đó, khúc ca trở về với thành quả là khúc khải hoàn ca.

+ Âm điệu bài thơ như khúc hát say mê hào hứng với chữ "hát" lặp đi lặp lại 4 lần khiến bài thơ tựa như khúc ca lao động khỏe khoắn, vui nhộn.

****HS xác định đúng thông điệp của bài thơ Đoàn thuyền đánh cá.***

- Mối quan hệ giữa người và thiên nhiên thật hoà hợp.
- Niềm vui, sự hứng khởi của những người lao động trong thời kì đổi mới.
- Vai trò, tầm quan trọng và giá trị của biển đảo Tổ quốc. *"Biển cho ta nhiều cá như lòng mẹ / Nuôi lớn đời ta tự buổi nào";* biển đã hào phóng nuôi ta bằng tài nguyên phong phú như lòng mẹ đã nuôi ta từ tấm bé, bằng tình thương vô hạn.
- Mỗi người phải có ý thức về việc giữ gìn chủ quyền biển đảo, bảo vệ môi trường, tài nguyên biển đảo.

Bài tập số 2

Viết đoạn văn phân tích chủ đề của bài thơ *Từ ấy* của tác giả Tố Hữu.

Từ ấy trong tôi bừng nắng
hạ Mặt trời chân lý chói qua
tim Hồn tôi là một vườn hoa
lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim...

Tôi buộc lòng tôi với mọi người
Để tình trang trải với trăm nơi
Để hồn tôi với bao hồn khổ
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời

Tôi đã là con của vạn nhà
Là em của vạn kiếp phôi pha
Là anh của vạn đầu em nhỏ
Không áo cơm, cù bất cù bơ...

Tháng 7-1938

Bài thơ này được sử dụng trong chương trình SGK Ngữ văn 11 từ 2007.

* **Tiến trình các bước thực hiện đoạn viết:**

Bước 1: HS nhận biết được chủ đề và gọi tên chủ đề.

Bước 2: Chỉ ra một vài căn cứ để xác định chủ đề.

Bước 3: Phân tích làm rõ chủ đề.

Bước 4: Khái quát được giá trị, ý nghĩa của chủ đề.

**** HS xác định đúng chủ đề của bài thơ Từ ấy.***

- Chủ đề của bài thơ là: tuyên ngôn về lẽ sống của người cộng sản khi gặp lí tưởng của Đảng.

**** HS chỉ ra được các căn cứ để xác định chủ đề của bài thơ Từ ấy.***

- Nhan đề của bài thơ là cụm từ Từ ấy bắt nguồn từ chủ đề của câu thơ trứ danh: "Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ, mặt trời chân lý chói qua tim".
- Nội dung của bài thơ: thể hiện tâm trạng của nhà thơ khi được đón nhận vào hàng ngũ những người đồng lòng với ý nghĩa cao cả.
- Mạch cảm xúc của bài thơ:
  + *Hân hoan niềm vui khi giác ngộ lí tưởng cách mạng*
  + *Nhận thức mới về lẽ sống*
  + *Sự thay đổi trong tình cảm*
- Qua các hình ảnh, từ ngữ thể hiện chủ đề:
  + *"Từ ấy trong tôi nắng hạ":*

"Từ ấy": dấu mốc quan trọng trong cuộc đời tác giả.

"Nắng hạ": tia nắng rực rỡ, chiếu sáng và mạnh mẽ nhất trong năm. Thể hiện sức mạnh, tầm ảnh hưởng của lí tưởng cách mạng đối với cuộc sống của người chiến sĩ trẻ tuổi.

+ *"Mặt trời chân lí chói qua tim".*

"Ánh sáng chân lí": làm bừng sáng vị thế và sức mạnh của Đảng, chứng minh tính bất diệt của lý tưởng cách mạng.

Tính từ "chói" thể hiện ảnh hưởng mạnh mẽ của lý tưởng cách mạng đến trái tim và tâm hồn.

- Qua các biện pháp tu từ tinh tế đặc biệt là lối so sánh giàu ý nghĩa, ngôn ngữ tràn đầy nhịp điệu.

+ "Hồn tôi là một vườn hoa lá/ Rất đậm hương và rộn tiếng chim":

=>Sử dụng phép so sánh: tả sự tươi mới, sôi động của tâm hồn người chiến sĩ khi chạm vào lý tưởng cách mạng. Miêu tả hình ảnh hồn tôi như vườn hoa lá, với hương thơm và âm nhạc của tiếng chim, tạo nên bức tranh tinh tế về niềm vui và sự hạnh phúc khi theo đuổi lý tưởng cách mạng.

=>Ý nghĩa: tạo nên bức tranh tinh tế về niềm vui và sự hạnh phúc khi theo đuổi lý tưởng cách mạng.

+ *"Tôi đã là con của vạn nhà/ Là em của vạn kiếp phôi pha/ Là anh của vạn đầu em nhỏ"*

=>Các hình ảnh so sánh: *"Kiếp phôi pha", em nhỏ "cù bất cù bơ":* thể hiện lòng đồng cảm, gắn bó, sẻ chia với những số phận khó khăn, đau thương.

=> Ý nghĩa: thể hiện sự thay đổi to lớn về nhận thức và tình cảm của Tố Hữu là biểu hiện rõ ràng của sự giác ngộ hoàn toàn vào lý tưởng cách mạng.

**** HS xác định đúng thông điệp của bài thơ Từ ấy.***

+ Sự đồng cảm và chia sẻ: Tác giả mở lòng, sẵn lòng chia sẻ tình cảm, đồng cảm với mọi người. Đây là thông điệp về việc không chỉ sống với bản thân mà còn sống để kết nối và đồng hành với mọi người xung quanh.

+ Sự đa dạng và hòa nhập: Tâm hồn tác giả mở rộng ra như một vườn hoa lá, biểu hiện sự đa dạng và phong phú của cuộc sống. Việc hòa nhập và chấp nhận sự đa dạng trong cuộc sống được thể hiện qua việc anh/chị là "con của vạn nhà", "em của vạn kiếp", "anh của vạn đầu".

+ Sự đồng nhất qua sự khác biệt: Tuy mỗi người có những cuộc đời, địa vị khác nhau, nhưng qua bài thơ, tác giả kết nối mọi người lại với nhau bằng tinh thần đồng nhất qua sự khác biệt. Không áo cơm, cù bất cù bơ, tất cả đều có thể kết nối với nhau thông qua tinh thần đồng cảm và chia sẻ.

5. Dạng đề phân tích một tác phẩm văn học:

*** Mở bài:** Viết mở bài bằng một đoạn văn đảm bảo các ý sau :

- Giới thiệu về tác giả

- Giới thiệu về tác phẩm: năm sáng tác, xuất xứ & hoàn cảnh ra đời (nếu có).

*** Thân bài:** Triển khai theo các bước sau :

+ *Bước 1 :* *- Giới thiệu khái quát nội dung của tác phẩm.*

- Nêu ấn tượng, cảm xúc ban đầu của người viết về tác phẩm.

+ *Bước 2 :* Phân tích giá trị nội dung của tác phẩm:

- Mỗi một khía cạnh nội dung của truyện được coi như một luận điểm.
- Mỗi luận điểm sẽ là một đoạn văn riêng biệt, triển khai như sau :

Nêu tên luận điểm, bám sát vào nội dung của tác phẩm (không cần quá dài dòng, dung lượng 1 - 2 câu).

Đưa ra dẫn chứng minh họa cho nội dung vừa nêu, trích từ văn bản cần đặt dẫn chứng trong ngoặc kép (" ") .

Chú ý các từ ngữ, hình ảnh đặc sắc trong tác phẩm.

Đưa ra những ý kiến, nhận xét, đánh giá của bản thân.

+ *Bước 3:* Viết phần khái quát chủ đề & thông điệp của văn bản.

+ *Bước 4 :* Viết đoạn văn phân tích tác dụng một số nét nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm.

*** Kết bài :** Viết kết bài bằng một đoạn văn đảm bảo các ý sau :

- Khẳng định lại giá trị mà tác phẩm mang lại (Tóm lại/ Khép lại những trang văn/ Như vậy/...).

- Đưa ra bài học cho bản thân, những thông điệp rút ra từ văn bản.

*** Bài tập luyện viết kiểu bài: Phân tích tác phẩm.**

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích đoạn thơ sau:

Ngôi sao nhớ ai mà sao lấp lánh
Soi sáng đường chiến sĩ giữa đèo mây
Ngọn lửa nhớ ai mà hồng đêm lạnh
Sưởi ấm lòng chiến sĩ dưới ngàn cây

Anh yêu em như anh yêu đất nước
Vất vả đau thương tươi thắm vô ngần
Anh nhớ em mỗi bước đường anh
bước Mỗi tối anh nằm mỗi miếng
anh ăn.

(Nhớ, Nguyễn Đình Thi, Tuyển tác phẩm văn học, Nhà in Bộ LĐTBXH, 2001)

*** Hướng dẫn làm bài văn:**

+ *Mở bài:*

- Giới thiệu tác giả: *Nguyễn Đình Thi (1924–2003) là nhà thơ, nhà văn, nhạc sĩ tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại.*

Thơ ông giàu chất trữ tình, thường kết hợp giữa tình cảm cá nhân với tình yêu quê hương, đất nước.

- Giới thiệu tác phẩm: *"Nhớ" là bài thơ được sáng tác trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp, khoảng năm 1948.*

Đoạn thơ thể hiện nỗi nhớ người yêu da diết của người chiến sĩ, đồng thời cho thấy sự hòa quyện đẹp đẽ giữa tình yêu đôi lứa và tình yêu đất nước.

+ *Thân bài:*

Bước 1. Khái quát nội dung và ấn tượng ban đầu

- Đoạn thơ diễn tả nỗi nhớ của người lính dành cho người yêu trong những ngày chiến đấu xa nhà.
- Nỗi nhớ không chỉ xuất hiện trong tâm tưởng mà còn hòa vào thiên nhiên, không gian chiến khu và những sinh hoạt đời thường.

=> Qua đó, tình yêu riêng được nâng lên, gắn bó với tình yêu đất nước.

- Đoạn thơ gây ấn tượng bởi giọng điệu tha thiết, chân thành, sâu lắng.
- Hình ảnh thơ vừa lãng mạn vừa gần gũi, giúp người đọc cảm nhận rõ vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ.

Bước 2. Phân tích giá trị nội dung

- Luận điểm 1. Nỗi nhớ người yêu được gửi gắm vào thiên nhiên, làm cho cảnh vật trở nên có hồn

Dẫn chứng:

"Ngôi sao nhớ ai mà sao lấp lánh"
"Ngọn lửa nhớ ai mà hồng đêm lạnh"

Phân tích:

Câu hỏi tu từ "nhớ ai" được lặp lại, tạo âm hưởng da diết, bâng khuâng.

Tác giả sử dụng phép nhân hóa: "ngôi sao" cũng biết "nhớ", "ngọn lửa" cũng như mang trong mình một nỗi nhớ.

Những hình ảnh "ngôi sao", "ngọn lửa", "đèo mây", "đêm lạnh", "ngàn cây" mở ra không gian núi rừng chiến khu vừa rộng lớn, khắc nghiệt vừa thơ mộng.

Nỗi nhớ của người lính dường như lan tỏa vào thiên nhiên:

Ngôi sao "lấp lánh" → soi sáng con đường hành quân.

Ngọn lửa "hồng" → sưởi ấm người chiến sĩ.

→ Nỗi nhớ không làm người lính yếu mềm mà trở thành nguồn sức mạnh tinh thần, giúp họ vượt qua gian khổ.

Luận điểm 2. Tình yêu đôi lứa hòa quyện sâu sắc với tình yêu đất nước

Dẫn chứng:

"Anh yêu em như anh yêu đất nước"

"Vất vả đau thương tươi thắm vô ngần"

Phân tích:

Câu thơ sử dụng phép so sánh độc đáo: tình yêu "em" được đặt ngang với tình yêu "đất nước".

Đây không phải hai tình cảm tách biệt mà là sự hòa quyện giữa tình yêu riêng và tình yêu chung.

=>Đất nước hiện lên không chỉ đẹp đẽ mà còn "vất vả đau thương"; chính những gian khổ, mất mát ấy lại khiến tình yêu quê hương trở nên "tươi thắm vô ngần". Qua đó, người chiến sĩ hiện lên với tâm hồn giàu tình cảm, có lý tưởng và trách nhiệm.Tình yêu cá nhân trở thành một phần của tình yêu Tổ quốc, tiếp thêm sức mạnh để người lính chiến đấu.

Luận điểm 3. Nỗi nhớ hiện diện thường trực trong từng bước đi và sinh hoạt đời thường của người lính

Dẫn chứng:

"Anh nhớ em mỗi bước đường anh bước"

"Mỗi tối anh nằm mỗi miếng anh ăn."

Phân tích:

Điệp từ "mỗi" được lặp lại liên tiếp, nhấn mạnh sự thường trực của nỗi nhớ. Những hình ảnh "bước đường", "mỗi tối", "mỗi miếng anh ăn" đều rất bình dị, đời thường.

Nỗi nhớ không chỉ xuất hiện trong những khoảnh khắc đặc biệt mà thấm sâu vào từng bước chân, giấc ngủ, bữa ăn của người lính.

=>Qua đó, tình yêu hiện lên chân thành, sâu sắc và mãnh liệt, đồng thời cho thấy người chiến sĩ dù sống giữa chiến tranh vẫn mang một trái tim rất đỗi con người.

Bước 3. Khái quát chủ đề và thông điệp

+Chủ đề: Đoạn thơ thể hiện nỗi nhớ người yêu da diết của người chiến sĩ trong những năm tháng chiến tranh. Đồng thời, tác giả ca ngợi sự hòa quyện giữa tình yêu đôi lứa, tình yêu quê hương và lý tưởng chiến đấu.

+ Thông điệp: Tình yêu chân thành có thể trở thành nguồn sức mạnh tinh thần giúp con người vượt qua gian khổ. Trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, tình yêu cá nhân không đối lập với tình yêu Tổ quốc mà có thể hòa chung và nâng đỡ tình yêu lớn lao dành cho đất nước.

Bước 4. Nghệ thuật đặc sắc

Thể thơ: thơ tự do, câu thơ dài ngắn linh hoạt → phù hợp với dòng cảm xúc tự nhiên, dạt dào.

Hình ảnh thơ:"ngôi sao", "ngọn lửa", "đèo mây", "ngàn cây" → vừa hiện thực

vừa giàu chất lãng mạn.

Biện pháp tu từ: Nhân hóa: "ngôi sao nhớ", "ngọn lửa nhớ" → thiên nhiên mang tâm trạng con người.

So sánh: "Anh yêu em như anh yêu đất nước" → làm nổi bật sự gắn bó giữa tình yêu riêng và tình yêu chung.

Điệp từ: "nhớ ai", "mỗi" → nhấn mạnh nỗi nhớ thường trực.

Câu hỏi tu từ: "nhớ ai mà..." → tạo âm hưởng bâng khuâng, da diết.

Giọng điệu: tha thiết, chân thành, sâu lắng.

=>Tác dụng chung: Những nét nghệ thuật trên góp phần khắc họa vẻ đẹp tâm hồn giàu tình yêu thương của người lính, đồng thời làm cho đoạn thơ giàu sức gợi và có sức lay động.

+ Kết bài

- Khẳng định giá trị: Khép lại đoạn thơ, người đọc cảm nhận sâu sắc vẻ đẹp của một tình yêu vừa riêng tư, dịu dàng, vừa gắn với tình yêu đất nước lớn lao. Đoạn thơ góp phần làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ trong những năm tháng kháng chiến.
- Bài học, thông điệp: Mỗi người cần biết trân trọng tình yêu, những tình cảm chân thành trong cuộc sống.Đặc biệt, thế hệ trẻ hôm nay cần biết gắn tình cảm cá nhân với trách nhiệm đối với gia đình, cộng đồng và quê hương, đất nước.

CHUYÊN ĐỀ 5

LUYỆN ĐỀ ÔN TẬP .

* LUYÊN ĐỀ ÔN TẬP SỐ 1

I. PHẦN 1: ĐỌC (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

(1) Toàn cầu hoá đã và đang tạo nên xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, giúp các dân tộc, quốc gia xích lại gần nhau để hợp tác, trao đổi, giao lưu, học hỏi, cùng nhau phát triển.

(2) Tuy nhiên, phát triển trong bối cảnh quốc tế mới với những diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, văn hoá dân tộc cũng chịu những tác động trái chiều, rõ nhất là mặt trái của quá trình toàn cầu hoá, kinh tế thị trường và sự lấn át của các phương tiện truyền thông mới, Internet, mạng xã hội. Biên cương văn hóa tư tưởng của quốc gia cũng chịu nhiều thách thức trước sự xâm lấn của các nền tảng xuyên biên giới.

(3) Từ thực tiễn cho thấy trong quá trình toàn cầu hoá, nhất là với lĩnh vực văn hoá, nếu không có bộ lọc đủ mạnh, thiếu bản lĩnh và tính sáng tạo sẽ nguy cơ dẫn tới tiếp thu một cách thụ động, vội vã, ồ ạt. Từ đó rất dễ dẫn đến tình trạng nguồn lực, sức mạnh nội sinh trong nước bị những yếu tố ngoại sinh lấn át, chi phối; từ đó làm triệt tiêu tính đa dạng văn hóa dân tộc, tự đánh mất bản sắc, cội rễ và truyền thống văn hóa của dân tộc mình. Không thể phủ nhận cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là bước phát triển nhảy vọt của văn minh nhân loại, mở ra những không gian mới, mang lại những loại hình dịch vụ, giải trí tiện lợi cho con người, hướng tới sự phát triển toàn diện.

(4) Tuy nhiên, mặt trái của những sản phẩm công nghệ đã và đang chi phối không nhỏ đến nhận thức, hành động của con người cũng như sự vận động, phát triển của nền văn hoá. Đã có những thanh, thiếu niên ban đầu tò mò, thích khám phá công nghệ để rồi dần dần bị lệ thuộc, nghiện Internet và mải mê trong thế giới ảo, làm mất đi những mối quan hệ, giao tiếp đời thường, tình đoàn kết, chia sẻ mờ dần, nhiều người rơi vào trạng thái cô đơn, trầm cảm, chối bỏ những giao tiếp trực tiếp của cuộc sống hiện thực. Không ít thanh, thiếu niên bị các đối tượng xấu dụ dỗ, sa vào tệ nạn xã hội, dẫn đến những hành vi ứng xử lệch lạc, để lại những hậu quả tai hại cho bản thân, gia đình và xã hội. [...]

(5) Cần nhận thức rằng việc tiếp thu văn hoá thế giới phải có sự chọn lọc trên cơ sở các giá trị truyền thống, bản lĩnh văn hoá dân tộc. Phải tạo sức đề kháng văn hóa với những bộ lọc, vách ngăn cần thiết để đẩy lùi và chống lại sự xâm lớn của những trào lưu phản văn hoá,

các luồng tư tưởng có nội chung xấu độc. Công tác quảng bá, lan toả hình ảnh đất nước, con người Việt Nam đến với bạn bè quốc tế cần được đẩy mạnh.

(Nguyễn Huy Phòng, *Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc*, dẫn theo nhandan.vn, 25-07-2023)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định nội dung chính trong đoạn (2).

Câu 2: Mục đích tác giả viết đoạn (4) là gì?

Câu 3: Phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: "*Phải tạo sức đề kháng văn hoá với những bộ lọc, vách ngăn cần thiết để đẩy lùi và chống lại sự xâm lấn của những trào lưu phản văn hoá, các luồng tư tưởng có nội dung xấu độc".*

Câu 4: Nhận xét, đánh giá về quan điểm, thái độ của người viết trong văn bản.

Câu 5: Ý kiến của người viết: "*Biên cương văn hoá tư tưởng của quốc giá cũng chịu nhiều thách thức trước sựu xâm lấn của các nền tảng xuyên biên giới"* gợi cho em suy nghĩ gì?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) lí giải vì sao cần phải giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong thời kì hội nhập quốc tế ngày nay.

Câu 2: Viết bài văn nghị luận khoảng 600 chữ phân tích và đánh giá đặc điểm của thể loại hồi kí được thể hiện trong đoạn trích sau đây:

...Ngày 26 tháng 8, chi đội Giải phóng quân đầu tiên tiến vào Thủ đô, giữa tiếng reo mừng dậy đất của đồng bào. Các nam, nữ chiến sĩ lần đầu mặc quần áo đồng phục chân bước chưa đều, nước da phần lớn tái xạm, nhưng tràn đầy khí thế chiến thắng của một đoàn quân dày dạn trong chiến đấu, mang đến cho đồng bào niềm tin, đã có một chỗ dựa vững chắc bên cạnh đội ngũ vũ trang của hàng ngàn chiến sĩ tự vệ của Thủ đô.

Bác từ Tân Trào về Hà Nội. Chúng tôi ra đón Bác tại làng Phú Thượng. Bác còn yếu sau trận sốt nặng vừa qua, vẫn giản dị với bộ quần áo vải vàng cũ và đôi giày vải. Đến 30 tháng 8, trên cả nước, chính quyền đã về tay nhân dân, trừ một đôi nơi bọn phản động Quốc dân đảng gây khó khăn như ở Vĩnh Yên.

Ngày mồng 2 tháng 9, Bác ra mắt trước mấy chục vạn đồng bào Thủ đô tại Quảng trường Ba Đình với bản "Tuyên ngôn Độc lập" lịch sử. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời. Cờ cách mạng nền đỏ sao vàng trở thành cờ của Tổ quốc. Hà Nội trở thành thủ đô của nước Việt Nam độc lập. Đội quân Giải phóng Việt Nam, sau ngày cách mạng thành công đã xuất hiện trên khắp các miền của đất nước. Bên cạnh những chiến sĩ Cứu quốc quân, Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, Du kích Ba-tơ và hàng vạn chiến sĩ tự vệ, du kích của phong trào cách mạng tại khắp các chiến khu, đã có thêm hàng trăm ngàn thanh niên tình nguyện đứng dưới cờ làm người chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc.

(Võ Nguyên Giáp, *Từ nhân dân mà ra*, in trong *Hồi kí cách mạng*, NXB Giáo dục, 1970, tr198-199)

*****HẾT*****

ĐÁP ÁN, HƯỚNG LÀM BÀI

Phần	Câu	Nội dung
Đọc	1	Nội dung chính trong đoạn (2) là: văn hoá dân tộc cũng chịu những tác động trái chiều của quá trình toàn cầu hoá và kinh tế thị trường.
	2	Mục đích tác giả viết đoạn (4) là: chỉ ra và cảnh báo mặt trái của những sản phẩm công nghệ đã và
	3	- Câu văn sử dụng biện pháp ẩn dụ (*sức đề kháng, bộ lọc, vách ngăn)* - Hiệu quả:

		+ Tạo nên cách diễn đạt hình ảnh, mới mẻ, ấn tượng, làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho câu văn – 0,25 + Làm nổi bật thông điệp: cần phải có ý thức tự giác và những hành động cụ thể để bảo vệ giữ gìn những giá trị truyền thống trước tác động mạnh mẽ, lấn át của quá trình toàn cầu hoá, các sản phẩm công nghệ và nền kinh tế thị trường
	4	- Quan điểm, thái độ của tác giả trong bài viết:
	5	HS trình bày suy nghĩ về ý kiến của bản thân. Sau đây là một số gợi ý: - Biên cương văn hoá tư tưởng của quốc gia – chỉ bản sắc tư tưởng, văn hoá của mỗi dân tộc đang đứng trước nhiều khó khăn thách thức, hoặc có dấu hiệu bị mai một trước sự xâm lấn, lấn át bởi các nền tảng xuyên biên giới (các nền văn hoá mới theo xu thế toàn cầu hoá) trong bối cảnh toàn cầu hoá… - Tuy nhiên, bản sắc văn hoá dân tộc mang những nét đặc trưng đã được trải qua quá trình thử thách của lịch sử nên các nền văn hoá mới cũng khó có thể lấn át, xâm chiếm, hoặc làm nó trở nên mờ nhạt, yếu thế….
Viết	**1**	**Viết đoạn văn khoảng 200 chữ để lí giải vì sao cần phải giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong thời kì hội nhập quốc tế ngày nay.**
		a.Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, móc xích hoặc song hành.
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: *cần phải giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong thời kì hội nhập quốc tế ngày nay.*
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: + Việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc có vai trò quan trọng để bảo tồn di sản văn hoá; đóng góp vào sự đa dạng văn hoá toàn cầu; thúc đẩy sự hiểu biết và tôn trọng đa dạng văn hoá trong xã hội toàn cầu ngày nay; giáo dục lòng yêu nước, thể hiện tinh thần trân trọng di sản quá khứ… + Tuy nhiên, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc không phải là đóng cửa trước thế giới, cần giao lưu để quảng bá, hoà nhập nhưng không hoà tan; cần chọn lọc để bảo lưu phát triển những bản sắc đẹp và loại bỏ những bản sắc không còn phù hợp. + Khẳng định: giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc là giữ gìn cốt cách dân tộc, là cơ sở củng cố ý thức tự tôn dân tộc và là nền tảng cho sự phát triển của đất nước bền vững. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: *cần phải giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong thời kì hội nhập quốc tế.* - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng
		đ. Diễn đạt

		Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp, tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.
	2	Viết bài văn nghị luận khoảng 600 chữ phân tích và đánh giá đặc điểm của thể loại hồi kí được thể hiện trong đoạn trích *Từ nhân dân mà ra* của Võ Nguyên Giáp.
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học.
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: đặc điểm của thể loại hồi kí trong đoạn trích của tác giả Võ Nguyên Giáp.
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết: - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục 3 phần của bài văn nghị luận: *Mở bài: Giới thiệu khái quát về giá trị của đoạn trích hồi kí: kể lại theo trí nhớ của một cá nhân nhưng phản ánh được cả một thời kì lịch sử. *Thân bài: Triển khai vấn đề: - Nêu đặc điểm của thể loại hồi kí: là thể loại phi hư cấu, ghi lại những sự kiện đã xảy ra trong quá khứ mà tác giả trực tiếp tham gia hay chứng kiến.. - Những đặc điểm của hồi kí thể hiện trong đoạn trích: + Đoạn trích kể lại sự kiện lịch sử trọng đại của toàn thể dân tộc Việt Nam: ngày 2-9-1945, Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà… + Tính xác thực của thể loại hồi kí được thể hiện ở sự kiện, nhân vật,thời gian, địa điểm…*(ngày 26 tháng 8, chi đội Giải phóng quân đầu tiên tiến vào Thủ đô, Bác Hồ từ Tân Trào về Hà Nội; làng Phú Thượng, 30 tháng 8, ngày 2 tháng 9, Bác Hồ ra mắt trước mấy chục vạn đồng bào thủ đô…* + Thủ pháp trần thuật kết hợp với miêu tả, nhiều câu văn dài được ngắt thành nhiều nhịp, nhịp dồn dập…khiến sự kiện trong hồi ức của Đại tướng Võ Nguyên Giáp được tái hiện chân thực và ấn tượng; thể hiện hào khí chiến thắng và niềm tự hào của toàn thể dân tộc Việt Nam trong thời khắc lịch sử quan trọng. - Đánh giá, bàn bạc, mở rộng về đoạn trích hồi kí. + Đoạn trích khiến người đọc cảm nhận được niềm xúc động, tự hào của mỗi người dân Việt Nam trong thời khắc lịch sử thiêng liêng… + Mỗi người trẻ hôm nay tự nhận thức được trách nhiệm của bản thân đối với lịch sử dân tộc… *Kết bài: Khẳng định lại giá trị của đoạn trích hồi kí.
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Triển khai được ít nhất 2 luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. *Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.*
		đ.Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.

		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.

***LUYỆN ĐỀ ÔN TẬP SỐ 2.**

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CHỦ NGHĨA NHÂN ĐẠO TRONG TÁC PHẨM CỦA THẠCH LAM

[…] Chủ nghĩa nhân đạo trong tác phẩm của Thạch Lam thực ra chưa sâu sắc và mãnh liệt nếu đem so sánh với ngòi bút Ngô Tất Tố hay Nam Cao, nhất là khi cần phanh phui triệt để những mâu thuẫn gay gắt trong xã hội người bóc lột người đã dẫn đến nỗi bất hạnh của người dân lao động. Ông không phải không đề cập đến vấn đề ấy, nhưng trong nhiều trường hợp, ngòi bút ấy dường như vừa chạm đến đã vội dừng lại và chuyển hướng. Chẳng hạn như truyện "Đứa con", mở đầu là mâu thuẫn giữa chủ và người ở (một phụ nữ), là áp chế tàn nhẫn giữa kẻ có tiền và người làm thuê. Sông kết thúc truyện thì mâu thuẫn đó lại bị xóa nhòa bởi một chuyển hướng hòa hợp, mà tác nhân là sự kích thích của tình mẫu tử – một thứ nhân tính muôn đời. Trong "Cái chân què" cũng tương tự như vậy. Chuyện tả một anh chàng vì nghèo mà cay cú với số phận, quyết tìm cách làm giàu. Nhưng khi được như ý, thì dần dần anh ta lại nhận thấy rằng đồng tiền không đem lại hạnh phúc. Sự tỉnh ngộ lần này của anh căn bản dựa trên cái triết lí về đồng tiền thường thấy ở một số tác giả khác trong Tự lực văn đoàn: triết lí của những con người chưa thực sự bị họa áo cơm ghì riết và hành hạ. Dù sao Thạch Lam cũng chưa hẳn đã sống chết với vấn đề này.

Tuy nhiên, đối với người lao động nghèo, cái nhìn của Thạch Lam nói chung là một cái nhìn hiện thực giàu tính nhân đạo. Bức tranh về cuộc sống của dân nghèo sau lũy tre, trong xóm chợ, nơi ngoại ô, ngõ hẻm không hề được phủ bằng màn sương thi vị. Những số phận nhọc nhằn, bi đát, với một viễc cảnh mờ mịt, đen tối, vẫn là kết cục chung cho hầu hết các tác phẩm viết về người dân lao động nghèo khổ của Thạch Lam. Cái chết của mẹ Lê để lại cả một đàn con gầy còm ngơ ngác là một cái kết bi thảm, gây nên "cái cảm giác lo sợ đè nén lấy tâm can" những người còn sống – những người mà "cái nghèo khổ cứ theo đuổi mãi không bao giờ dứt" (Nhà mẹ Lê). Có những gia đình trước đây đã có thời mát mặt, về sau cũng sa sút, khó khăn, và càng ngày cuộc sống càng thắt nghẹt họ mãi (Cô hàng xén, Đói, Hai đứa trẻ,…). Những kết thúc u ám như thế cứ trở đi trở lại trong nhiều truyện ngắn của Thạch Lam, tô đậm cái quá trình bần cùng không lối thoát của nhân dân lao động trong xã hội cũ. […].

(Trích ***Phong cách truyện ngắn Thạch Lam***, Trần Ngọc Dung, in trong *Thạch Lam - Tác phẩm và lời bình,* Nxb Văn học, Hà Nội, 2013)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Văn bản trên bàn về vấn đề gì?

Câu 2. Văn bản trên có mấy luận điểm? Đó là những luận điểm nào?

Câu 3. Các luận điểm có mối quan hệ như thế nào trong việc làm nổi bật luận đề của văn bản?

Câu 4. Chỉ ra mục đích, thái độ của của tác giả được thể hiện ở văn bản trên?

Câu 5. Từ nội dung văn bản, anh/ chị có suy nghĩ gì về vai trò của tư tưởng nhân đạo đối với một tác phẩm văn học?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) với chủ đề : *"Đam mê của tuổi trẻ"*.

Câu 2. (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích nhân vật Điền trong truyện ngắn sau: *(Lược một đoạn: Điền là một nhà văn giàu mơ mộng nhưng nghèo. Để mưu sinh, Điền đã phải tạm gác lại giấc mộng văn chương để đi dạy cho một trường tư. Rồi trường đột nhiên bị đóng cửa, Điền phải về quê sống nhờ vợ. Dù vậy, Điền vẫn luôn nuôi trong mình khát vọng một ngày kia sẽ đi xa, sẽ viết được một thứ văn chương lãng mạn, thanh cao)*

Trên kia, giăng nhởn nhơ như một cô gái non vừa mới có nhân tình. Gió nhẹ nhàng đặt trên lá những bước chân vũ nữ. Những tàu lá chuối láng trăng đưa đẩy… Điền nghĩ đến những người đàn bà nhàn hạ, vừa tắm bằng một thứ nước thơm tho, mặc áo lụa xanh, ngả tấm thân mềm trên chiếc ghế xích đu và đưa đẩy đôi chân thuỡn thẹo…

Tại sao Điền lại vụt nghĩ đến những hình ảnh lả lơi ấy? Chính Điền cũng không thể hiểu. Có lẽ Điền ước ao một cái mái tóc thơm tho, một làn da mát mịn, một bàn tay ve vuốt. Có những người đàn bà đẹp, yêu rất khéo, bởi họ được ăn ngon, mặc đẹp, chăm sóc thịt da và chẳng làm gì cả. Phải rồi, vợ Điền chỉ là một kẻ tục tằn. Thị chẳng đáng cho Điền yêu quý. Cũng chẳng đáng cho Điền thương hại. Điền phải đi. Đi để giữ cho lòng mình tươi lâu. Điền sẽ làm bất cứ cái gì đó để có ăn. Rồi Điền bình tĩnh viết. Có như vậy Điền viết mới ra hồn được. Lời phải đẹp, ý phải thanh cao, ngọn bút của Điền mới khơi nguồn cho những tình cảm đầy thơ mộng. Nghệ thuật chính là cái ánh trăng xanh huyền ảo nó làm đẹp đến cả những cảnh thật ra chỉ tầm thường, xấu xa…

Điền lại thấy hiện ra cái bóng dáng yêu kiều của những người đàn bà nhàn nhã ngả mình trên những cái ghế xích-đu nhún nhảy… Những người ấy sẽ đọc văn Điền. Lòng họ đẹp thêm lên. Họ sẽ yêu Điền. Họ sẽ gửi cho Điền những bức thư xinh xinh ướp nước hoa. Tưởng tượng của Điền tỏa rộng ra như một ánh trăng. Điền nghĩ đến những cuộc tình duyên lãng mạn với những người đàn bà đẹp chỉ biết trang điểm và yêu đương. Những tiếng gắt gỏng ở trong nhà lại đưa ra. Vụt cái, trăng mất đẹp. Điền cúi mặt, bẽn lẽn như bị bắt gặp làm việc xấu. Điền lắng tai nghe. Tiếng vợ Điền gay gắt hỏi:

– Làm sao thế?

Đứa con gái vừa mếu máo vừa đáp lại. – Con đau bụng.

– Giời ơi là giời!

Ấy là tiếng vợ Điền rên lên. Rồi thị mắng con: – Ăn bậy lắm! Chết là phải, còn kêu ai?

Đứa con không dám khóc to. Nó chỉ oăn oại và rít nho nhỏ trong cổ họng. Thỉnh thoảng nó không còn sức nén, tiếng khóc bật ra, Điền nghe một vài tiếng nức nở như tiếng người nôn oẹ, Điền vẫn ngồi cúi mặt. Một nỗi chua xót gần như là thuộc về thể chất, ứ lên trong lòng Điền. Nó dâng lên đến cổ, xông lên óc. Nước mắt Điền ứa ra.

Vợ Điền gượng nhẹ đặt đứa con đang ngủ mệt xuống võng. Thị cầm một con dao ra vườn moi mấy nhánh gừng về rửa sạch, giã ra. Thị vắt thêm vào đấy nửa quả chanh. Thứ thuốc bách bệnh của con nhà nghèo chỉ gồm có thế. Thị gạn lấy nước đem lại cho con. Con bé mới ngửi thấy hơi gừng đã sợ. Nó mím chặt môi. Dỗ thế nào nó cũng không chịu uống. Thị phải bế nó, đặt nằm ngửa trên đùi, một tay thị đỡ đầu, một tay thị kề chén nước gừng vào tận môi con. Con bé mím môi thật chặt. Bực mình thị quát: – Há mồm ra!

Con bé khóc. Thế là cốc nước gừng đã dốc tuột vào mồm nó. Nó giãy lên như đỉa phải vôi. Nó phun phè phè. Nó gào lên. Bao nhiêu nước gừng bắn ra áo mẹ. Thằng cu con giật mình,

khóc thét lên. Vợ Điền tức quá, phát đen đét vào lưng con bé ốm và quăng nó xuống giường như quăng một con mèo:

– Kệ cha mày! Cho mày chết đi! Con bé vừa gào vừa van lạy:

– Con lạy bu; Con cay lắm! Con lạy bu! Cay mồm… – Mày câm ngay không tao tát cho vỡ mặt.

Nó vẫn không chịu lặng. Thị sừng sộ, chực vồ lấy nó: – Mày có câm không nào?

Nó sợ quá đành phải nín. Nhưng những tiếng rên nho nhỏ vẫn còn thoát ra… Điền thương con lắm. Vút cái, Điền thấy Điền không thể nào đi được. Điền không thể sung sướng khi con Điền còn khổ. Chao ôi! Trăng đẹp lắm! Trăng dịu dàng và trong trẻo và bình tĩnh. Nhưng trong những căn lều nát mà trăng làm cho cái bề ngoài trông cũng đẹp, biết bao người quằn quại, nức nở, nhăn nhó với những đau thương của kiếp mình! Biết bao tiếng nghiến răng và chửi rủa! Biết bao cực khổ và lầm than?… Không, không, Điền không thể nào mơ mộng được. Cái sự thật tàn nhẫn luôn luôn bày ra đấy. Sự thực giết chết những ước mơ lãng mạn gieo trong đầu óc Điền cái thứ văn chương của bọn nhàn rỗi quá. Điền muốn tránh sự thực, nhưng trốn tránh làm sao được? Vợ Điền khổ, con Điền khổ, cha mẹ Điền khổ. Chính Điền cũng khổ. Bao nhiêu người nữa, cùng một cảnh, khổ như Điền! Cái khổ làm héo một phần lớn những tính tình tươi đẹp của người ta. Tiếng đau khổ vang dội lên mạnh mẽ. Chao ôi! Chao ôi! Nghệ thuật không cần là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than, vang dội lên mạnh mẽ trong lòng Điền. Điền chẳng cần đi đâu cả. Điền chẳng cần trốn tránh, Điền cứ đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy tất cả những vang động của đời…

... Sáng hôm sau, Điền ngồi viết. Giữa tiếng con khóc, tiếng vợ gắt gỏng, tiếng léo xéo đòi nợ ngoài đầu xóm. Và cả tiếng chửi bới của một người láng giềng ban đêm mất gà.

(Trích: ***Giăng sáng***, Nam Cao, in trong *Tuyển tập Nam Cao*, NXB Văn học, Hà Nội, 2002)

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ

Phần	Câu	Nội dung
I		**ĐỌC HIỂU**
	1	Văn bản trên bàn về vấn đề: Chủ nghĩa nhân đạo trong tác phẩm của Thạch Lam.
	2	Văn bản trên có 2 luận điểm: – Luận điểm 1: Tác giả nhận định rằng *Chủ nghĩa nhân đạo trong tác phẩm của Thạch Lam thực ra chưa sâu sắc và mãnh liệt.* – Luận điểm 2: *Tuy nhiên, đối với người lao động nghèo, cái nhìn của Thạch Lam nói chung là một cái nhìn hiện thực giàu tính nhân đạo.*
	3	Các luận điểm có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong việc làm nổi bật luận đề của văn bản. Cụ thể: – Cả hai luận điểm đều nói về chủ nghĩa nhân đạo trong các tác phẩm của nhà văn Thạch Lam; – Luận điểm thứ nhất chỉ ra cái hạn chế trong chủ nghĩa nhân đạo của Thạch Lam khi đem so ông với một số nhà văn hiện thực phê phán. Luận điểm hai chỉ ra cái tiến bộ của Thạch Lam khi nhìn về cuộc sống của người lao động nghèo để cho thấy rằng: dù thế nào thì trong các tác phẩm

		của Thạch Lam, tinh thần nhân đạo vẫn là điều dễ nhận thấy.
	4	Mục đích, thái độ của tác giả: – Mục đích: Bằng những lí lẽ và dẫn chứng hợp lí, tác giả muốn thuyết phục người đọc để họ thấy rằng: dù chưa thực sự sâu sắc và mãnh liệt, nhưng trong các tác phẩm của Thạch Lam đều ẩn chứa một cái nhìn nhân đạo đối với những người dân nghèo khổ. – Thái độ: + Nghiêm khắc trong việc nhìn nhận về chủ nghĩa nhân đạo trong các tác phẩm của Thạch Lam, từ đó cho rằng, chủ nghĩa nhân đạo ở các sáng tác của Thạch Lam là chưa sâu sắc và mãnh liệt. + Ca ngợi các sáng tác của Thạch Lam ở cái nhìn đầy thương cảm đối với người dân nghèo.
	5	Suy nghĩ về vai trò của tư tưởng nhân đạo đối với một tác phẩm văn học: – Tư tưởng nhân đạo làm nên giá trị tư tưởng cho tác phẩm văn học; – Làm nên sức sống lâu bền cho tác phẩm.
II		**VIẾT**
	1	**Viết bài văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về đam mê của tuổi trẻ**
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.
		b. *Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*: **về đam mê đối với tuổi trẻ.**
		c. *Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề cần nghị luận.* - Xác định được ý chính của bài viết. - Xác định các ý theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: *** Giới thiệu được vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm cá nhân về vấn đề.** *** Triển khai vấn đề cần nghị luận:** **- Giải thích:** "Đam mê" là niềm khát khao, yêu thích cháy bỏng theo đuổi một lĩnh vực nào đó cho đến cùng. **- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:** + Trong cuộc sống thường ngày đam mê cũng xuất hiện ở nhiều khía cạnh khác nhau, trong học tập, thể thao, trong công việc ,… dưới nhiều hình thức khác nhau. + Mỗi người đều có một niềm đam mê khác biệt, đó chính là thứ để khẳng định bản thân, tự làm mới, tự tạo dấu ấn cá nhân trong xã hội hiện đại này. + Có đam mê khiến chúng ta có động lực sống, có niềm cảm hứng thúc đẩy chúng ta đứng lên thực hiện ước mơ, lý tưởng một cách đầy nhiệt huyết và có trách nhiệm, vượt qua mọi khó khăn gian khổ. + Có đam mê khiến con người trở nên tốt hơn, dũng cảm hơn trong cuộc sống, trở thành ý nghĩa sống mà mỗi chúng ta theo đuổi trong cuộc đời. + Có đam mê là tốt, có niềm đam mê khác biệt và kiên trì theo đuổi nó lại còn tuyệt vời hơn cả. + Cần phải thật tỉnh táo, phải biết đâu là niềm đam mê chân chính, đâu là thói hư tật xấu, là tệ nạn xã hội không nên sa đà vào nó.

		- Lấy được dẫn chứng và phân tích dẫn chứng. - Mở rộng, bày tỏ quan điểm trái chiều, hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện hơn. *** Khẳng định lại quan điểm cá nhân và rút ra bài học cho bản thân.**
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.
		đ. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.
		e. Sáng tạo *Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.*
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày ý kiến của anh/ chị về việc sống có kỉ luật.
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận xã hội
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: ……
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: 1. Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm và nêu vấn đề nghị luận: – Giới thiệu tác giả, tác phẩm: Nam Cao (1915-1951), tên thật là Trần Hữu Tri, là nhà văn hiện thực lớn, nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn, có đóng góp quan trọng đối với quá trình hiện đại hoá truyện ngắn và tiểu thuyết Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX. Nam Cao là nhà văn có phong cách nghệ thuật độc đáo: luôn hướng tới thế giới nội tâm của con người; có biệt tài trong việc miêu tả và phân tích tâm lí; viết về cái nhỏ nhặt hàng ngày mà đặt ra được những vấn đề có ý nghĩa xã hội to lớn, có tầm triết lí sâu sắc và có giọng văn đặc sắc. *Giăng sáng* là một trong những truyện ngắn tiêu biểu của ông. – Nêu vấn đề nghị luận: Phân tích nhân vật Điền trong truyện ngắn *Giăng sáng.* 2. Triển khai vấn đề nghị luận: 2.1. Phân tích nhân vật Điền: – Điền là một nhà văn nghèo khổ nhưng luôn mang trong mình cái mộng văn chương đẹp đẽ. Anh luôn mơ một ngày sẽ có thể ra đi, để được rảnh rang mà viết thứ văn chương cao siêu anh hằng ấp ủ. – Nhưng rồi thực tế cuộc sống đã đánh thức anh: trong một đêm trăng

		sáng thơ mộng, khi anh đang chìm đắm trong mơ tưởng ảo diệu, thì tiếng con khóc, tiếng vợ mắng con đã làm anh giật mình tỉnh thức. Anh không thể ra đi, không thể ích kỉ chỉ nghĩ đến mình khi mà con anh khổ, vợ anh khổ. Anh không thể viết thứ văn chương thoát li cuộc sống, thứ văn chương tươi đẹp, khi mà thực tế cuộc sống đang đầy rẫy khổ đau. – Và sáng hôm sau, anh đã thay đổi. Anh ngồi viết *Giữa tiếng con khóc, tiếng vợ gắt gỏng, tiếng léo xéo đòi nợ ngoài đầu xóm. Và cả tiếng chửi bới của một người láng giềng ban đêm mất gà.* 2.2. Tư tưởng nhà văn gửi gắm qua nhân vật: Thông qua nhân vật Điền, Nam Cao đã gửi gắm những tư tưởng sâu sắc: – Văn chương phải phản ánh thực tế đời sống, không được thoát li đời sống; – Nhà văn chân chính là nhà văn phải đứng hai chân trên mặt đất của hiện thực, viết về hiện thực để cải tạo hiện thực. 3. Đánh giá khái quát vấn đề ở đề bài. * Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để àm rõ quan điểm cá nhân - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý lẽ và dẫn chứng. ***Lưu ý:*** *Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.*
		đ. Diễn đạt *Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.*
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.

*LUYỆN ĐỀ ÔN TẬP SỐ 3:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Để trưởng thành, tất cả chúng ta đều phải trải qua hai cuộc đấu tranh: một cuộc đấu tranh bên ngoài và một cuộc đấu tranh ngay trong tâm trí mỗi người. Nhưng cuộc đấu tranh quan trọng nhất và có ý nghĩa nhất chính là cuộc đấu tranh diễn ra ngay trong tâm hồn mỗi người. Đó là cuộc đấu tranh chống lại những thói quen không lành mạnh, những cơn nóng giận sắp bùng phát, những lời gian dối chực trào, những phán xét thiếu cơ sở và cả những căn bệnh hiểm nghèo… Những cuộc đấu tranh như thế diễn ra liên tục và thật sự rất gian khó, nhưng lại là điều kiện giúp bạn nhận ra cảnh giới cao nhất của mình.

Hãy luôn cẩn trọng và can đảm. Hãy tiếp thu ý kiến những người xung quanh nhưng đừng để họ chi phối quá nhiều đến cuộc đời bạn. Hãy giải quyết những bất đồng trong khả năng của mình nhưng đừng quên đấu tranh đến cùng để hoàn thành mục tiêu đề ra. Đừng để bóng đen của nỗi lo sợ bao trùm đến cuộc sống của bạn.

Bạn phải hiểu rằng, dù có thất bại thảm hại đến mấy chăng nữa thì bạn cũng đã học hỏi được điều gì đó bổ ích cho mình. Vì vậy, hãy tin tưởng vào con đường mình đang đi và vững vàng trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu cao cả.

Với sự hi sinh, lòng kiên trì, quyết tâm nỗ lực không mệt mỏi và tính tự chủ của mình, nhất định bạn sẽ thành công. Bạn chính là người làm chủ số phận của mình…"

(Trích *Đánh thức khát vọng*, Nhiều tác giả, NXB Hồng Đức, 2017, tr.67,68)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Theo tác giả: *Cuộc đấu tranh quan trọng nhất và có ý nghĩa nhất* là gì?

Câu 3. Xác định và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: *Đó là cuộc đấu tranh chống lại những thói quen không lành mạnh, những cơn nóng giận sắp bùng phát, những lời gian dối chực trào, những phán xét thiếu cơ sở và cả những căn bệnh hiểm nghèo.*

Câu 4. Vì sao tác giả cho rằng: *Hãy tiếp thu ý kiến những người xung quanh nhưng đừng để họ chi phối quá nhiều đến cuộc đời bạn.*

Câu 5. Thông điệp ý nghĩa nhất với bạn qua đoạn trích trên là gì?

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến: *Bạn chính là người làm chủ số phận của mình.*

Câu 2 (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích nghệ thuật kể chuyện của đoạn trích sau:

(**Lược truyện:** *Thanh cùng những người bạn trò chuyện về những cơn giận và hậu quả của nó. Thanh cũng kể câu chuyện làm cho anh ân hận mãi. Vì sự bực tức không rõ nguyên nhân từ trước, cộng thêm việc mặc cả không thành và những lời nói khó chịu của người phu xe, cơn giận của Thanh lên đến đỉnh điểm. Trên đường đi, gặp cảnh sát, vì muốn trả thù, Thanh đã nói những điều bất lợi cho người phu xe, khiến anh ta phải chịu nộp phạt và bị thu xe. Sau hôm đó, cơn giận của anh cũng đã hết nhưng trong lòng lại dâng lên nỗi day dứt, kéo dài đến mấy ngày sau. Chính vì thế Thanh đã đi tìm đến nhà của người kéo xe đó.*)

Lần ấy là lần đầu tôi bước vào một chỗ nghèo nàn, khổ sở như thế. Các anh thử tưởng tượng một dãy nhà lụp xụp và thấp lè tè, xiêu vẹo trên bờ một cái đầm mà nước đen và hôi hám tràn cả vào đến thềm nhà.[…]

Người phu xe Dư ở trong ấy. Tôi cúi mình bước vào, chỉ thấy tối như bưng lấy mắt và thấy hơi ẩm lạnh thấm vào tận trong mình. Có tiếng người đàn bà sẽ hỏi:

- Bẩm thầy muốn gì?

Khi mắt đã quen tối, tôi nhận thấy người đàn bà vừa hỏi, một bà già ở mép một chiếc giường tre mục nát kê ở sát tường. Sau lưng bà này, một người đàn bà nữa ngồi ôm trong lòng một vật gì hơi động đậy. Cả hai cùng ngước mắt lên nhìn tôi một cách ngạc nhiên và đầu họ chạm vào mái nhà thấp, đầy những mảng giẻ rách nát vắt trên xà.

- Bác Dư có nhà không?

- Bẩm, chú nó đi về quê vắng từ hôm nọ.

Một vẻ sợ hãi thoáng qua trên mặt đủ tỏ cho tôi biết họ không nói thật, tôi giảng giải:

- Không, cụ cứ nói thật cho tôi biết. Tôi đến để giúp bác ta chứ không có ý gì khác.

Bà cụ nhìn tôi nghĩ ngợi một lát rồi nói:

- Thế thầy đã biết việc chú nó bị bắt xe hôm nọ?

Tôi gật đầu ra hiệu cho bà cụ cứ nói.

- Hôm ấy cai nó phải đem tiền lên nộp phạt để chuộc xe về. Chú nó đã xin khất với cai để rồi trả dần số tiền đó. Nhưng nó nhất định không nghe, bắt phải trả một nửa ngay. Khốn nạn, thì lấy đâu ra mà trả. Thế là bị nó đánh một trận thừa sống thiếu chết thầy ạ. Khi về đây lê đi không được nữa. Thế mà nó còn bắt mai phải trả ngay.

Người đàn bà ngồi trong cất tiếng ốm yếu nói theo:

- Nó còn bảo hễ không trả nó sẽ bắt lấy thẻ.

- Thế bây giờ bác ta đâu?

Bà cụ trả lời:

- Đi ngay từ hôm ấy, mà không biết đi đâu. Đã ba hôm nay chúng tôi dò mà không thấy. Chắc là sợ cai không dám về nữa, dù có về mà không có tiền cũng chết với nó. Thật cũng là cái vạ; nghe đâu chú nó nói hôm ấy tại người khách đi xe không biết nói với người đội xếp thế nào mới bị bắt, chớ không cũng chẳng việc gì.

Tôi yên lặng.

Bà cụ chép miệng, chỉ người đàn bà ngồi sau:

- Tội nghiệp cho vợ con chú đây, ốm đã mấy ngày hôm nay không có thuốc. Đứa cháu không biết có qua khỏi được không.

Tôi đứng lại gần xem.

- Cháu nó sài[2] đã hơn một tháng nay. Hôm nọ đã đỡ. Mấy hôm nay vì không có tiền mua thuốc lại tăng. Ông lang bảo cháu khó qua khỏi được.

Người mẹ nói xong nấc lên một tiếng rồi nức nở khóc.

Cái cảnh đau thương ấy làm tôi rơm rớm nước mắt. Một cảm giác nghẹn ngào đưa lên chẹn lấy cổ. Tôi lấy tờ giấy bạc năm đồng đưa cho người mẹ, rồi vội vàng bước ra cửa, để mặc hai người nhìn theo ngờ vực. […]

- Cái kỉ niệm buồn rầu ấy cứ theo đuổi tôi mãi mãi đến tận bây giờ, rõ rệt như các việc mới xảy ra hôm qua. Sự đó nhắc cho tôi nhớ rằng người ta có thể tàn ác một cách rất dễ dàng. Và mỗi lần tôi nghĩ đến anh phu xe ngoại ô kia, tôi lại thấy đau đớn trong lòng như có một vết thương chưa khỏi.

*(Trích **Một cơn giận**, Thạch Lam [1], Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, 2020, tr.59 - 62)*

Chú thích:

(1) Thạch Lam, tên thật là Nguyễn Tường Lân - thành viên của nhóm Tự lực văn đoàn. Tác phẩm của ông thể hiện niềm cảm thương kín đáo mà sâu sắc đối với cuộc sống của những người dân nghèo nơi phố huyện ở ngoại ô Hà Nội hay của những trí thức bình dân.

(2) sài: tên gọi chung các bệnh nội khoa lâu khỏi ở trẻ em.

***ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ.**

Phần	Câu	Nội dung
I		**ĐỌC HIỂU**
	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận
	2	Là *cuộc đấu tranh diễn ra ngay trong tâm hồn mỗi người.*

	3	- Biện pháp: Liệt kê, điệp cấu trúc ngữ pháp (*những thói quen không lành mạnh, những cơn nóng giận sắp bùng phát, những lời gian dối chực trào, những phán xét thiếu cơ sở và cả những căn bệnh hiểm nghèo).* - Hiệu quả: + Chỉ ra các biểu hiện cụ thể giúp người đọc dễ hiểu, dễ hình dung ra cuộc đấu tranh diễn ra trong tâm hồn mỗi người. + Nhấn mạnh tính chất cấp thiết, thường xuyên, liên tục phải đấu tranh chống lại thói hư tật xấu ở bên trong mỗi người.
	4	- Những người xung quanh thường sáng suốt, khách quan hơn khi nhìn nhận vấn đề. Ý kiến của họ là một kênh thông tin hữu ích giúp chúng ta tham khảo, có cái nhìn đa chiều về vấn đề còn quyết định phải ở bản thân mỗi người. - Bản thân mỗi người cần phải làm chủ tình cảm, hành động của mình bởi chỉ bản thân mình mới hiểu rõ năng lực, hạn chế cũng như mong muốn, nguyện vọng. Chỉ khi tự quyết định cuộc sống của chính mình, bạn mới có niềm tin và động lực vươn lên, mới nhận ra niềm vui, hạnh phúc và giá trị của chính mình.
	5	- HS lựa chọn được thông điệp ý nghĩa và nêu lí do lựa chọn thông điệp một cách hợp lý, thuyết phục.
II		**LÀM VĂN**
	1	**Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến: *Bạn chính là người làm chủ số phận của mình.***
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. HS có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nập, tổng-phân -hợp, móc xích hoặc song hành.
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Điều quan trọng trong cuộc sống mỗi người là cần biết làm chủ số phận.
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận:
		** Giải thích:* - Làm chủ số phận: Là khả năng làm chủ cuộc đời mình mà không dựa dẫm, chịu sự chi phối bởi hoàn cảnh hay những người xung quanh. => Số phận mỗi người do chính bản thân con người nắm giữ, quyết định.
		** Bình luận, chứng minh:* - Số phận được quyết định bởi suy nghĩ, lối sống và hành động của mỗi người. - Bản thân mỗi người hiểu rõ về mình nhất: ưu - khuyết điểm, mong muốn, ước mơ, khát vọng. Làm chủ số phận để tự mình làm nên giá trị bản thân, để mình được sống cuộc đời mà mình mong muốn, trở thành; để cảm nhận niềm vui và hạnh phúc. - Làm chủ số phận không đồng nghĩa với lối sống bảo thủ, cứng nhắc không quan tâm, cân nhắc tới ý kiến của những người xung quanh. (HS cần lựa chọn và đưa dẫn chứng phù hợp) - Phê phán: Những con người sống trông chờ, ỷ lại, sống phụ thuộc, không có ý thức vươn lên làm chủ cuộc đời. ** Bài học:* - Nhận thức: Con người cần chủ động, tích cực hơn trong cuộc sống của chính mình. - Hành động: Cần chủ động học hỏi, trau dồi tri thức, sự hiểu biết để có vốn sống phong phú; cần năng động, tự tin, làm chủ cuộc sống cũng như trong công việc.

		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: vai trò của tình yêu thương trong cuộc sống. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ các đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ
	2	**Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích những nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của đoạn trích trong truyện ngắn "Một cơn giận"**
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận văn học.
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của đoạn trích
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích - Nhà văn Thạch Lam là một thành viên tiêu biểu của nhóm Tự lực văn đoàn. Văn ông là sự kết hợp hài hòa giữa hai yếu tố hiện thực và lãng mạn, tự sự và trữ tình. - Truyện ngắn "Một cơn giận" tiêu biểu cho phong cách viết truyện của Thạch Lam. - Vị trí: Trích đoạn trên nằm ở phần cuối của tác phẩm, thể hiện tâm lý của nhân vật "tôi" khi chứng kiến hậu quả mà mình đã gây ra cho người phu xe. * Phân tích nét đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện của đoạn trích - Cốt truyện đơn giản, kể chuyện Thanh tìm đến nhà của người phu xe Dư và nhận ra hậu quả nghiêm trọng của cơn giận vô cớ vài ngày trước. - Người kể truyện: + Ngôi kể: ngôi thứ nhất, vừa kể lại câu chuyện, vừa trực tiếp tham gia vào các sự kiện thông qua mối quan hệ với các nhân vật khác. Từ đó, thúc đẩy cốt truyện phát triển, khắc họa diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật tôi. Đồng thời thay tác giả đưa ra nhận xét, đánh giá về hậu quả của việc mất kiểm soát bản thân khi giận dữ, tạo nên những bài học sâu sắc. + Điểm nhìn: Sử dụng điểm nhìn linh hoạt, có sự kết hợp của nhiều loại điểm nhìn… phù hợp với nội dung trần thuật, cuối truyện chủ yếu sử dụng điểm nhìn bên trong bộc lộ nội tâm nhân vật. => tăng tính khách quan, lôi cuốn cho câu chuyện; góp phần thể hiện cảm hứng chủ đạo của toàn tác phẩm: lên án, phê phán các hành động gây tổn thương tới người khác, quan tâm đến những số phận nghèo khổ, cơ cực. - Giọng điệu kể chuyện nhẹ nhàng, sâu lắng, vừa chiêm nghiệm, thấm thía, vừa trăn trở, suy tư.
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân.

		- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng ***Lưu ý:*** *Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.*
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.

***LUYỆN ĐỀ ÔN TẬP SỐ 4:**

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Trong cuộc sống, có những người dù có tài và học thức cao nhưng vẫn không thành công. Ngược lại, có những người tuy rất bình thường nhưng thành công vẫn luôn mỉm cười với họ. Chuyện thành - bại, hay được - mất phụ thuộc rất lớn vào thái độ sống của mỗi chúng ta. Ai đó từng nói rằng "tương lai thuộc về người biết đón nhận và giữ lấy nó". Thật vậy, không ít người dù trong khó khăn vẫn luôn tìm thấy cơ hội cho mình, nhưng cũng không ít người khi cơ hội đến, họ lại chần chừ, rồi bỏ qua vì ngại gian khổ. Có người vượt qua trở ngại bằng thái độ lạc quan, lại có người chao đảo bởi những ý nghĩ tiêu cực. Bởi vậy, không quá khi nói rằng thái độ đóng vai trò quyết định chuyện thành - bại của mỗi người.

Không đơn giản là yếu tố thuộc về cảm xúc, cũng không phải là kết quả của bất kỳ tác động bên ngoài nào, thái độ là yếu tố thuộc về nhân sinh quan của chúng ta. Thái độ quyết định cách chúng ta hành động, quyết định sự gắn bó khắng khít trong các mối quan hệ. Nó có khả năng biến trở ngại thành cơ hội, chuyển thất bại sang thành công. Một thái độ đúng đắn sẽ mở ra một tương lai tươi sáng, khiến cho cuộc sống hiện tại tràn đầy sức sống và tin yêu. Đó chắc chắn không phải là cái đích quá xa so với khả năng của con người. Chỉ cần một vài điều chỉnh nhỏ, bạn hoàn toàn có thể xoay chuyển mọi việc theo chiều hướng tốt đẹp.

(Trích từ cuốn sách "*Thái độ quyết định thành công*" - Wayne Cordeiro - NXB Tổng hợp thành phố HCM, 2016)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Ngoài thao tác phân tích, văn bản còn sử dụng kết hợp thao tác lập luận nào?

Câu 2. Theo tác giả bài viết, chuyện *thành - bại*, hay *được - mất* phụ thuộc rất lớn vào điều gì?

Câu 3. Việc sử dụng phép điệp trong câu văn *Thái độ quyết định cách chúng ta hành động, quyết định sự gắn bó khắng khít trong các mối quan hệ"* **có tác dụng gì**?

Câu 4. Anh/ chị hiểu như thế nào về ý kiến: *Một thái độ đúng đắn sẽ mở ra một tương lai tươi sáng, khiến cho cuộc sống hiện tại tràn đầy sức sống và tin yêu"***?**

Câu 5. Anh /chị rút ra được bài học gì từ văn bản trên?

II. PHẦN LÀM VĂN *(6,0 điểm)*

Câu 1. *(2,0 điểm)*

Từ nội dung văn bản ở phần Đọc hiểu, kết hợp với những hiểu biết của bản thân, anh/ chị hãy viết một đoạn văn (*khoảng 200 chữ*) trình bày suy nghĩ về những biểu hiện của thái độ sống tích cực trong giới trẻ hiện nay.

Câu 2. (4,0 điểm)

Trong truyện "Những ngôi sao xa xôi", Lê Minh Khuê viết về nhân vật Phương Định như sau:

(*Lược dẫn:* Phương Định (nhân vật "tôi") cùng Nho và chị Thao là ba cô thanh niên xung phong làm nhiệm vụ trên một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Nhiệm vụ của họ là quan sát vị trí địch ném bom, đo khối lượng đất, đá và san lấp, đánh dấu những trái bom chưa nổ. Tuy công việc gian khổ, hiểm nguy luôn rình rập nhưng cả ba cô gái đều hết lòng với công việc. Trong cuộc sống đời thường, họ là những cô gái trẻ trung, yêu đời, cũng có những phút giây mộng mơ, lãng mạn.)

... Tôi, một quả bom trên đồi. Nho hai quả dưới lòng đường. Chị Thao, một quả dưới chân cái hầm barie cũ. Vắng lặng đến phát sợ. Cây cối còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vật vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa. Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không? Chắc có, các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt. Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi lom khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới. Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẽ hai vòng tròn màu vàng...

Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng. Chị Thao thổi còi. Như thế là đã hai mươi phút qua. Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây mìn dài, cong mềm. Tôi khoả đất rồi chạy lại chỗ nấp của mình. Hồi còi thứ hai của chị Thao. Tôi nép người vào bức tường đất, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Dường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi tiếng động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, đè lên những con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa đang chui bên trong cái dây mìn, chui vào ruột quả bom... Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mằn mặn, cát lạo xạo trong miệng. Nhưng quả bom nổ. Một thứ tiếng kì quái, đến váng óc. Ngực tôi nhói, mắt cay mãi mới mở ra được. Mùi thuốc bom buồn nôn. Ba tiếng nổ nữa tiếp theo. Đất rơi lộp bộp, tan đi âm thầm trong những bụi cây. Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu. (...)

(Trích "*Những ngôi sao xa xôi*", Lê Minh Khuê- Tập truyện ngắn, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2001)

Trong truyện "Mảnh trăng cuối rừng", Nguyễn Minh Châu viết về nhân vật Nguyệt như sau:

(*Lược dẫn*: Trong thời kỳ chống Mỹ, trên đường ra mặt trận, Lãm - người lái xe quân sự- cho cô công nhân giao thông tên là Nguyệt đi nhờ. Cô gái ấy tình nguyện dẫn đường cho Lãm đưa chiếc xe vượt qua đoạn đường ngầm thật vất vả. Ngay sau đó, phi cơ địch bắn dữ dội, nhưng Nguyệt vẫn bình tĩnh, linh hoạt hướng dẫn Lãm và xe vượt qua nguy hiểm. Cuối cùng, hai người cứu được chiếc xe chở hàng quân sự ra khỏi vùng lửa đạn. Lãm đoán rằng cô gái ấy chính là Nguyệt, người con gái mà chị Tính – chị gái của anh- giới thiệu cho anh. Rồi họ chia tay trong niềm lưu luyến….)

Một làn nước hiện ra trước mặt. Đoạn ngầm Đá Xanh ngắn thôi, nhưng mấy hôm trước mưa lũ, nước dâng cao trên mặt đá đến hơn một mét. Vừa đánh xe xuống, đã nghe nước tràn vào ống sả hơi ùng ục. Chiếc xe lắc điên đảo, lúc ngoi lên lúc hụp xuống như một con trâu nước dữ tợn. ánh đèn chiếu sáng mặt nước loang loáng. Ra đến quá nửa ngầm thì nước sâu quá, xe không đi được nữa. Nguyệt đứng bám bên cánh cửa hướng dẫn cho tôi đi đúng giữa hai hàng cọc tiêu. Cô vội nhảy ùm xuống nước, bảo tôi tắt đèn.

- Có máy bay à?

- Để em nghe kỹ xem đã. Anh cứ tắt đèn đi. Loáng đèn dưới nước trông xa lắm đấy!

Đèn tắt. Chưa bao giờ trời tối đến thế, chỉ nghe tiếng nước vỗ ì oạp vào tai xe. Tôi cố tiến, lùi nhưng xe chỉ lắc lư, vòng lái nặng như cối đá. Giữa đêm lạnh mà quần áo tôi ướt đẫm. Nguyệt để cả quần áo thế, nhanh nhẹn lội phăng sang bên kia bờ giúp tôi cột dây tời vào một gốc cây. Tôi xoay sở như đánh vật một lúc, cuối cùng cũng đưa chiếc xe leo lên được tới quãng đường rải đá khấp khểnh. Chúng tôi thở không ra hơi, đang mồ mẫm cuốn dây tời thì máy bay đến. Từ sau rặng núi đá dựng đứng bên trái, bọn chúng ập đến như tiếng sét. Tiếng máy bay ầm ầm. Tôi vứt vòng dây sắt nặng trĩu trên tay, chạy nhào về phía xe. Vừa chạy được hai bước, tôi đã bị Nguyệt túm trở lại, nhanh và khoẻ hết sức. Nguyệt đẩy tôi ngã vào giữa một vật gì rất cứng và sâu. Nghe hơi thở và tiếng nói của Nguyệt rất bình tĩnh: "Chúng đánh toả độ đấy!".

(...) Qua một quãng khó đi và tối quá, Nguyệt nhảy xuống đi dò trước. Tôi cứ nhằm cái bóng trắng nhờ nhờ của Nguyệt trước mặt mà lái theo. Lên quá độ hai kilômét, tôi dừng xe nép vào bên một "ta luy" cao có cây rậm. Tôi bật đèn buồng lái. Cái tôi trông thấy đầu tiên là có vết máu bên vai Nguyệt, vết máu chảy xuống đỏ cả cánh tay áo xanh.

(...) Nguyệt nhìn vết thương, cười. Khuôn mặt hơi tái nhưng vẫn tươi tỉnh và xinh đẹp. Từ đầu đến chân, cô ta ướt như một con công vừa tắm. Tôi rút chiếc mùi xoa đầy vết dầu mỡ trong túi, buộc ngoài lần áo xanh để cầm máu. Tôi đề nghị đưa Nguyệt sang bên kia ngầm về đơn vị, nhưng Nguyệt gạt đi:

- Đây là giang sơn của em rồi. Anh đi đi, không trời sáng mất! - Rồi Nguyệt lại cười: - Anh cứ yên tâm, vết thương chỉ sướt da thôi. Từ giờ đến sáng, em có thể đi lên đến tận trời được!

(Trích *Mảnh trăng cuối rừng*Nguyễn Minh Châu- Truyện ngắn, NXB Văn học, Hà Nội, 2003.)

Hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh nhân vật Phương Định và nhân vật Nguyệt trong hai đoạn trích truyện trên.

Chú thích

- Lê Minh Khuê sinh năm 1949 là nhà văn nữ chuyên viết truyện ngắn về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ trên tuyến đường Trường Sơn, đặc biệt là nhân vật người phụ nữ, cô thanh niên xung phong. *- Truyện ngắn Nhưng ngôi sao xa xôi được viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ diễn ra vô cùng ác liệt, lúc đó tác giả đang là chiến sĩ thanh niên xung phong ở Trường Sơn*	*- Nguyễn Minh Châu là một trong số những nhà văn mở đường tinh anh và tài năng nhất của văn học VN thời kì đổi mới. Trước 1975, Nguyễn Minh Châu viết nhiều về chiến tranh, tác phẩm mang khuynh hướng sử thi. Từ 1980 về sau ông chuyển sang cảm hứng thế sự với những vấn đề đạo đức và triết lí nhân sinh, lúc này tác phẩm của ông mang giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc.* *- Mảnh trăng cuối rừng được Nguyễn Minh Châu viết trong thời kì đầu chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ ở miền Bắc. Sau này tác giả chọn in trong tập Những vùng trời khác nhau (1970). Đây là tác phẩm tiêu biểu cho cảm hứng anh hùng ca của Nguyễn Minh Châu nói riêng và văn học Việt Nam thời chống Mĩ nói chung.*

***ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ:**

Phần	Câu	Nội dung
I		**ĐỌC HIỂU**
	1	Bình luận
	2	Theo tác giả, chuyện thành - bại, hay được - mất phụ thuộc rất lớn vào thái độ sống của mỗi chúng ta.
	3	Tác dụng của phép điệp - Điệp từ "*quyết định*" - Tác dụng: + Nhấn mạnh vai trò của thái độ sống đối với cách thức sống và hành động của mỗi người. + Tăng sức biểu đạt, tạo âm hưởng, nhịp điệu nhấn mạnh nội dung.
	4	Hiểu về ý kiến: *Một thái độ đúng đắn sẽ mở ra một tương lai tươi sáng, khiến cho cuộc sống hiện tại tràn đầy sức sống và tin yêu"* - Thể hiện quan điểm của người viết: khẳng định vai trò của thái độ sống đúng đắn đối với tương lai mỗi người. - Tác dụng: khuyên mỗi người cần xây dựng cho mình một thái độ sống tích cực, đúng đắn.
	5	Bài học rút ra từ văn bản Gợi ý: *điều chỉnh hành vi, thói quen xấu để xây dựng lối sống tích cực, sống lạc quan, tin yêu…..*
II		**VIẾT**
	1	**Viết 01 đoạn văn khoảng (200 chữ) nêu những biểu hiện của thái độ sống tích cực trong giới trẻ hiện nay.**
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Biểu hiện của thái độ sống tích cực trong giới trẻ hiện nay.

		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận * Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - Giới trẻ hiện nay đa số đã biết xây dựng cho mình một thái độ sống tích cực, ý nghĩa. Điều này được thể hiện qua một số biểu hiện sau: + Có nhận thức đúng đắn, tích cực: Có ý thức xây dựng hình ảnh và giá trị cho bản thân; ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với gia đình và cộng đồng xã hội. + Có hành động cụ thể, thiết thực: . Chăm chỉ học tập, nâng cao các kĩ năng mềm. . Rèn luyện sức khỏe thể chất và tinh thần (chơi thể thao, đọc sách, chơi đàn,…) . Tìm hiểu lịch sử, văn hóa dân tộc và quảng bá với cộng đồng quốc tế. . Biết quan tâm, yêu thương, chia sẻ với những mảnh đời bất hạnh. . Nhiệt tình tham gia các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện (hiến máu nhân đạo, bảo vệ môi trường, phòng chống COVID, …) - Tuy vậy, cũng có không ít bạn trẻ chưa xây dựng cho mình thái độ sống tích cực: còn ham chơi, đua đòi, sa vào các tệ nạn xã hội, trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội. - Rút ra bài học nhận thức và hành động. * Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu văn bản.
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: giải thích, bình luận, phân tích, chứng minh; nghị luận, thuyết minh… - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.
	2	**Hãy viết bài văn nghị luận so sánh nhân vật Phương Định và nhân vật Nguyệt trong hai đoạn trích.**
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận so sánh hai nhân vật trong hai đoạn trích.
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận So sánh nhân vật Phương Định và nhân vật Nguyệt trong hai đoạn trích.
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận - Xác định được các ý chính của bài viết. - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận:

		* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Triển khai vấn đề nghị luận: - Nêu ngắn gọn những hiểu biết chung về hai nhà văn: Lê Minh Khuê và Nguyễn Minh Châu; hai truyện ngắn: *Những ngôi sao xa xôi* và *Mảnh trăng cuối rừng.* - So sánh hai nhân vật trong hai đoạn trích + Điểm giống nhau: . Cả hai nhân vật đều là những cô thanh niên xung phong trẻ trung, xinh đẹp, khỏe khoắn. . Công việc của họ là bảo vệ các tuyến đường giao thông, rà phá bom mìn, san lấp hố bom để các đoàn xe ra tiền tuyến. . Họ đều có những vẻ đẹp phẩm chất và tâm hồn cao quý: yêu đời; yêu nước; có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc và rất bản lĩnh trước bom đạn của kẻ thù. + Điểm khác nhau: . Nhân vật Phương Định: ngây thơ, trong sáng, có đời sống nội tâm phong phú. Nhân vật tự kể lại việc phá bom của mình và những tình cảm, suy nghĩ của bản thân trong thời khắc nguy hiểm ấy. . Nhân vật Nguyệt: nhanh nhẹn, hoạt bát, tự tin, chủ động trước mọi tình huống. Cô hiện ra sống động với ngôn ngữ, cử chỉ, hành động qua lời kể của Lãm. - Đánh giá + Thông qua hai nhân vật, hai nhà văn đã khắc họa vẻ đẹp của những nữ thanh niên xung phong trong kháng chiến chống Mỹ. Từ đó bày tỏ tình cảm yêu mến, thái độ trân trọng, tự hào, ngưỡng mộ đối với thế hệ trẻ lúc bấy giờ. Họ sẵn sàng dâng hiến tuổi thanh xuân và cả cuộc đời mình cho Tổ quốc. + Thể hiện tài năng của hai nhà văn trong việc xây dựng, khắc họa hình tượng nhân vật.
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. **Lưu ý:** *Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.*
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.

* LUYỆN ĐỀ ÔN TẬP SỐ 5:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

KHÓI HƯƠNG TAN

(Hàn Mặc Tử)

Tối hôm nay muôn sao bơi nhấp nhánh,
Sông Mê Hà đưa đẩy sóng triền miên.
Thuyền anh buông lững lờ trong hiu quạnh,
Tới em chưa, đã tới bến lòng em?
Mộng yêu đương đang khi tim dào dạt,
Thuyền anh neo đậu trước bến Hàn Giang.
Những uyên ương khi trăng sao bàng bạc,
Biến mất rồi, anh thấy khói hương tan!

(In trong tập *Thơ Hàn Mặc Tử*, NXB Kim Đồng, 2024, tr. 80)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định chủ thể trữ tình của bài thơ.

Câu 2. Chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh miêu tả thiên nhiên trong bài thơ.

Câu 3. Anh/Chị hiểu như thế nào về hình ảnh *thuyền anh – bến lòng em* được sử dụng trong khổ thơ thứ nhất?

Câu 4. Phân tích tác dụng của câu hỏi tu từ trong hai câu thơ:

Thuyền anh buông lững lờ trong hiu quạnh
Tới em chưa, đã tới bến lòng em?

Câu 5. Từ nội dung văn bản, anh/chị hãy bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của khát vọng tình yêu trong cuộc sống. (trình bày từ 5 đến 7 dòng).

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) : Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích tâm trạng của nhân vật trữ tình trong văn bản *Khói hương tan* (Hàn Mặc Tử).

Câu 2. (4,0 điểm) : Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về cách ứng xử cần có của tuổi trẻ trong thời đại công nghệ số.

***ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ:**

Câu	***Đáp án***
1	Chủ thể trữ tình: tác giả/anh
2	Những từ ngữ, hình ảnh miêu tả thiên nhiên trong bài thơ: - *muôn sao nhấp nhánh* - *sóng triền miên* - *trăng sao bàng bạc*
3	Hình ảnh *thuyền anh – bến lòng em* được sử dụng trong khổ thơ thứ nhất: - Ẩn dụ cho tình cảm chàng trai và cô gái. - Bày tỏ khát vọng tình yêu của chủ thể trữ tình.
4	Tác dụng của câu hỏi tu từ: - Tăng giá trị biểu cảm cho câu thơ. - Thể hiện sự trăn trở, cô đơn, đầy lo lắng của chàng trai khi không biết tình cảm của mình liệu có được cô gái thấu hiểu.
5	Có thể tham khảo một số gợi ý sau: - Giúp mỗi người hoàn thiện bản thân. - Tạo động lực để mỗi người cố gắng hoàn thành những mục tiêu, dự định trong cuộc sống. - Mang đến sự lạc quan, hướng chúng ta đến những điều tốt đẹp.

II	**1.**	**Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích tâm trạng của nhân vật trữ tình trong văn bản *Khói hương tan* (Hàn Mặc Tử).**
	1.1.	*a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn* - Đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. - Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo lối diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, song hành, móc xích…
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Phân tích tâm trạng của nhân vật trữ tình.
		c. Viết đoạn văn đảm bảo yêu cầu: Chỉ ra tâm trạng của nhân vật trữ tình. c.1. Chỉ ra được những biểu hiện tâm trạng của nhân vật trữ tình ở khổ thứ nhất. Lo lắng, băn khoăn liệu người con gái có thấu hiểu tình yêu của mình (thể hiện qua câu hỏi tu từ) c.2. Chỉ ra được những biểu hiện tâm trạng của nhân vật trữ tình ở khổ thơ thứ hai. Nỗi thất vọng, buồn đau khi tình yêu đó không được đáp trả (thể hiện qua cách cảm nhận khói hương tan) c3. Nêu được ý nghĩa của sự thay đổi trong tâm trạng của nhân vật trữ tình. Tham khảo gợi ý sau:

		Sự thay đổi trong tâm trạng cho thấy được niềm hi vọng, khao khát sống, khao khát được yêu.
II	**2.**	***Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về cách ứng xử cần có của tuổi trẻ trong thời đại công nghệ số.***
	2.1.	*a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng bài văn* - Đảm bảo yêu cầu về hình thức của kiểu bài nghị luận xã hội và dung lượng bài văn (khoảng 600 chữ)
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: cách ứng xử cần có của tuổi trẻ trong thời đại công nghệ số.
		c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu. **1.Mở bài.** ***Giới thiệu được vấn đề nghị luận:*** cách ứng xử cần có của tuổi trẻ trước cái mới trong thời đại công nghệ số. **2.Thân bài.** ***2.1. Giải thích*** ***2.1.1 Biết giải thích thế nào là công nghệ số?*** Quá trình chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang mô hình số, thông qua việc áp dụng các công nghệ số như AI, Big data, IoT, Cloud, blockchain,... nhằm thay đổi phương thức điều hành, quản lý quy trình làm việc cũng như văn hóa doanh nghiệp. ***2.1.2 Biết giải thích thế nào là cách ứng xử trước thời đại công nghệ số?*** Là khả năng thích nghi, đối mặt với sự thay đổi không ngừng của thời đại mới – thời đại của những bước tiến vượt bậc về công nghệ. ***2.2. Chỉ ra được ý nghĩa (vai trò, tác dụng) của thời đại công nghệ số đối với tuổi trẻ.*** - Thời đại công nghệ số giúp người trẻ tiếp cận thông tin nhanh chóng, nâng cao hiệu suất công việc. Dẫn ra và phân tích các bằng chứng. - Thời đại công nghệ số giúp thế hệ trẻ kết nối, gia tăng cơ hội thành công. Dẫn ra và phân tích các bằng chứng. - Thời đại công nghệ số cũng mang lại những tiện ích trong cuộc sống hàng ngày của người trẻ như mua sắm trực tuyến, thanh toán điện tử, giúp tiết kiệm thời gian và công sức. Dẫn ra và phân tích các bằng chứng ***2.3. Cách ứng xử của người trẻ trong thời đại công nghệ số.*** - Tiếp thu những giá trị tốt đẹp của cái mới trong thời đại công nghệ số để phát huy điểm mạnh của bản thân, từ đó dễ dàng đi đến thành công. - Chọn lọc thông tin khi tiếp nhận, bài trừ những mặt xấu, không để bản thân thụ động khi tiếp nhận. - Suy nghĩ thấu đáo, chủ động, đặt giá trị đạo đức lên hàng đầu. - Chủ động học tập, trau dồi bản thân để có thể làm chủ được công nghệ số. … (Học sinh tự lấy dẫn chứng phù hợp) ***2.4 Biết mở rộng, nâng cao vấn đề***

		- Nếu không có sự ứng xử phù hợp sẽ dẫn đến những hậu quả tiêu cực không chỉ gây ảnh hưởng đến bản thân mà còn cả xã hội. - Phê phán những người trẻ phụ thuộc quá nhiều vào công nghệ số, có những hành vi thiếu văn hóa, xâm phạm nhân phẩm của người khác… - Đề xuất những giải pháp để người trẻ có cách ứng xử phù hợp trong thời đại công nghệ số: + Người trẻ cần có nhận thức rõ ràng về những lợi ích và tác hại của nó. + Các cơ quan, tổ chức cũng cần có những biện pháp bảo vệ, hướng dẫn và xây dựng một môi trường công nghệ lành mạnh, bảo đảm quyền riêng tư và sự an toàn của người dùng. **3. Kết bài:** Khẳng định quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân.

* LUYỆN ĐỀ ÔN TẬP SỐ 6:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

[...] Phương tiện của truyền hình (và cả video nữa) là hình ảnh nghe nhìn. Ưu thế của hình ảnh nghe nhìn là hấp dẫn và dễ tiếp nhận, không đòi hỏi nỗ lực tích cực của trí tuệ để tiếp nhận. Buồn ngủ rũ ra vẫn có thể ngồi xem tivi. Đọc sách thì rất khác, phải có nỗ lực của trí tuệ - nhiều khi phải đọc đi đọc lại, ngẫm nghĩ – thì mới tiếp thu được. Ấn tượng của hình ảnh ngôn từ bền và sâu hơn ấn tượng của hình ảnh nghe nhìn vì nó kích thích và đòi hỏi sự nỗ lực tích cực của trí tuệ. Cách đây không lâu tôi xem trên truyền hình bộ phim Tây sương kí. *Lúc xem thấy vui vui, có những đoạn lí thú nhưng xem xong hầu như không nhớ gì, đến nay thì quên sạch. Nhưng câu Kiều "Mái tây để lạnh hương nguyền – Cho duyên đằm thắm ra duyên bẽ bàng" tôi đọc từ thời trung học, đến nay qua nửa thế kỉ vẫn nhớ, vẫn ngân nga, xao xuyến, đậm đà ý vị. Đọ với phim truyền hình, cán cân nghiêng hẳn về câu thơ này. Những năm gần đây truyền hình chiếu nhiều bộ phim hay. Ngày nay, trong một tháng, khán giả truyền hình đã được xem một số lượng phim hay nhiều hơn. Tuy nhiên, riêng tôi, đã được xem và thích thú với nhiều bộ phim, nhưng điểm lại thì không nhớ được bao nhiêu. Có thể hình ảnh nghe nhìn đâu đó phát huy năng lực trực giác và để lại những dấu ấn trong vô thức. Nhưng trí tuệ về cơ bản phải được rèn luyện và phát triển bằng đọc sách. Không phải hình ảnh nghe nhìn mà chữ và ngôn từ mới tạo ra cái cột vững chãi cho trí tuệ [...]*

(Trích *Văn hóa và tác dụng chiều sâu trong việc xây dựng nhân cách con người – Triết lí văn hóa và triết luận văn chương,* Hoàng Ngọc Hiến, NXB Giáo dục, 2010)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định câu chủ đề của đoạn trích.

Câu 2. *"Ấn tượng của hình ảnh ngôn từ bền và sâu hơn ấn tượng của hình ảnh nghe nhìn vì nó kích thích và đòi hỏi sự nỗ lực tích cực của trí tuệ"* thuộc loại luận cứ nào?

Câu 3. Tác giả đưa dẫn chứng so sánh về việc xem phim *Tây sương kí* và việc đọc *Truyện Kiều* nhằm mục đích gì?

Câu 4. Anh/chị hiểu như thế nào là "*nỗ lực trí tuệ*"?

Câu 5. Chia sẻ của tác giả về trải nghiệm khi khi xem phim truyền hình giúp người đọc rút ra bài học gì?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (*2,0 điểm*)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của Anh/ chị về vai trò của việc đọc sách.

Câu 2. *(4,0 điểm)*

Cho hai đoạn thơ sau

"Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên
Còn những bí và bầu thì lớn xuống
Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn
Rỏ xuống lòng thầm lặng mẹ tôi."

(Trích *Mẹ và quả* - Nguyễn Khoa Điềm)

"Thời gian chạy qua tóc mẹ
Một màu trắng đến nôn nao
Lưng mẹ cứ còng dần xuống
Cho con ngày một thêm cao."

(Trích *Trong lời mẹ hát* – Trương Nam Hương)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hình ảnh người mẹ trong hai đoạn thơ trên.

***ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ:**

Phần	Câu	Nội dung
I		**PHẦN ĐỌC HIỂU**
	1	Câu chủ đề của đoạn trích: *Không phải hình ảnh nghe nhìn mà chữ và ngôn từ mới tạo ra cái cột vững chãi cho trí tuệ*
	2	Câu *"Ấn tượng của hình ảnh ngôn từ bền và sâu hơn ấn tượng của hình ảnh nghe nhìn vì nó kích thích và đòi hỏi sự nỗ lực tích cực của trí tuệ"* thuộc loại luận cứ lí lẽ.
	3	Tác giả đưa dẫn chứng so sánh về việc xem phim *Tây sương kí* và việc đọc *Truyện Kiều* nhằm mục đích chứng minh cho lí lẽ "*Ấn tượng của hình ảnh ngôn từ bền và sâu hơn ấn tượng của hình ảnh nghe nhìn*" từ đó tạo được sức thuyết phục và sự sinh động, hấp dẫn cho bài viết.
	4	-"*Nỗ lực trí tuệ*" là sự cố gắng tư duy, lí giải, phân tích, khái quát, tưởng tượng, ghi nhớ, sáng tạo....
	5	***Hướng dẫn chấm:*** - Trải nghiệm của tác giả khi xem phim truyền hình là: *đã được xem và thích thú với nhiều bộ phim, nhưng điểm lại thì không nhớ được bao nhiêu*

		- Bài học: Không nên đắm chìm vào việc xem phim vì đó chỉ là hình thức giải trí, ít đem lại sự phát triển về trí tuệ. Khi xem có thể đem lại cảm giác thích thú bởi hấp dẫn và dễ tiếp nhận nhưng xem xong hầu như không nhớ và không kích thích trí tuệ phát triển.
II		**VIẾT**
	1	***Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) về vai trò của việc đọc sách***
		a. Xác định yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: vai trò của việc đọc sách
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: Đọc sách giúp phát triển trí tuệ; nâng cao hiểu biết; làm giàu vốn từ, tăng khả năng tư duy; rèn luyện trí nhớ; giảm căng thẳng; bồi đắp, nuôi dưỡng đời sống tâm hồn, tình cảm của con người. Đó chính là nền tảng để tạo dựng tình yêu thương - một trong những tình cảm tốt đẹp trong mối quan hệ giữa người với người. Như vậy, đọc sách là một thói quen tích cực vừa đem lại hiểu biết vừa bồi đắp tâm hồn, tình cảm cho con người. - Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn.
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: vai trò của việc đọc sách - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.
		e. Sáng tạo Suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ…
	2	***Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh hình ảnh người mẹ ở 2 đoạn thơ.***
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: so sánh hình ảnh 2 người mẹ
		- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề cần nghị luận. **- Hình ảnh người mẹ ở đoạn thơ thứ nhất** **+ Nội dung:**

		Đoạn thơ thể hiện suy tư về mẹ đặc biệt là mối quan hệ giữa mẹ và con (mẹ và quả), mẹ là người gieo trồng trên mảnh vườn cây- vườn người, quả và con là thứ thành quả chắt chiu bao công sức của mẹ. Hình ảnh người mẹ như người gieo trồng, hái lượm tảo tần, chịu thương , chịu khó qua năm tháng. Mẹ ko chỉ là người trồng vườn mà còn là người chăm sóc "cây người". Hình tượng hoá giọt mồ hôi nhọc nhằn, giọt mồ hôi xanh kết tụ từ những vất vả, hi sinh của mẹ. **- Nghệ thuật:** + Giọng thơ sâu lắng, suy tư, thấm thía. + Ngôn ngữ giản dị, như lời nói hàng ngày, kết hợp một số biện pháp tu từ: điệp ngữ, đối, so sánh. + Hình ảnh thơ gợi liên tưởng thú vị, sâu sắc, sáng tạo: bí bầu mang dáng giọt mồ hôi + Thể thơ tự do ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt. **- Hình ảnh người mẹ ở đoạn thơ thứ hai** **+ Nội dung:** . Hình ảnh người mẹ già đi theo thời gian, sự vất vả in hằn lên hình dáng của mẹ để nuôi các con khôn lớn trưởng thành. . Hình ảnh mẹ : mái tóc, lưng còng-> sự vất vả, dấu vết của thời gian **- Nghệ thuật:** + Giọng thơ nhẹ nhàng, trong trẻo, tha thiết ngọt ngào và sâu lắng. + Ngôn ngữ giản dị, trong sáng, từ láy, kết hợp một số biện pháp tu từ: đối, nhân hóa. + Hình ảnh thơ gần gũi, mộc mạc + Bút pháp tả thực, tinh tế. + Thể thơ 6 chữ ngắt nhịp, gieo vần linh hoạt. **- So sánh** **+ Giống:** . Cả hai đoạn thơ đều ca ngợi vai trò của người mẹ . Đều bày tỏ tình yêu thương, sự trân trọng, biết ơn đến mẹ . Đều xây dựng nghệ thuật tương phản đối lập giữa hình ảnh lớn lên của đứa con và sự già đi của mẹ. **+ Khác:** **. Đoạn 1: Hình ảnh người mẹ đồng hiện,** chuyển nghĩa liên tưởng thú vị qua việc chăm sóc vườn cây- vườn người. Đặc tả mẹ qua giọt mồ hôi-> vất vả, hi sinh (gợi liên tưởng gián tiếp) **. Đoạn 2: Hình ảnh người mẹ đặc tả qua ngoại hình** -> sự vất vả, hi sinh, dấu vết của thời gian (miêu tả trực tiếp) **. Thể thơ:** Tự do -6 chữ; Giọng thơ NKĐ suy tư trầm lắng; giọng thơ Trương Nam Hương thiết tha dạt dào cảm xúc **- Lí giải:** Có những nét khác biệt ấy là do hoàn cảnh sáng tác và phong cách nghệ thuật khác nhau của hai tác giả. **** Đánh giá*:**

		- Hai đoạn thơ góp phần tô đậm vẻ đẹp của người mẹ trong cuộc sống đời thường, qua đó cũng thể hiện tài năng, PCNT của hai nhà thơ. - Khẳng định vị trí của tác giả trong nền văn học cũng như trong lòng độc giả.
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Triển khai được đầy đủ các luận điểm để làm rõ yêu cầu của đề bài. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.
		đ. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản…
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ, có liên hệ, kết nối, có vận dụng lí luận…

*** LUYỆN ĐỀ ÔN TẬP SỐ 7:**

I. Đọc hiểu (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

AI VÀ CÁC CÔNG NGHỆ MỚI NỔI
ĐƯỢC SỬ DỤNG HỖ TRỢ CỨU HỘ CỨU NẠN NHƯ THẾ NÀO?

(1) Công nghệ đang đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ thúc đẩy nhanh các nỗ lực cứu hộ, cứu trợ nhân đạo, và về lâu dài sẽ giúp các cộng đồng trở nên bền vững hơn.

Các công nghệ mới nổi đã trở thành một trong những yếu tố chính trong các nỗ lực cứu trợ thiên tai và đã được sử dụng từ đầu những năm 2000. Đặc biệt, trận động đất kép có sức tàn phá khủng khiếp xảy ra ở Thổ Nhĩ Kỳ và Syria mới đây đã cho thấy vai trò quan trọng của công nghệ trong việc hỗ trợ các nỗ lực cứu trợ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

Khó có thể hình dung được quy mô tàn phá mà hai trận động đất mạnh 7,8 và 7,5 độ Richter đã gây ra cho khu vực này. Vào ngày 15/2, Tổ chức Y tế thế giới (WHO) tuyên bố đây là thảm họa tồi tệ nhất ảnh hưởng đến khu vực 53 quốc gia châu Âu trong một thế kỷ qua. Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc António Guterres đã mô tả đây là một "thảm họa thiên nhiên khủng khiếp" khi đưa ra lời kêu gọi hỗ trợ gọi khẩn cấp dành cho những người bị ảnh hưởng.

Cả hai quốc gia chịu thiệt hại nặng nề của trận động đất đều đã nhanh chóng nhận được sự hỗ trợ, đóng góp tài chính và các giải pháp từ cứu hộ từ các quốc gia trên toàn thế giới. Đặc biệt trong đó là sự hỗ trợ bởi các ứng dụng công nghệ hiện đại.



(Nguồn ảnh: Internet)

(2) Các công nghệ được sử dụng trong công tác cứu hộ cứu nạn sau trận động đất như thế nào?

Mạng xã hội (MXH) giúp chia sẻ thông tin quan trọng và tổ chức hỗ trợ một cách nhanh chóng. Việc sử dụng phương tiện truyền thông xã hội giúp chia sẻ thông tin quan trọng và tổ chức hỗ trợ một cách nhanh chóng. Theo đó, các MXH như Facebook, Instagram, WhatsApp và Twitter đã được sử dụng để chia sẻ thông tin quan trọng và kêu gọi hỗ trợ.(...)

Sử dụng phần mềm mã nguồn mở tạo bản đồ nhiệt cho các dịch vụ cứu hộ

Hệ thống AI mới giúp cứu sống hàng ngàn nạn nhân

Bộ Quốc phòng Mỹ đang sử dụng hệ thống AI thị giác máy tính để hỗ trợ nỗ lực cứu hộ thiên tai sau trận động đất kinh hoàng.(...)

(3) Tầm quan trọng của công nghệ trong dài hạn

Công nghệ sẽ tiếp tục đóng một vai trò quan trọng trong việc quản lý thảm họa, cũng như cứu hộ cứu nạn trong tương lai. Các ứng dụng khác có thể sẽ được phát triển khi có nhu cầu cụ thể, chẳng hạn như kết nối những người cần hỗ trợ với cơ quan viện trợ hoặc nhóm hỗ trợ phù hợp nhất.

(Theo Tâm An, Tạp chí *Thông tin & Truyền thông*, ngày 01/02/2013)

Trả lời các câu hỏi :

Câu 1. Văn bản viết về đề tài gì?

Câu 2. Dữ liệu thông tin trong văn bản được trình bày theo cách nào?

Câu 3. Việc sử dụng tín hiệu phi ngôn ngữ trong phần (1) có tác dụng như thế nào?

Câu 4. Phần (2) có vai trò như thế nào trong việc thể hiện nội dung chính của đoạn trích?

Câu 5. Quan điểm của anh/chị về vai trò của AI đối với cuộc sống con người?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày ý kiến về quan điểm *"mỗi một người đều có vai trò trong cuộc đời này và đáng được ghi nhận"*.

Câu 2 (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc nghệ thuật trong bài thơ sau:

ĐÊM GIAO THỪA

(Tố Hữu)

Đêm nay pháo nổ giao thừa

Mà người chiến sĩ không nhà còn đi
Truông dài, bãi rậm, đồng khuya
Người đi như chẳng nhớ gì tết xuân
Người đi quên hết gian truân
Say mê như một dân quân trên đường
Xóm làng phảng phất quê hương
Nước non man mác tình thương mặn nồng.
Song trong mưa gió lạnh lùng
Tái tê chân cũng ngại ngùng bước gieo
Nép lưng vào miếu tranh nghèo
Nao nao lòng lại mơ theo cờ hồng.

Xuân 1943

(Nguồn: Tố Hữu, Từ ấy, NXB Văn học, 1959)

Chú thích: *Tố Hữu sinh ngày 04/10/1920, mất ngày 09/12/2002, tên thật là Nguyễn Kim Thành. Quê của ông ở làng Phù Lai, xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế, sau này mất ở Hà Nội. Ông là nhà thơ hoạt động sôi nổi trong thời kỳ cách mạng, để lại rất nhiều tác phẩm quý giá. Khi đất nước giải phóng, ông nắm giữ một số chức vụ trong bộ máy nhà nước trước khi dành những năm cuối đời bên gia đình.*

Mùa xuân 1943, Tố Hữu vượt ngục tù của thực dân Pháp để trở về tiếp tục hoạt động cách mạng

- **ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ:**

Phần	Câu	Nội dung
I		**ĐỌC HIỂU**
	1	Đề tài: Vai trò của công nghệ AI và các công nghệ mới nổi
	2	Cách trình bày dữ liệu trong văn bản: Tổ chức thông tin theo tầm quan trọng của vấn đề (đi từ thực trạng của vấn đề: sử dụng công nghệ trong đời sống, từ đó chỉ ra tầm quan trọng của nó)
	3	- Tín hiệu phi ngôn ngữ trong đoạn (1): sapo, hình ảnh, số liệu, các đề mục in đậm… - Tác dụng: + Làm cho đoạn văn thêm sinh động, hấp dẫn + Giúp người đọc nắm bắt thông tin chính của văn bản một cách nhanh chóng hơn + Giúp trực quan hoá thông tin quan trọng của văn bản: đó là thông tin về vai trò của công nghệ trong việc hỗ trợ thúc đẩy nhanh các nỗ lực cứu hộ, cứu trợ nhân đạo, và về lâu dài sẽ giúp các cộng đồng trở nên bền vững hơn.
	4	Vai trò của phần (2) trong việc thể hiện nội dung chính của đoạn trích: - Nội dung chính của văn bản: vai trò của công nghệ trong việc hỗ trợ thúc đẩy nhanh các nỗ lực cứu hộ, cứu trợ nhân đạo, và về lâu dài sẽ giúp các cộng đồng trở nên bền vững hơn.

		- Cụ thể hoá và cung cấp những thông tin quan trọng về vai trò của công nghệ mà cụ thể ở đây là mạng xã hội đã tham gia vào công tác cứu hộ cứu nạn
	5	Hs đưa ra qua điểm và có sự lí giải hợp lí - Vai trò của AI trong tương lai: + AI có thể kết nối, giúp đỡ mọi người trên phạm vi rộng + Hỗ trợ con người trong các hoạt động đời sống hay kinh doanh + Phát hiện và ngăn chặn các rủi ro: Thảm họa thiên nhiên, động đất, sóng thần, núi lửa, dịch bệnh hay có mối nguy hại trong sản xuất kinh doanh + Hạn chế sử dụng sức lao động của con người…
II		**VIẾT**
	1	**Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày ý kiến về quan điểm *"mỗi một người đều có vai trò trong cuộc đời này và đáng được ghi nhận".***
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận **Ý kiến về quan điểm *"mỗi một người đều có vai trò trong cuộc đời này và đáng được ghi nhận".***
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: *** Mở đoạn:** Giới thiệu vấn đề nghị luận: Nêu được quan điểm về ý kiến: "Mỗi người đều có vai trò trong cuộc đời này và đều đáng được ghi nhận". *** Thân đoạn** - Sự nhỏ bé của con người không giới hạn khả năng của mỗi người bởi trong chúng ta tồn tại những năng lực tiềm ẩn, khát vọng chinh phục lớn lao và một nỗ lực tuyệt vời đang chờ đợi được đánh thức. - Sự phát triển riêng của một người đồng thời tạo nên sự phát triển chung của xã hội. - Cuộc đời tồn tại từ những thứ nhỏ bé đến lớn lao, tùy vào năng lực, hoàn cảnh mỗi người sẽ đóng vai trò riêng. - Sự chung tay của mỗi người, nếu chỉ nhìn vào nỗ lực của một người ta sẽ thấy nó khó để thay đổi vấn đề chung nhưng bằng sự đồng lòng của tất cả, mỗi người làm tốt vai trò riêng của mình sẽ kết thành sức mạnh cộng đồng to lớn. - Chúng ta phải cố gắng khẳng định bản thân dù chỉ là một hạt cát thì hãy

		trở thành một hạt cát tỏa sáng theo cách riêng của mình, như vậy đã rất được ghi nhận. *** Kết đoạn**: Bài học nhận thức: Vai trò của mỗi người chỉ được công nhận khi chúng ta nỗ lực và cố gắng không ngừng
		d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.
	2	**Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc nghệ thuật trong bài thơ *"Đêm giao thừa"* của Tố Hữu**
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận *Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.*
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận **Phân tích, đánh giá chủ đề và những nét đặc sắc nghệ thuật trong bài thơ *"Đêm giao thừa"* của Tố Hữu**
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: * Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm * Phân tích được đặc sắc nội dung và nghệ thuật của tác phẩm: **-Về nội dung:** +Xác định chủ đề: Bài thơ "Đêm giao thừa" của Tố Hữu tập trung vào tâm trạng của người chiến sĩ cách mạng vừa vượt ngục trở về, tiếp tục lên đường chiến đấu. Trong đêm giao thừa, khi mọi người đang sum họp bên gia đình, người chiến sĩ không nhà, không mái ấm riêng tư nhưng vẫn tiếp tục hành trình mình đã chọn, sẵn sàng chịu đựng gian khổ, khó khăn, thử thách, ước mơ về một ngày mai tươi sáng. + Phân tích, đánh giá chủ đề: ++ Bài thơ tập trung vào niềm say mê lí tưởng cách mạng của một tâm hồn trẻ, bất chấp những khó khăn trở ngại *Truông dài, bãi rậm, đồng khuya*, tự hào bản thân như một *dân quân* có bản lĩnh vững vàng để bước vào trận đánh với kẻ thù. ++ Bài thơ thể hiện thái độ sống tích cực của nhân vật trữ tình. Trong thời khắc giao thừa, chuyển sang năm mới, người chiến sĩ không màng hưởng thụ, ăn tết, vui xuân: *Người đi như chẳng nhớ gì tết xuân.* Tâm hồn người chiến sĩ vẫn thể hiện tình yêu sâu nặng với quê hương, đất nước: *Nước non man mác tình thương mặn nồng;*

		++ Bài thơ còn thể hiện tinh thần lạc quan cách mạng của nhân vật trữ tình. Đó là giấc mơ về lá *cờ hồng*, về khát vọng độc lập, tự do của dân tộc. **-Về nghệ thuật**: Sử dụng thể thơ lục bát; giọng điệu tha thiết, trìu mến; lời thơ tự nhiên, giàu tính biểu cảm; nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, liệt kê...; cấu tứ độc đáo, mạch thơ vận động từ bóng tối (đêm giao thừa) đến ánh sáng (cờ hồng),... **- Khẳng định được giá trị tư tưởng của bài thơ:** + Bài thơ gợi ra tâm trạng và hành động đẹp đẽ của người chiến sĩ trong đêm giao thừa với ý chí quyết tâm lên đường thực hiện lí tưởng cao đẹp của cuộc đời mình. + Bài thơ chứa đựng nhiều thông điệp nhân văn cao đẹp, như: tình yêu lí tưởng cách mạng của một tâm hồn trẻ; ý thức sống cống hiến của tuổi trẻ....
		d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.
		e. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.

* LUYỆN ĐỀ ÔN TẬP SỐ 8:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(1)"Người chỉ nói điều lương thiện nhưng không thực hành, người ấy cũng giống như những đóa hoa thật đẹp đầy màu sắc nhưng không hương".

(2)Những đóa hoa có sắc không hương sẽ rất đẹp trong một ngày đầy nắng, nhưng mau chóng biến mất không để lại dấu vết gì khi bóng tối tràn về. [...]

(3)Những lời nói dù đẹp thế nào, dù hoa mỹ đến đâu, vẫn thường nhẹ lắm nếu không có được một hành động cụ thể để giữ lại – những lời nói đó dễ dàng bị gió cuốn đi.

(4)Đôi khi những lời nói hoa mỹ lại không bằng một bàn tay thật ấm, không bằng một đôi tai biết lắng nghe, và không bằng một trái tim biết yêu thương và hiểu cuộc đời.

(5)Có lẽ ai cũng từng có lúc gặp những điều mà không thể nói hết được bằng lời, nên phải nói bằng một lần yên lặng, nói bằng một cái nắm tay, nói bằng một ánh mắt, nói bằng một nụ cười, nói bằng một giọt nước mắt.

(6)Trong im lặng, mọi thứ được nói ra một cách trọn vẹn nhất.

(7)Có những hôm dậy sớm [...], núi ban đêm tĩnh lặng, lâu lâu có tiếng vỗ cánh rất nhẹ của lũ chim ăn đêm ngang qua, có tiếng lũ chim sẻ dưới hiên líp chíp trở mình, có tiếng chuông gió khe khẽ, có hương của những loài hoa nở đêm thoang thoảng mơ hồ - những đóa hoa không khoe sắc, lặng lẽ nở trong đêm rồi tàn khi mặt trời vừa lên và ong bướm bắt đầu rộn ràng kéo đến....

(Trích *Cuộc sống nhìn từ ô cửa thiền, Tập 2*, Võ Thường, NXB Hồng Đức, 2021, tr.142, 143)

Câu 1. Tác giả đã so sánh "*người chỉ nói điều lương thiện nhưng không thực hành*" với hình ảnh nào?

Câu 2. Liệt kê những từ ngữ, hình ảnh, âm thanh miêu tả bức tranh buổi sớm trong đoạn (7): "*Có những hôm...kéo đến*".

Câu 3. Tìm và phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu (5): "*Có lẽ ai cũng từng... nói hết được bằng lời...giọt nước mắt"*
Câu 4. Anh/chị hiểu như thế nào về câu (4) "*Đôi khi những lời nói ... cuộc đời"*
Câu 5. Theo anh/chị, trong cuộc sống mỗi người có cần những phút giây yên lặng?
II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)
Câu 1. (*2,0 điểm)*
Viết đoạn văn (không quá 200 chữ) bàn luận về vấn đề: Phải chăng mỗi người cần có nơi cất giữ bình yên?
Câu 2. *(4,0 điểm)*
Viết một bài văn (khoảng 600 chữ) phân tích đánh giá chủ đề và nhân vật Chương trong truyện *Con gái thuỷ thần- Truyện thứ nhất* của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp

Cái tình chi
Mượn màu son phấn ra đi…(Lời hát cổ)

Chắc nhiều người còn nhớ trận bão mùa hè năm 1956.

Trận bão ấy, ở bãi Nổi trên sông Cái, sét đánh cụt ngọn cây muỗm đại thụ. Không biết ai nói trông thấy có đôi giao long quấn chặt lấy nhau vẫy vùng làm đục cả một khúc sông. Tạnh mưa, dưới gốc cây muỗm, có một đứa bé mới sinh đang nằm. Đứa bé ấy là con thuỷ thần để lại.

Dân trong vùng gọi đứa bé ấy là Mẹ Cả. Ai nuôi Mẹ Cả, tôi không biết, nghe phong phanh trong từ đền Tía đón về nuôi. Lại đồn thím Mòng trên phố chợ đón về nuôi. Lại đồn các xơ trong nhà tu kín đón về, đặt tên thánh cho Mẹ Cả là Gianna *Đoàn Thị Phượng.*

Chuyện Mẹ Cả ám ảnh tôi suốt thời niên thiếu. Một bận, mẹ tôi đi chợ Xuôi về, kể chuyện Mẹ Cả cứu hai cha con ông Hội bên Đoài Hạ.

[...]. Mẹ Cả đang bơi trên sông, trông thấy, hóa phép thành con rái cá ra sức đào bới cứu được hai người

[...]Chuyện Mẹ Cả lung tung lắm, nửa hư nửa thực. Tuổi thơ của tôi u buồn và bề bộn việc, mà việc nào cũng vất vả cả, tôi chẳng có thì giờ để ý đến chuyện người dưng. Nhà tôi làm ruộng, đào đá ong và làm thêm nghề lột giang đan mũ. Làm ruộng chẳng nói ai cũng biết rồi, chẳng dễ dàng gì. Mười bốn tuổi, tôi là thợ cày chủ lực trong hợp tác xã.[...]

[...]Tôi làm một cái chòi, lên đấy nằm đọc truyện. Đọc chẳng vào. Tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Có lần mơ thấy đi cày, cày hết chân ruộng Gò mả nguỵ thì đến thị xã, cứ cày mãi, dân thị xã phải dắt nhau chạy. Có lần mơ thấy đào đá ong, xắn phải ngón chân cái, một lúc sau ngón chân lại tự mọc ra, lại xắn phải lần nữa, cứ thế vài chục lần, lần nào cũng đau lắm. Lại có lần mơ thấy lột giang, dao cứa đứt cả ngón tay, khi ăn cơm phải vục mặt xuống như chó. Đại để giấc mơ của tôi là thế, toàn những việc làm hàng ngày, chẳng ra gì cả.[...]

Trò chuyện mãi, tôi hỏi lão già về chuyện Mẹ Cả. Lão già ôm bụng cười lăn lộn [..]. Lão già lại bảo: "Hồi ấy tao chưa bị liệt. Tao bịa ra chuyện Mẹ Cả. Ai cũng tin. Mộ Mẹ Cả kia kìa, mày muốn biết hình Mẹ Cả đào lên mà xem". Lão già chỉ một nấm đất gần kề gốc muỗm. Tôi lấy chiếc mai trong lều ra chỗ nấm đất, đào lên. Tôi đào theo kiểu người ta vẫn đào khi bốc mộ. Được hơn một mét, tôi lôi dưới ấy lên một khúc gỗ mục chẳng hình thù gì.[...]

Trước mặt tôi, dòng sông đang thao thiết chảy. Sông chảy ra biển. Biển rộng vô cùng. Tôi chưa biết biển, mà tôi sống nửa cuộc đời rồi đấy… Thời gian cũng thao thiết

trôi. Chỉ ít năm nữa đến năm 2000…

Tôi đứng lên, đi về nhà. Ngày mai tôi đi ra biển. Ngoài biển không có thuỷ thần.

(Trích Con gái thuỷ thần- Truyện thứ nhất, Nguyễn Huy Thiệp)

Chú thích

**Tác giả Nguyễn Huy Thiệp là hiện tượng độc đáo của văn học Việt Nam thời kỳ đổi mới. Ông viết nhiều thể loại: thơ, tiểu thuyết, tiểu luận văn chương, kịch...nhưng đặc sắc nhất là truyện ngắn. Đề tài trong truyện ngắn của ông khá đa dạng, gồm lịch sử và văn học, hơi hướng huyền thoại và cổ tích, xã hội làng quê... Nhà văn đã tạo nên lối viết sáng tạo, mới mẻ cho thể loại này.*

**Truyện Con gái thuỷ thần viết năm 1988, kể câu chuyện của Chương, một thanh niên nông thôn nghèo ít học, từ khi sinh ra chỉ biết cày ruộng, đào đá ong và lột giang đan mũ. Từ khi còn nhỏ, Chương đã được nghe đồn về Mẹ Cả, con gái thuỷ thần. Trên hành trình đi tìm con gái thuỷ thần, ở Truyện thứ nhất, Chương gặp cô Phượng. Mặc dù cô rời bỏ anh đột ngột nhưng đã kịp cho anh hiểu rằng cuộc đời thật đẹp và tình yêu thật thú vị. Ở Truyện thứ hai, cô gái tên Phượng khác lại đến, cưu mang cứu vớt anh khỏi cơn đói khát, giành cho anh tình yêu chân thành. Nhưng sức hút của "những tia hào quang lấp ló ở một góc biển" lại thúc giục, mời gọi anh đến, nơi con gái thuỷ thần trú ẩn. Truyện thứ ba, một cô Phượng nữa lại đòi hỏi anh về thể xác, quyền được hưởng thụ..Nhưng tất cả họ đều không phải là Mẹ cả, không phải là con gái thuỷ thần mà anh đang tìm kiếm. Kết thúc tác phẩm là nỗi ngơ ngác bơ vơ của Chương "Con gái thủy thần! Nàng ở đâu? Nàng ở chỗ nào? Vì cái gì? Bởi cái gì? Để tôi mượn màu son phấn ra đi..."*

*ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ

Phần	Câu	Nội dung
I		**PHẦN ĐỌC HIỂU**
	1	Tác giả đã so sánh "*người chỉ nói điều lương thiện nhưng không thực hành"* với hình ảnh *những đóa hoa thật đẹp đầy màu sắc nhưng không hương.*
	2	Liệt kê từ ngữ, hình ảnh, âm thanh miêu tả bức tranh buổi sớm trong đoạn văn: *núi ban đêm tĩnh lặng, tiếng vỗ cánh rất nhẹ của lũ chim ăn đêm; tiếng lũ chim sẻ dưới hiên líp chíp trở mình; tiếng chuông gió khe khẽ; hương của những loài hoa nở đêm; ong bướm bắt đầu rộn ràng kéo đến*
	3	- Biện pháp tu từ: Điệp ngữ (*nói bằng…*), liệt kê (*nói bằng một lần yên lặng, nói bằng một cái nắm tay, nói bằng một ánh mắt, nói bằng một nụ cười, nói bằng một giọt nước mắt)* - Hiệu quả nghệ thuật: + Làm nổi bật những cách thức thể hiện tâm tư, tình cảm, tâm trạng… khi bày tỏ tình cảm, cảm xúc trong im lặng. + Làm cho câu văn trở nên nhịp nhàng, giàu nhạc điệu
	4	- Giải thích nghĩa của câu: + *những lời nói hoa mỹ* - Lời nói hay, trau chuốt, khiến người nghe hài lòng; Biểu hiện bên ngoài, cái hình thức... + *một bàn tay thật ấm, một đôi tai biết lắng nghe, một trái tim biết yêu thương và hiểu cuộc đời*- Hành động, cách ứng xử đẹp, cái nhìn tỉnh táo mà luôn cảm thông, thấu hiểu, bao dung với cuộc đời, con người... + Câu nói mang hàm ý khẳng định: Cái đẹp bên ngoài, lời nói hay không bằng hành động đúng, đẹp; thấu hiểu và yêu thương. - Nhận xét: Câu văn thể hiện cái nhìn sâu sắc, giàu tính nhân văn của người viết về cuộc đời. Lời nói hay không bằng hành động đẹp; hãy biết yêu thương, cảm thông, thấu hiểu, tỉnh táo sáng suốt mà bao dung với cuộc đời, với con người.

	5	- Trong cuộc sống, mỗi người cần có những phút giây yên lặng để: lắng nghe cuộc sống, cảm nhận mọi âm thanh, hình ảnh, sắc màu cuộc đời; thấu hiểu cuộc sống, con người, hiểu chính mình; im lặng giúp ta tập trung làm việc cao hơn từ đó cho năng suất lao động lớn hơn; im lặng cũng là cách để ta thư giãn tâm hồn sau những ồn ào, vất vả của cuộc sốn... - Lí giải một cách hợp lí và thuyết phục.
II		**PHẦN VIẾT**
	1	Viết đoạn văn bàn luận về vấn đề: Phải chăng mỗi người cần có nơi cất giữ bình yên?
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Xác định đúng yêu cầu về hình thức, dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, móc xích hoặc song hành...
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: *Phải chăng mỗi người cần có nơi cất giữ bình yên?*
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: ***Nêu vấn đề:** Cuộc sống của con người chính là một hành trình kiếm tìm hạnh phúc và sự bình yên ***Giải thích:** Nơi cất giữ bình yên: Là nơi con người tìm thấy cảm giác an toàn, sự thanh thản, nhẹ nhõm trong tâm hồn... *** Bình luận:** ***- Tại sao con người cần có nơi cất giữ bình yên?*** + Trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc, con người phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thử thách, cạm bẫy, dối lừa... khiến họ mệt mỏi, chông chênh, cô đơn và sợ hãi. Khi đó, con người cần tìm cho mình một nơi để cất giữ bình yên. + Tìm được nơi cất giữ bình yên sẽ giúp con người: *có được điểm tựa tinh thần để cân bằng lại cuộc sống, tìm thấy hạnh phúc đích thực; tâm hồn trở nên nhẹ nhàng, thanh thản và tinh tế hơn; có động lực và sức mạnh để vượt lên chính mình, vượt qua những thử thách và cám dỗ; có những giây phút bình yên để nhận thức sâu sắc hơn về bản thân và bản chất đời sống; thấy được vẻ đẹp của cuộc sống và những chân giá trị ở đời để thêm yêu đời, yêu người; có được những mối quan hệ xã hội hài hòa, tốt đẹp...* ***- Con người làm thế nào để tìm thấy nơi cất giữ bình yên của chính mình?*** + Lắng nghe tiếng lòng mình + Mở lòng để đón nhận vẻ đẹp của cuộc đời và các mối quan hệ xã hội + Sống vững tâm, không bị cuốn theo những giá trị phù phiếm ... ***- Mở rộng vấn đề*** + Tìm nơi cất giữ bình yên không phải là xa lánh cuộc đời, sống buông xuôi, đầu hàng số phận... + Phê phán những người mải mê chạy theo những giá trị vật chất, đánh mất sự bình yên trong tâm hồn *** Bài học nhận thức và hành động:** - Nhận thức được ý nghĩa của nơi cất giữ bình yên trong cuộc sống của mỗi người

		- Cần chủ động kiếm tìm nơi cất giữ bình yên cho chính mình
		d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: Nơi cất giữ bình yên - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.
		e. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.
		g. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề cần nghị luận.
	2	**Viết một bài văn nghị luận Phân tích, đánh giá chủ đề và nhân vật Chương trong truyện ngắn Con gái thuỷ thần- Truyện thứ nhất của Nguyễn Huy Thiệp.**
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: Nghị luận về chủ đề và nhân vật trong truyện ngắn hiện đại
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Phân tích chủ đề và nhân vật Chương trong đoạn trích
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận:
		*** Giới thiệu và nêu vấn đề nghị luận:** **LĐ1: Khái quát chủ đề văn bản** + *Con gái thuỷ thần- Truyện thứ nhất* kể về hành trình của Chương, một chàng trai lang thang từ làng quê ngược đường ra biển lớn, mòn mỏi tìm kiếm một bóng hình của "Con gái thuỷ thần". Khi Chương còn nhỏ anh nghe đồn truyện về Mẹ Cả, con gái thuỷ thần. Câu chuyện về Mẹ Cả ám ảnh Chương đến tận thời niên thiếu. Để rồi cả đời Chương đi tìm kiếm con gái thuỷ thần. Mặc dù đã có người xác thực truyện con gái thuỷ thần là chuyện bịa, và người ta chỉ ngôi mộ của Mẹ cả, "*tôi đào theo kiểu người ta vẫn đào khi bốc mộ*, chỉ là *một khúc gỗ mục chẳng hình thù gì* mặc dù "*ngoài biển không có thuỷ thần"* nhưng Chương vẫn không thôi tìm kiếm *con gái thuỷ thần*, vẫn trăn trở gióng riết ra biển... + Hành trình từ nhà ra phố, từ làng ra "biển" là hành trình Chương đi tìm câu trả lời cho những câu hỏi: *"Con gái thuỷ thần! Nàng ở đâu? Nàng ở chỗ nào? Vì cái gì? Bởi cái gì? Để tôi mượn màu son phấn ra đi..."* cho thấy khát vọng của con người tìm đến với tình yêu, thoát khỏi cuộc sống buồn tẻ, mệt mỏi và tù túng. Đồng thời nhà văn Nguyễn Huy Thiệp dường như muốn truyền tải một thông điệp. Đó là thức tỉnh những ai còn mơ mộng, ảo tưởng vào những điều huyễn hoặc hãy biết sống lý trí hơn, đừng vì ảo vọng mà đánh mất một thanh xuân tươi đẹp. **LĐ2: Phân tích nhân vật Chương trong truyện Con gái thuỷ thần- Truyện thứ nhất** *** Nhân vật Chương với truyện con gái thuỷ thần:** *** Nhân vật Chương với hành trình đi tìm Mẹ Cả, con gái thuỷ thần**

		LĐ3: Đánh giá chủ đề và ý nghĩa của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề **- LĐ4: Về nghệ thuật:** + Nghệ thuật khắc hoạ nhân vật độc đáo. + Nghệ thuật kể chuyện. + Xây dựng kết cấu truyện đặc sắc. ***Khẳng định giá trị của tác phẩm:** -Truyện ngắn *Con gái thuỷ thần* khắc hoạ nỗi cô đơn của những con người mải mê đi tìm điều thiện, đi tìm cái cao đẹp của cuộc đời. " *Hành trình tìm điều thiện lặng lẽ và cô đơn như con dã tràng xe cát*" - Qua hành trình tìm Mẹ Cả của nhân vật Chương nhà văn cũng cho thấy bức tranh đa dạng, muôn màu, phức tạp, bí ẩn của cuộc sống. -Trước thế giới đa chiều đó, người sáng tạo nghệ thuật không được nhìn nhận giản đơn mà phải nhìn sâu sắc, đa diện, bằng tất cả những lo âu, trăn trở, lí giải nó ở mọi khía cạnh, mọi khả năng có thể có được.
		d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau: - Triển khai được ít nhất ba luận điểm để làm nổi bật hành trình từ nhà ra phố, từ làng ra "biển" đi tìm Mẹ cả, con gái thuỷ thần của nhân vật Chương, từ đó thấy Nỗi cô đơn, bơ vơ lạc lõng của con người trên hành trình tìm đến cái đẹp, điều thiện và cả những ảo vọng hão huyền, xa vời những hư hao mất mát không sao tránh khỏi của con người trên hành trình đó. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. *Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.*
		e. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.
		g. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề cần nghị luận.

* LUYỆN ĐỀ ÔN TẬP SỐ 9:

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Anh ra khơi
Mây treo ngang trời những cánh buồm trắng
Phút chia tay, anh dạo trên bến cảng
Biển một bên và em một bên

Biển ồn ào, em lại dịu êm
Em vừa nói câu chi rồi mỉm cười lặng lẽ
Anh như con tàu lắng sóng từ hai phía
Biển một bên và em một bên

Ngày mai, ngày mai khi thành phố lên đèn

Tàu anh buông neo dưới chùm sao xa lắc
Thăm thẳm nước trời, nhưng anh không cô độc
Biển một bên và em một bên

Đất nước gian lao chưa bao giờ bình yên
Bão thổi chưa ngừng trong những vành tang trắng
Anh đứng gác. Trời khuya. Đảo vắng
Biển một bên và em một bên

Vòm trời kia có thể sẽ không em
Không biển nữa. Chỉ mình anh với cỏ
Cho dù thế thì anh vẫn nhớ
Biển một bên và em một bên...

(*Thơ tình người lính biển*, Trần Đăng Khoa,
trích Bên cửa sổ máy bay, NXB Tác phẩm mới, 1985)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của bài thơ.

Câu 2. Xác định hình ảnh được sử dụng để so sánh với *anh* trong bài thơ.

Câu 3. Trình bày hiệu quả của việc sử dụng hình thức lời tâm sự của *anh* với *em* trong bài thơ.

Câu 4. Nêu sự vận động cảm xúc của nhân vật trữ tình *anh* trong bài thơ.

Câu 5. Nếu là cô gái trong bài thơ, anh/chị muốn nói điều gì với người yêu là lính biển trong cuộc chia tay lưu luyến này? (Trình bày khoảng 5-7 dòng).

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích nhân vật trữ tình *anh* trong bài thơ ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4,0 điểm)

Công nghệ số đã tạo nên những thay đổi mạnh về mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái. Giữa cái mới và cái cũ đan xen, tích cực có mà tiêu cực cũng không ít.

Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề trên.

***ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ :**

Phần	Câu	Nội dung
I		**ĐỌC HIỂU**
	1	Số chữ trong các dòng thơ không đồng nhất/không bằng nhau là cơ sở để xác định thể thơ tự do của văn bản.
	2	Hình ảnh được sử dụng để so sánh với *anh: con tàu.*
	3	Hiệu quả của việc sử dụng hình thức lời tâm sự của *anh* với *em*: - Tạo giọng điệu tâm tình thiết tha, sâu lắng. - Thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng của nhân vật trữ tình *anh* với *em* và biển đảo quê hương.
	4	Sự vận động cảm xúc của nhân vật trữ tình *anh*: - Cảm xúc **bồi hồi** của *anh* từ khi chia tay ở bến cảng cho tới lúc người lính làm nhiệm vụ ở đảo xa.

		- Khẳng định, khắc sâu tinh thần và ý chí quyết tâm của người lính đảo sẽ vượt qua khó khăn, thử thách; dù phải đối mặt với **nỗi nhớ em**, **sự trống trải**, **cô đơn** và cả sự hi sinh.
	5	- Học sinh có thể trả lời theo nhiều cách trước tình huống đặt ra, miễn sao có sức thuyết phục. Sau đây là gợi ý: - Thể hiện sự lưu luyến, nhớ thương và niềm tự hào khi có người yêu là lính biển. - Khẳng định sẽ thường xuyên viết thư, nhắn tin, gọi điện thăm hỏi. Động viên người yêu yên tâm công tác.....
II		**VIẾT**
	1	**Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) phân tích nhân vật trữ tình *anh* trong bài thơ ở phần Đọc hiểu.**
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn: Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: phân tích nhân vật trữ tình *anh* trong văn bản *Thơ tình người lính biển*.
		c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo những nội dung sau: - Tâm trạng phơi phới, thể hiện sự hăm hở, quyết tâm vươn lên phía trước của người lính đảo. - Đọng lại trong cảm xúc của người lính trẻ trong buổi lên đường là giây phút chia tay người con gái yêu thương đầy nhung nhớ. - Biển và em, tình yêu đôi lứa và tình yêu đất nước đều gần gũi, thân thiết, đều quan trọng trong anh không thể tách rời. - Ngày mai, khi em về thành phố, giữa cái mênh mông của biển cả, anh chỉ có một mình nhưng không cô đơn, trống trải. - Người lính đảo sẽ vượt qua khó khăn, thử thách dù phải đối mặt với sự trống trải, cô đơn và cả sự hi sinh **Lưu ý:* Sắp xếp được hệ thống ý hợp lí theo đặc điểm bố cục của đoạn văn.
		d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.
		đ. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.
	2	**Viết một bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề: Làm thế nào để dung hòa mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái trước sự tác động của công nghệ số và kinh tế thị trường.**
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức và dung lượng bài văn Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (600 chữ) của bài văn.
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Công nghệ số, kinh tế thị trường đã tạo nên những thay đổi tích cực và tiêu cực trong gia đình; làm thế nào để hài hòa các mối quan hệ ấy.

		c. Viết bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu - Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng sau: **** Mở bài***: Giới thiệu vấn đề nghị luận. **** Thân bài***: - Giải thích: Mối quan hệ giữa các thành viên gia đình là mối liên kết tình cảm, tâm lý đặc biệt, gắn bó với nhau về quyền lợi và trách nhiệm trong suốt cuộc đời, từ lúc sinh ra cho đến khi từ giã cuộc đời. - Bàn luận: + Ngày nay, con cái được học hành đến nơi đến chốn, tiếp thu được nhiều cái mới, nhất là trong thời công nghệ số. Vậy nên, có nhiều vấn đề các con cái biết nhưng cha mẹ chưa biết. + Vì thế, quan hệ, ứng xử giữa cha mẹ và con cái phải dựa trên sự bình đẳng, thấu hiểu, tôn trọng. + Cha mẹ cần khuyến khích con chủ động, tự tin nói lên chính kiến, nhưng phải có sự chuẩn mực trên cơ sở kế thừa những nét đẹp của truyền thống gia đình Việt. + Nếu con cái ứng xử "lệch chuẩn" thì cha mẹ cần tìm hiểu nguyên nhân để uốn nắn, giúp con cái hình thành nhân cách, ý thức trách nhiệm để trở thành người tốt. - Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác. *** Kết bài**: Khái quát vấn đề nghị luận. *Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.*
		d. Diễn đạt: Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.
		đ. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.

*** LUYỆN ĐỀ ÔN TẬP SỐ 10.**

I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản:

Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm
Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?
- Chưa đâu! Và ngay cả trong những ngày đẹp nhất
Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc,
Nguyễn Du viết Kiều, đất nước hoá thành văn,
Khi Nguyễn Huệ cưỡi voi vào cửa Bắc,
Hưng Đạo diệt quân Nguyên trên sóng Bạch Đằng...

Những ngày tôi sống đây là ngày đẹp hơn tất cả
Dù mai sau đời muôn vạn lần hơn!
Trái cây rơi vào áo người ngắm quả,
Đường nhân loại đi qua bóng lá xanh rờn,
Mặt trời đến mỗi ngày như khách lạ
Gặp mỗi mặt người đều muốn ghé môi hôn...

...
Không ai có thể ngủ yên trong đời chật
Buổi thuỷ triều vẫy gọi những vầng trăng,
Mỗi gié lúa[1] đều muốn thêm nhiều hạt,
Gỗ trăm cây đều muốn hoá nên trầm,[2]
Mỗi chú bé đều nằm mơ ngựa sắt,
Mỗi con sông đều muốn hoá Bạch Đằng...

(Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?, Chế Lan Viên, NXB Văn học, 2002, tr.354, 355)

Chú thích:

- Chế Lan Viên là một nhà thơ lớn, nhà nghiên cứu lý luận, nhà phê bình văn học nghệ thuật. Bài thơ "Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?" được sáng tác khi cả nước đang trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước.

gié lúa[1]*:* bông lúa.

trầm[2]*:* gỗ lâu năm, có mùi hương thoang thoảng dễ chịu.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản trên.

Câu 2. Nêu những từ ngữ cảm thán thể hiện cảm xúc của tác giả khi viết về Tổ quốc trong hai dòng thơ đầu.

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê đối với việc thể hiện nội dung chính trong đoạn thơ sau:

Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc,
Nguyễn Du viết Kiều, đất nước hoá thành văn,
Khi Nguyễn Huệ cưỡi voi vào cửa Bắc,
Hưng Đạo diệt quân Nguyên trên sóng Bạch Đằng...

Câu 4. Nhận xét suy nghĩ, tình cảm của tác giả được thể hiện qua những hệ thống hình ảnh kết hợp động từ *muốn, nằm mơ* trong đoạn thơ sau:

Mỗi gié lúa đều muốn thêm nhiều hạt
Gỗ trăm cây đều muốn hoá nên trầm
Mỗi chú bé đều nằm mơ ngựa sắt
Mỗi con sông đều muốn hoá Bạch Đằng...

Câu 5. Theo anh/chị, tuổi trẻ cần làm gì để thể hiện lòng biết ơn đối với thế hệ cha anh (trình bày khoảng 5-7 dòng)?

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (*2,0 điểm*) Anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) cảm nhận về tình cảm của tác giả đối với đất nước được thể hiện trong khổ thơ đầu bài thơ *Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?* Của tác giả Chế Lan Viên.

Câu 2. (*4,0 điểm*) Hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) về vai trò của lí tưởng sống đối với tuổi trẻ.

***ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ:**

Phần	Câu	Nội dung
I		**ĐỌC HIỂU**
	1	Thể thơ tự do
	2	Những từ ngữ cảm thán thể hiện cảm xúc của tác giả khi viết về Tổ quốc trong hai dòng thơ đầu: *Hỡi, thế này chăng.*
	3	- Các từ ngữ biểu hiện của phép tu từ liệt kê trong đoạn thơ: *Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Huệ, Hưng Đạo; (*hoặc: *làm thơ, đánh giặc, viết Kiều).* - Tác dụng: Thể hiện niềm tự hào về những danh nhân, anh hùng của đất nước; niềm vui sướng, yêu mến thiết tha đối với lịch sử, truyền thống, Tổ quốc; tạo giọng điệu hào hùng cho đoạn thơ.
	4	Suy nghĩ, tình cảm của tác giả được thể hiện qua những hệ thống hình ảnh kết hợp động từ *muốn, nằm mơ* trong đoạn thơ: khát khao được cống hiến cho cuộc đời, cho đất nước; bộc lộ tình yêu đối với Tổ quốc.
	5	HS trình bày suy nghĩ của bản thân về những việc tuổi trẻ cần làm để thể hiện lòng biết ơn đối với thế hệ cha anh. Có thể theo hướng: tham gia các hoạt động tưởng

Phần	Câu	Nội dung
		nhớ các anh hùng liệt sĩ, tri ân các thương bệnh binh, người có công với đất nước; học tập và lao động chăm chỉ góp phần dựng xây đất nước giàu đẹp; rèn luyện sức khoẻ, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc;...
II		**VIẾT**
	Câu 1	**Hãy viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích, đánh giá văn bản phần Đọc hiểu.**
		a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn Bảo đảm đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 150 chữ) của đoạn văn. Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận **Phân tích, đánh giá về nội dung và nghệ thuật văn bản phần Đọc hiểu.**
		c. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu Lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp, kết hợp chặt chẽ lí lẽ và dẫn chứng trên cơ sở đảm bảo các nội dung sau: * Nội dung: + Tự hào về lịch sử dân tộc, yêu quê hương đất nước. + Thể hiện niềm tự hào về những danh nhân, anh hùng của đất nước (*Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Huệ, Hưng Đạo)*; niềm vui sướng, yêu mến thiết tha đối với lịch sử, truyền thống, Tổ quốc (*Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm/Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?*). + Bài thơ là khúc ca đẹp về lí tưởng sống, lí tưởng cách mạng, về khao khát được cống hiến cho cuộc đời, cho đất nước. * Nghệ thuật: + Thể thơ tự do. + Giọng thơ hào hùng, âm hưởng ngợi ca. + Sử dụng nhiều biện pháp tu từ.
		d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.
		đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.
	Câu 2	**Hãy viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) về vai trò của lí tưởng sống đối với tuổi trẻ.**
		a. Bảo đảm bố cục và dung lượng của bài văn nghị luận Bảo đảm yêu cầu về bố cục và dung lượng (khoảng 400 chữ) của bài văn.
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Vai trò của lí tưởng sống đối với tuổi trẻ.
		c. Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn lí lẽ và dẫn chứng; trình bày được hệ thống ý phù hợp theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận. Có thể triển khai theo hướng: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận. * Thân bài: Triển khai vấn đề nghị luận - Giải thích: Lý tưởng sống hay lẽ sống là cái đích cuộc sống mà mỗi người khát

Phần	Câu	Nội dung
		khao muốn đạt được. - Bàn luận: + Người sống có lí tưởng không bị dao động về lập trường, tư tưởng, không bỏ cuộc, lầm đường dù có khó khăn gian khổ, kiên định con đường mình đã chọn. + Lí tưởng giúp con người không ngừng hoàn thiện mình mỗi ngày, hoàn thiện nhân cách, nhận ra giá trị của chính mình, sống tích cực, lạc quan; có mục đích để phấn đấu vươn lên, nỗ lực hành động, vượt qua những giới hạn của bản thân và kiến tạo những giá trị tốt đẹp, lan tỏa lối sống cống hiến trong cộng đồng. - Mở rộng vấn đề, trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác * Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận. *Lưu ý: HS có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.*
		d. Diễn đạt Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản
		đ. Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.

HẾT